THÔNG TIN LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ HÀ TĨNH

2-9

1945-2026



Số 59
9/2026

Chào mừng

81 NĂM NGÀY CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG (19/8/1945 - 19/8/2026)
VÀ NGÀY QUỐC KHÁNH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (02/9/1945 - 02/9/2026)



Hội nghị công bố các quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Hà Tĩnh về công tác cán bộ, (ngày 01/6/2026)



Đảng uỷ, Ban Giám hiệu Trường Chính Trị Trần Phú tặng hoa đồng chí Phan Duy Vĩnh - Uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Hiệu trưởng, (ngày 01/6/2026)

THÔNG TIN
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ
SỐ: 59/2026

Chịu trách nhiệm xuất bản:
THS. CVCC. PHAN DUY VĨNH

Ban biên tập:
THS. CVCC. PHAN DUY VĨNH
TS. NGUYỄN QUANG NGỌC
THS. TRẦN ÁNH DƯƠNG
THS. NGUYỄN XUÂN BÉ
THS. TRẦN THỊ QUỲNH NGA
THS. NGUYỄN THẮNG MỸ
THS. NGUYỄN TRỌNG VINH
THS. NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

Thư ký:
THS. NGUYỄN THỊ THẢO LINH

Trình bày:
THS. PHAN BÁ LINH

Địa chỉ: TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TRẦN PHÚ HÀ TĨNH
Số 14, Đường Hoàng Xuân Hãn,
Phường Thành Sen, Tỉnh Hà Tĩnh
Điện thoại: 02393 885073
Fax: 02393 885073

Email:phongkhoahoc.tcttp@gmail.com
Website:http://www.truongchinhtrihatinh.gov.vn

Bìa 1: Sưu tầm
Bìa 2,3,4: Ảnh: Tư liệu trường

In 100 cuốn, khuôn khổ 19 x 26,5 cm tại Công ty CP In Hà Tĩnh. Số 153, đường Hà Huy Tập, P. Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh. Giấy phép xuất bản số: ..../GP-SVHTTDL do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp ngày ..... In xong và nộp lưu chiểu tháng 9/2026

MỤC LỤC

Ths. CVCC. Phan Duy Vĩnh	Đổi mới công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học ở Trường Chính trị Trần Phú gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX	2
TS. Nguyễn Quang Ngọc	Tư tưởng của V.I.Lênin và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	11
ThS. Nguyễn Quỳnh Nga	Những đóng góp của đồng chí Hà Huy Tập đối với Đại hội đại biểu Toàn quốc lần thứ I của Đảng	17
ThS. Trần Thị Bích Thủy	Đồng chí Hà Huy Tập với việc phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng đối với các hình thức tổ chức tập hợp lực lượng giai đoạn 1936-1939	21
HỌC TẬP, THỰC HÀNH TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHƯƠNG PHÁP, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH		
ThS. Nguyễn Thắng Mỹ	Vận dụng quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về "thi đua yêu nước" trong giai đoạn mới	25
ThS. Phan Chí Quyết	Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục lý luận chính trị vào giảng dạy tại Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị Trần Phú trong giai đoạn hiện nay	29
ThS. Lê Thị Thùy Dung	Giảng viên Trường Chính trị Trần Phú học tập, thực hành "tự soi, tự sửa" theo tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh	33
ThS. Nguyễn Hà Giang	Đảng viên chi bộ Khoa Nhà nước và pháp luật thực hành "nói đi đôi với làm" theo tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh	38
BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG		
ThS. Trần Thị Quỳnh Nga	Nâng cao hiệu quả việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác tư tưởng, lý luận góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng	42
ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế của đội ngũ cán bộ cấp xã, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng	48
ThS. Nguyễn Thị Thảo Linh	Quy định số 19-QĐ/TW về công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng - "Lá chắn thép" bảo vệ Đảng từ bên trong	53
NGHIÊN CỨU, TRAO ĐỔI		
ThS. Trần Ánh Dương	Năng lực, phẩm chất, bản lĩnh cá nhân ảnh hưởng đến đạo đức công vụ của cán bộ, công chức cấp xã trong giai đoạn hiện nay	58
ThS. Nguyễn Xuân Bé	Phát huy vai trò của cấp ủy cấp xã trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp	63
ThS. Chu Thị Thu Huyền	Phát huy tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của cán bộ chủ chốt các phường ở Hà Tĩnh trong điều kiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ	67
ThS. Võ Thanh Cường	Chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng ở cấp xã hiện nay - yêu cầu khách quan và một số giải pháp	73
ThS. Trần Thị Thúy Hường	Nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tại Hà Tĩnh sau sắp xếp, tinh gọn bộ máy	79
ThS. Nguyễn Thị Phương Thúy	Phát huy vai trò "chủ đạo" và "dẫn dắt" của kinh tế nhà nước trong giai đoạn hiện nay	84
THỰC TIỄN, KINH NGHIỆM		
ThS. Nguyễn Trọng Vinh	Xây dựng quy hoạch tổng thể - yếu tố quan trọng bảo đảm vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp ở Hà Tĩnh	89
TS. Hồ Thanh	Đổng kiến tạo tri thức, giá trị mới trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại Trường Chính trị Trần Phú	93
ThS. Nguyễn Thị Lam	Phát huy giá trị văn hóa truyền thống Hà Tĩnh - sức mạnh nội sinh trong kỷ nguyên số và hội nhập	97
ThS. Dương Thị Vân Linh	Đưa chuyển đổi số thực sự trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Hà Tĩnh	102
ThS. Nguyễn Anh Tấn	Một số giải pháp đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tại Hà Tĩnh trong giai đoạn hiện nay	106

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ GẮN VỚI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH HÀ TĨNH LẦN THỨ XX

❄ ThS.CVCC. PHAN DUY VĨNH
TUV, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng

Tóm tắt:** Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng tiếp tục khẳng định xây dựng đội ngũ cán bộ là "then chốt của then chốt", đồng thời nhấn mạnh yêu cầu phát triển lý luận gắn với tổng kết thực tiễn, lấy thực tiễn làm thước đo giá trị của lý luận và hiệu quả của công tác lãnh đạo, quản lý. Trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới đòi hỏi cần xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy đổi mới, năng lực quản trị hiện đại và khả năng tổ chức thực tiễn. Do vậy, đổi mới công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học ở Trường Chính trị Trần Phú gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX là yêu cầu bức thiết góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học của Nhà trường và phục vụ hiệu quả sự nghiệp phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

Trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với khát vọng xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045, yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy đổi mới, năng lực quản trị hiện đại và khả năng tổ chức thực tiễn ngày càng trở nên cấp thiết. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng tiếp tục khẳng định xây dựng đội ngũ cán bộ là "then chốt của then chốt", đồng thời nhấn mạnh yêu cầu phát triển lý luận gắn với tổng kết thực tiễn, lấy thực tiễn làm thước đo giá trị của lý luận và hiệu quả của công tác lãnh đạo, quản lý.

Trường chính trị cấp tỉnh giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở; đồng thời là trung tâm nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và tham mưu chính sách cho cấp ủy, chính quyền địa phương. Với việc Ban Bí thư ban hành Quy định số 396-QĐ/TW về trường chính trị chuẩn, yêu cầu đối với các trường chính trị không chỉ dừng lại ở việc nâng cao chất lượng đào tạo mà còn phải phát huy mạnh mẽ chức năng nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và tham gia xây dựng các luận cứ khoa học phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo phát triển địa phương. Quy định số 396-QĐ/TW là một bước đột phá lớn, siết chặt các tiêu chí về đội ngũ, năng lực nghiên cứu khoa học, chất lượng đào tạo và văn hóa trường Đảng nhằm hướng tới sự thực chất, loại bỏ tư duy chạy theo thành tích cơ học; tạo bước chuyển quan trọng về tư duy quản lý theo tiêu chí gắn quản trị chất lượng với các chuẩn mực định lượng, lấy hiệu quả đào tạo, nghiên

cứu và khả năng phục vụ thực tiễn làm thước đo.

Đối với Hà Tĩnh, Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030 đã xác định mục tiêu phát triển nhanh, bền vững trên nền tảng đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và nâng cao chất lượng quản trị địa phương. Việc thực hiện chức năng giảng dạy và nghiên cứu khoa học theo Quy định 396-QĐ/TW, gắn liền với việc vận dụng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX tại Trường Chính trị Trần Phú là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, cấp bách. Điều này đảm bảo tính Đảng, tính thời sự; đảm bảo Trường Chính trị Trần Phú là "vườn ươm" nguồn nhân lực chất lượng cao, trực tiếp góp phần tháo gỡ những "điểm nghẽn" trong phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo Nhà trường thực hiện tốt vai trò "vừa là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, vừa là nơi nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn" của tỉnh Hà Tĩnh. Những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được xác định trong Nghị quyết chính là nguồn thực tiễn sinh động để đổi mới nội dung đào tạo, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn tại Trường Chính trị Trần Phú.

Thời gian qua, nhiều nội dung của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh chưa được tích hợp một cách đồng bộ, thường xuyên vào chương trình đào tạo, giáo trình, bài giảng cũng như hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường. Điều này đặt ra yêu cầu đổi mới toàn diện cả về nội dung, phương pháp giảng dạy, định hướng nghiên cứu khoa học và cơ chế chuyển hóa kết quả nghiên cứu thành các luận cứ phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý.

Xuất phát từ yêu cầu đó, bài viết tập trung phân tích những nội dung cơ bản của Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX; đồng thời đề xuất các định hướng và giải pháp nhằm vận dụng hiệu quả Nghị quyết vào công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn tại Trường Chính trị Trần Phú, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ, xây dựng trường chính trị chuẩn và phục vụ hiệu quả sự nghiệp phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

1. Những nội dung cơ bản của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX diễn ra trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với nhiều thời cơ và thách thức đan xen. Với chủ đề "Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy truyền thống đoàn kết, giá trị văn hóa, con người và nguồn nhân lực chất lượng cao Hà Tĩnh; đổi mới sáng tạo, phát triển toàn diện, nhanh, bền vững", Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 – 2030 đã được tổ chức từ ngày 30/09/2025 đến ngày 02/10/2025, tại phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh với 400 đại biểu chính thức đại diện cho trên 100.000 đảng viên của Đảng bộ tham dự. Đại hội xác định quan điểm phát triển nhanh và bền vững dựa trên ba trụ cột là công nghiệp hiện đại, dịch vụ chất lượng cao và nông nghiệp thông minh. Trong đó, lấy công nghiệp làm bệ đỡ chính, định hướng Khu kinh tế Vũng Áng là động lực tăng trưởng mũi nhọn gắn liền với kinh tế biển, năng lượng tái tạo, chế biến chế tạo và logistics. Tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu, phát triển mô hình kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn. Mục tiêu đến năm 2030, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại; đẩy mạnh chuyển đổi số; giữ vững quốc phòng - an ninh; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, sức khỏe của Nhân dân. Chỉ tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân từ

10% trở lên. Nâng cao chất lượng đời sống với tổng sản phẩm (GRDP) bình quân đầu người đạt 168 triệu đồng và thu nhập bình quân đầu người đạt mức 80 triệu đồng. Kim ngạch xuất khẩu đạt 4 tỷ USD. Tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước bình quân hàng năm giai đoạn 2026 - 2030 đạt 10%. Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số chiếm từ 15-20% trong GRDP. Xếp hạng hoạt động chính quyền số nằm trong nhóm 15/34 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. Chỉ số phát triển con người (HDI) phấn đấu đạt 0,76. Có trên 90% trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trên 80% trường trung học phổ thông công lập, cùng ít nhất 80% cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn quốc gia. Đặc biệt, từ năm 2026, người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần… Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự đạt 95%, cơ sở vững mạnh toàn diện đạt 97%. Tỷ lệ xã, phường không có ma túy tối thiểu đạt 50%.

Đại hội đã xác định ba khâu đột phá chiến lược trong nhiệm kỳ gồm: (1) Đẩy mạnh chuyển đổi số trên ba trụ cột: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và quản trị công phục vụ người dân, doanh nghiệp hiệu quả; (2) Tập trung phát triển, thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cấp cơ sở có uy tín, năng lực thực tiễn, hành động quyết liệt và hiệu quả; (3) Phát triển hạ tầng đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là khu, cụm công nghiệp lớn, logistics, giao thông kết nối và hạ tầng quanh ga đường sắt tốc độ cao theo mô hình TOD. Xây dựng, mở rộng Khu kinh tế Vũng Áng thành trung tâm công nghiệp - năng lượng - cảng biển - logistics của khu vực và cả nước.

Để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra, Đảng bộ Hà Tĩnh xác định các nhiệm vụ giải pháp trọng tâm, tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện của Đảng trong xây dựng và thi hành pháp luật; tinh gọn bộ máy chính quyền địa phương hai cấp; đổi mới công tác cán bộ gắn với đánh giá sản phẩm thực chất; đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tập trung phát triển các thành phần kinh tế; huy động tối đa, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại. Tăng cường thu hút đầu tư; đẩy nhanh tiến độ, nâng cao hiệu quả các dự án trọng điểm; Tiếp tục phát huy các giá trị văn hóa và con người Hà Tĩnh trong giai đoạn mới; đổi mới đồng bộ, toàn diện và đột phá phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao chất lượng toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Đột phá ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số trên các lĩnh vực. Phấn đấu hoàn thành 100% khung kiến trúc chính quyền số Hà Tĩnh phiên bản 4.0 trước năm 2027; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến đạt trên 80%. Xây dựng Tổ hợp công nghiệp công nghệ cao và đổi mới sáng tạo (Hà Tĩnh Innovation Park). Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành của các cấp. Triển khai thực hiện hiệu quả các chiến lược bảo vệ Tổ quốc, đảm bảo an ninh quốc gia trong tình hình mới. Lãnh đạo, chỉ đạo việc học tập, quán triệt, tuyên truyền, xây dựng chương trình hành động, kế hoạch cụ thể; tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng.

2. Vận dụng Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX trong công tác giảng dạy tại Trường Chính trị Trần Phú

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX là văn kiện chính trị định hướng phát triển của địa phương trong nhiệm kỳ 2025 - 2030. Việc quán triệt và vận dụng sâu sắc các quan điểm,

mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết vào từng chương trình đào tạo, từng bài giảng và từng đề tài nghiên cứu sẽ góp phần nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, đồng thời khẳng định vai trò của Nhà trường là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và tham mưu chính sách của tỉnh trong giai đoạn phát triển mới. Đưa Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX vào giảng dạy không đơn thuần là cập nhật thêm nội dung mới trong bài giảng mà là quá trình đổi mới toàn diện tư duy đào tạo, phương pháp tổ chức dạy học và cơ chế đánh giá kết quả học tập theo hướng phát triển năng lực của người học. Mục tiêu cao nhất là chuyển hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết thành tri thức, kỹ năng, phương pháp tư duy và năng lực hành động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức sau đào tạo. Nhiệm vụ này đồng thời đáp ứng yêu cầu của Quy định số 396-QĐ/TW về trường chính trị chuẩn và Chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị ban hành theo Quyết định số 3305-QĐ/HVCTQG của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Theo đó, hoạt động giảng dạy phải lấy người học làm trung tâm, lấy năng lực thực thi công vụ làm mục tiêu, lấy thực tiễn địa phương làm môi trường học tập và lấy hiệu quả giải quyết các vấn đề thực tiễn làm thước đo chất lượng đào tạo.

Thứ nhất, đổi mới nhận thức về việc tích hợp Nghị quyết vào chương trình đào tạo. Để việc vận dụng Nghị quyết đạt hiệu quả thực chất, trước hết cần thống nhất nhận thức trong toàn Trường rằng việc cập nhật các nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, không phải là nhiệm vụ riêng của một khoa chuyên môn mà là trách nhiệm của toàn bộ đội ngũ giảng viên ở tất cả các phần học. Mỗi bài giảng cần trở thành cầu nối giữa lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng với những vấn đề thực tiễn đang đặt ra trong quá trình phát triển của Hà Tĩnh. Trên cơ sở đó, Ban Giám hiệu và Hội đồng khoa học cần chỉ đạo rà soát toàn bộ chương trình, giáo trình, giáo án theo hướng tích hợp có hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX; đồng thời xây dựng cơ chế cập nhật thường xuyên khi các nghị quyết, kết luận, chỉ thị mới của Trung ương và của Tỉnh được ban hành. Việc tích hợp cần bảo đảm tính khoa học, phù hợp đặc trưng từng phần học, tránh bổ sung cơ học hoặc trùng lặp nội dung.

Thứ hai, đổi mới nội dung giảng dạy theo hướng gắn chặt với thực tiễn phát triển của địa phương. Nội dung các phần học cần được cập nhật trên nguyên tắc "lý luận soi sáng thực tiễn, thực tiễn bổ sung và phát triển lý luận". Đối với phần học Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cần phân tích những giá trị lý luận về phát triển con người, xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; phát triển lực lượng sản xuất, đổi mới sáng tạo và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc thông qua những kết quả và kinh nghiệm thực tiễn của Hà Tĩnh trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội XX.

Ở phần học Lịch sử Đảng, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, cần làm rõ sự vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng trong quá trình phát triển của Hà Tĩnh; phân tích các chủ trương lớn về chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng, cải cách hành chính, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và xây dựng chính quyền số.

Đối với phần học Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, cần tập trung phân tích những vấn đề mới về tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy, xây dựng đội ngũ cán

bộ đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực.

Ở phần học Quản lý hành chính nhà nước và kỹ năng lãnh đạo, quản lý, cần cập nhật những nội dung về quản trị công hiện đại, quản trị số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý nhà nước, quản trị dựa trên dữ liệu, quản trị theo kết quả, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công và cải thiện các chỉ số PAPI, PAR INDEX, SIPAS, PCI. Đây là những nội dung có ý nghĩa trực tiếp đối với đội ngũ cán bộ cơ sở trong bối cảnh hiện nay.

Đối với phần học Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương, cần coi đây là "không gian mở" để học viên nghiên cứu, trao đổi, phân tích các mô hình hay, cách làm sáng tạo của Hà Tĩnh cũng như những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn; phân tích sâu về thực trạng, tiềm năng, thách thức và giải pháp phát triển của Hà Tĩnh trong giai đoạn 2025 - 2030 từ đó đề xuất giải pháp và kiến nghị chính sách. Đây cũng là phần học có điều kiện thuận lợi nhất để đưa những kết quả nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của nhà trường vào giảng dạy.

Thứ ba, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực và đồng kiến tạo tri thức.

Trong điều kiện hiện nay, đổi mới phương pháp giảng dạy là yêu cầu mang tính quyết định đối với chất lượng đào tạo. Giảng viên không chỉ truyền đạt tri thức mà phải trở thành người tổ chức, định hướng và dẫn dắt quá trình học tập; người học không chỉ tiếp nhận kiến thức mà phải tham gia tích cực vào quá trình kiến tạo tri thức thông qua thảo luận, phản biện, giải quyết tình huống và chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn. Theo đó, cần từng bước chuyển mạnh từ phương pháp thuyết trình một chiều sang các phương pháp dạy học tích cực như nghiên cứu tình huống, học tập dựa trên vấn đề, học tập theo dự án, tọa đàm chuyên đề, tranh biện khoa học và mô phỏng các tình huống lãnh đạo, quản lý ở cơ sở. Giảng dạy theo hướng "gắn lý luận với thực tiễn", phát huy tính tích cực của học viên; áp dụng phương pháp nghiên cứu tình huống thông qua các vấn đề nóng tại Hà Tĩnh (ví dụ: giải phóng mặt bằng, thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Vũng Áng, xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, chuyển đổi số...). Tổ chức thảo luận nhóm, diễn đàn chuyên đề tạo không gian đối thoại, hiến kế giữa các khối Đảng, chính quyền và đoàn thể... Tăng cường đi thực tế, tổ chức cho học viên tham quan, học tập kinh nghiệm tại các mô hình kinh tế điển hình, các cơ sở đi đầu trong cải cách hành chính hoặc phát triển văn hóa - con người Hà Tĩnh theo định hướng của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XX.

Với đặc thù học viên của trường chính trị phần lớn đang giữ các vị trí lãnh đạo, quản lý ở cơ sở, mỗi học viên đều mang theo những kinh nghiệm thực tiễn quý báu. Vì vậy, quá trình giảng dạy phải phát huy mô hình "giảng viên - học viên đồng kiến tạo tri thức", tạo điều kiện để học viên chia sẻ kinh nghiệm, phân tích những tình huống thực tế của địa phương, trao đổi các cách làm hiệu quả và cùng giảng viên luận giải dưới góc độ lý luận. Sự kết hợp giữa tri thức lý luận của giảng viên và tri thức thực tiễn của học viên sẽ làm cho bài giảng sinh động, có chiều sâu và góp phần phát triển cả lý luận lẫn thực tiễn.

Thứ tư, đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và Nghị quyết số 57 của Bộ Chính trị về phát triển khoa học, công

nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Trường Chính trị Trần Phú cần đẩy mạnh xây dựng môi trường dạy học số. Theo đó, cần xây dựng hệ thống học liệu điện tử, ngân hàng tình huống thực tiễn, thư viện số, kho dữ liệu văn kiện của Đảng và của tỉnh; ứng dụng mã QR để hỗ trợ tra cứu tài liệu; phát triển hệ thống quản lý học tập (LMS), bài giảng điện tử và các công cụ hỗ trợ đánh giá trực tuyến. Đồng thời, cần khuyến khích giảng viên khai thác trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ thiết kế bài giảng, trực quan hóa dữ liệu, xây dựng sơ đồ tư duy, phân tích số liệu và cập nhật thông tin phục vụ giảng dạy; đồng thời hướng dẫn học viên sử dụng AI một cách đúng đắn, có trách nhiệm, tuân thủ các quy định về bảo mật, đạo đức và sở hữu trí tuệ.

Thứ năm, đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Kiểm tra, đánh giá cần chuyển mạnh từ đánh giá khả năng ghi nhớ kiến thức sang đánh giá năng lực vận dụng lý luận vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Hệ thống câu hỏi, đề thi, bài thu hoạch cần được thiết kế theo hướng mở, gắn với các tình huống cụ thể của Hà Tĩnh; khuyến khích học viên phân tích nguyên nhân, đề xuất giải pháp và kiến nghị chính sách trên cơ sở vận dụng quan điểm của Đảng và kiến thức lý luận đã học. Đồng thời, cần tăng cường đánh giá quá trình thông qua mức độ tham gia thảo luận, kỹ năng làm việc nhóm, khả năng phản biện, năng lực thuyết trình và chất lượng xử lý tình huống của học viên. Đây là những tiêu chí phản ánh đúng hơn năng lực lãnh đạo, quản lý của đội ngũ cán bộ sau đào tạo.

Như vậy, vận dụng Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX vào công tác giảng dạy không chỉ nhằm cập nhật nội dung mới của Nghị quyết mà còn là quá trình đổi mới căn bản hoạt động đào tạo theo hướng hiện đại, thực tiễn và phát triển năng lực. Đây là điều kiện quan trọng để Trường Chính trị Trần Phú thực hiện hiệu quả mục tiêu xây dựng trường chính trị chuẩn, đồng thời góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ có tư duy đổi mới, năng lực quản trị hiện đại và khả năng tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh trong giai đoạn mới.

3. Vận dụng Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX trong công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn tại Trường Chính trị Trần Phú

Một trong những điểm đổi mới quan trọng của Quy định số 396-QĐ/TW là xác lập rõ hơn vị trí, vai trò của trường chính trị cấp tỉnh không chỉ là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ mà còn là trung tâm nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và tham mưu chính sách cho cấp ủy, chính quyền địa phương. Điều này phản ánh yêu cầu phát triển của trường chính trị trong giai đoạn mới, khi chất lượng đào tạo không chỉ được đo bằng kết quả học tập của học viên mà còn bằng giá trị khoa học, giá trị thực tiễn và mức độ đóng góp vào quá trình hoạch định, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển của địa phương.

Đối với Trường Chính trị Trần Phú, vận dụng Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX vào công tác nghiên cứu khoa học không chỉ nhằm hoàn thành các tiêu chí của trường chính trị chuẩn mà quan trọng hơn là tạo dựng hệ thống luận cứ khoa học phục vụ việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển của tỉnh. Nghiên cứu khoa học cần được xác định là một bộ phận hữu cơ của quá trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; đồng thời là cầu nối giữa lý luận với thực tiễn, giữa nhà trường với cấp ủy, chính quyền và cơ sở.

Thứ nhất, đổi mới tư duy nghiên cứu theo hướng lấy yêu cầu phát triển của Hà Tĩnh làm trung tâm. Hoạt động nghiên cứu

khoa học cần chuyển mạnh từ tư duy nghiên cứu để hoàn thành chỉ tiêu sang nghiên cứu nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình phát triển của tỉnh. Mỗi đề tài khoa học, mỗi cuộc khảo sát, mỗi hội thảo cần xuất phát từ những vấn đề mà cấp ủy, chính quyền và cơ sở đang quan tâm; lấy hiệu quả ứng dụng kết quả nghiên cứu làm tiêu chí đánh giá chất lượng. Theo đó, việc lựa chọn nhiệm vụ nghiên cứu cần bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu và ba khâu đột phá chiến lược của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX; đồng thời gắn với yêu cầu triển khai các nghị quyết, kết luận của Trung ương về xây dựng Đảng, sắp xếp tổ chức bộ máy, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển kinh tế tư nhân.

Thứ hai, tập trung nghiên cứu những vấn đề trọng tâm, trọng điểm của tỉnh. Trong giai đoạn 2025 - 2030, hoạt động nghiên cứu của Nhà trường cần ưu tiên các nhóm vấn đề có ý nghĩa chiến lược, then chốt đối với sự phát triển của Hà Tĩnh. Đối với lĩnh vực xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, cần tập trung nghiên cứu đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy trong điều kiện tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

Đối với lĩnh vực quản trị địa phương, cần tập trung nghiên cứu mô hình quản trị công hiện đại; cải cách hành chính; nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp; ứng dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong quản lý nhà nước; các giải pháp nâng cao các chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI, PCI, DTI; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở.

Đối với lĩnh vực kinh tế - xã hội, cần nghiên cứu các giải pháp phát triển Khu kinh tế Vũng Áng theo hướng trung tâm công nghiệp, năng lượng và logistics của khu vực; phát triển kinh tế biển, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; chuyển đổi số trong doanh nghiệp; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; phát huy giá trị văn hóa và con người Hà Tĩnh trong phát triển bền vững.

Đối với lĩnh vực chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, cần nghiên cứu mô hình chính quyền số, xã hội số, kinh tế số; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị công; chuyển đổi số trong giáo dục lý luận chính trị; xây dựng mô hình trường chính trị thông minh, đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên số.

Thứ ba, đổi mới phương pháp nghiên cứu theo hướng tổng kết thực tiễn và nghiên cứu liên ngành. Tổng kết thực tiễn phải trở thành phương pháp nghiên cứu chủ đạo của trường chính trị. Các đề tài nghiên cứu cần tăng cường khảo sát thực địa, điều tra xã hội học, phỏng vấn sâu, tọa đàm chuyên gia, nghiên cứu tình huống và phân tích dữ liệu thực tiễn; bảo đảm các kết luận khoa học được hình thành trên cơ sở chứng cứ và phản ánh đúng thực trạng của địa phương.

Đồng thời, cần phát triển các nhóm nghiên cứu liên ngành, liên khoa và tăng cường phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương, các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài tỉnh nhằm huy động trí tuệ tập thể, nâng cao chất lượng khoa học và khả năng ứng dụng của các kết quả nghiên cứu.

Đối với những vấn đề lớn, có tính liên ngành như phát triển nguồn nhân lực, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế biển hay xây dựng Đảng trong điều kiện mới, cần hình thành các

nhóm nghiên cứu mạnh, hoạt động theo định hướng lâu dài thay vì triển khai các đề tài đơn lẻ.

Thứ tư, nâng cao chất lượng tham mưu chính sách từ kết quả nghiên cứu khoa học. Điểm khác biệt của trường chính trị so với nhiều cơ sở nghiên cứu khác là khả năng chuyển hóa kết quả nghiên cứu thành các luận cứ phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền địa phương. Vì vậy, mỗi đề tài nghiên cứu cần hướng tới sản phẩm cuối cùng không chỉ là báo cáo tổng kết hoặc bài báo khoa học mà còn là các báo cáo kiến nghị chính sách, báo cáo chuyên đề hoặc các khuyến nghị có giá trị tham khảo đối với quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách. Nhà trường cần từng bước xây dựng cơ chế tiếp nhận các nhiệm vụ nghiên cứu theo đặt hàng của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành và địa phương; đồng thời chủ động đề xuất những vấn đề cần nghiên cứu trên cơ sở dự báo xu hướng phát triển và những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn. Qua đó, khẳng định vai trò của Trường Chính trị Trần Phú là trung tâm nghiên cứu, tư vấn và tham mưu chính sách của tỉnh.

Thứ năm, xây dựng hệ sinh thái nghiên cứu khoa học và cơ sở dữ liệu tri thức. Để nâng cao chất lượng nghiên cứu, cần từng bước hình thành hệ sinh thái nghiên cứu khoa học trong nhà trường. Theo đó, cần xây dựng cơ sở dữ liệu số về kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, cải cách hành chính, chuyển đổi số và các mô hình phát triển của Hà Tĩnh; hình thành ngân hàng tình huống thực tiễn phục vụ đồng thời cho nghiên cứu và giảng dạy. Cùng với đó, cần ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tìm kiếm tài liệu, xử lý dữ liệu, phân tích xu hướng, hỗ trợ xây dựng báo cáo khoa học; phát triển các diễn đàn học thuật trực tuyến, tăng cường hợp tác nghiên cứu với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các trường chính trị, viện nghiên cứu, trường đại học và các chuyên gia trong nhiều lĩnh vực.

Thứ sáu, phát triển đội ngũ giảng viên nghiên cứu gắn với thực tiễn. Đội ngũ giảng viên là nhân tố quyết định chất lượng nghiên cứu khoa học. Vì vậy, cần xây dựng cơ chế khuyến khích giảng viên thường xuyên đi cơ sở, tham gia các đoàn công tác, đoàn kiểm tra, giám sát, các tổ công tác của tỉnh hoặc thực hiện chế độ nghiên cứu thực tế có thời hạn tại các địa phương, cơ quan, đơn vị. Thực tiễn là môi trường quan trọng nhất để hình thành các vấn đề nghiên cứu có giá trị và nâng cao chất lượng bài giảng. Đồng thời, cần gắn kết chặt chẽ kết quả nghiên cứu khoa học với đánh giá, xếp loại giảng viên, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm cán bộ; xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh, khuyến khích công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín, từng bước nâng cao năng lực nghiên cứu và vị thế khoa học của nhà trường.

Hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và tham mưu chính sách có mối quan hệ hữu cơ với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Nghiên cứu khoa học cung cấp luận cứ để hoàn thiện bài giảng; bài giảng lại góp phần phát hiện những vấn đề mới từ thực tiễn; còn kết quả đào tạo tiếp tục được kiểm nghiệm trong hoạt động lãnh đạo, quản lý của đội ngũ học viên sau khi trở về cơ sở. Chu trình "đào tạo - nghiên cứu - tổng kết thực tiễn - tham mưu chính sách - quay trở lại phục vụ đào tạo" chính là mô hình phát triển bền vững của trường chính trị trong giai đoạn hiện nay.

Thực tiễn cho thấy, chất lượng đào tạo của trường chính trị chỉ thực sự được nâng lên khi bài giảng được xây dựng trên nền tảng lý luận vững chắc, được kiểm chứng và bổ sung từ thực tiễn; ngược lại,

hoạt động nghiên cứu khoa học chỉ phát huy giá trị khi kết quả nghiên cứu được chuyển hóa thành tri thức phục vụ giảng dạy, thành các luận cứ khoa học phục vụ lãnh đạo, quản lý và hoạch định chính sách của địa phương. Mối quan hệ hữu cơ giữa đào tạo - nghiên cứu khoa học - tổng kết thực tiễn - tham mưu chính sách chính là động lực tạo nên chất lượng và bản sắc của trường chính trị trong giai đoạn phát triển mới. Việc vận dụng Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX vào công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn không chỉ nhằm đáp ứng các tiêu chí xây dựng trường chuẩn theo Quy định số 396-QĐ/TW của Ban Bí thư mà còn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của tỉnh Hà Tĩnh; là một quá trình đổi mới đồng bộ từ nhận thức, nội dung, phương pháp, tổ chức thực hiện đến cơ chế quản lý, đánh giá chất lượng, bảo đảm sự thống nhất giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và tham mưu chính sách. Để giải quyết hiệu quả các yêu cầu đó, Trường Chính trị Trần Phú một mặt cần thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã nêu; đồng thời hình thành cơ chế gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường với các cơ quan của Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, địa phương và doanh nghiệp trong nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và tư vấn chính sách.

Với vai trò là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn của tỉnh, Trường Chính trị Trần Phú đang từng bước khẳng định vị thế là một "trung tâm tri thức" của Hà Tĩnh, nơi hội tụ, lan tỏa và phát triển các giá trị lý luận gắn với thực tiễn địa phương; góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, đồng thời đào tạo đội ngũ cán bộ có tư duy chiến lược, năng lực quản trị hiện đại, bản lĩnh chính trị vững vàng và khát vọng cống hiến. Đây cũng là đóng góp thiết thực của Nhà trường trong việc hiện thực hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX, xây dựng Hà Tĩnh phát triển nhanh, bền vững, cùng cả nước vững bước trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, Hà Nội.

2. Bộ Chính trị (2024), Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Hà Nội.

3. Ban Bí thư (2026), Quy định số 396-QĐ/TW ngày 06/01/2026 về trường chính trị chuẩn, Hà Nội.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

5. Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh (2025), Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 -2030, Hà Tĩnh.

6. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2026), Quyết định số 3305-QĐ/HVCTQG ngày 17/6/2026 về ban hành Chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị, Hà Nội.

7. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2022), Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị (các phần học), Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

8. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

9. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

10. Nguyễn Phú Trọng (2023), Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

TƯ TƯỞNG CỦA V.I.LÊNIN VÀ SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

TS. NGUYỄN QUANG NGỌC
Phó Hiệu trưởng

Tóm tắt: ***V.I.Lênin là nhà tư tưởng vĩ đại, nhà lý luận chính trị kiệt xuất, nhà triết học lỗi lạc, người lãnh đạo phong trào vô sản thế giới, người bảo vệ, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác trong điều kiện chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa và thời kỳ đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực ở nước Nga Xô viết. Thông qua hoạt động thực tiễn và các tác phẩm của mình, V.I.Lênin đã bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác, chỉ dẫn hành động cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; tổ chức, kiến tạo con đường cách mạng và xây dựng mô hình nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Trong 40 năm đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã kiên định vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng của V.I.Lênin trên các phương diện thời kỳ quá độ, xây dựng đảng kiểu mới, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, lãnh đạo đất nước đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Di sản của V.I.Lênin để lại đã và đang tiếp tục soi sáng sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới.***

V.I.Lênin sống và hoạt động cách mạng, hoạt động khoa học trong thời đại mà khoa học tự nhiên đã đạt được những thành tựu mới đặc biệt, nhất là trong nghiên cứu thế giới vi mô. Bước sang thế kỷ XX, phong trào cách mạng ở nước Nga phát triển sôi động, đó là giai đoạn diễn ra cách mạng dân chủ tư sản 1905 - 1907, Cách mạng tháng Hai năm 1917 và đỉnh cao là cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười năm 1917. Trong bối cảnh ấy, trên thế giới cũng như ở nước Nga đã xuất hiện một số khuynh hướng tư tưởng không khoa học nhằm chống lại chủ nghĩa Mác như chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán, chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa xét lại... Đồng thời, sau Cách mạng tháng Mười, nước Nga bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện phải chống lại sự can thiệp vũ trang của 14 nước đế quốc và cuộc nội chiến tàn khốc. Những điều kiện lịch sử đặc biệt đó đòi hỏi V.I.Lênin phải bảo vệ sự trong sáng, khoa học, cách mạng, đồng thời phát triển chủ nghĩa Mác nói chung, triết học Mác nói riêng lên một giai đoạn mới, gắn liền với thực tiễn xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.

V.I.Lênin là nhà tư tưởng vĩ đại, nhà lý luận chính trị kiệt xuất, nhà triết học lỗi lạc, người lãnh đạo phong trào vô sản thế giới, người bảo vệ xuất sắc, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác nói chung, triết học Mác nói riêng trong điều kiện chủ nghĩa tư bản

chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa và thời kỳ đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực ở nước Nga Xô viết. Thông qua các tác phẩm của mình, V.I.Lênin đã bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác để chỉ dẫn hành động cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa; tham gia đấu tranh loại bỏ ảnh hưởng của chủ nghĩa cơ hội, xét lại trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; tổ chức, kiến tạo con đường cách mạng và xây dựng mô hình nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới; tập hợp lực lượng cách mạng, gắn kết phong trào cộng sản và công nhân quốc tế với phong trào giải phóng dân tộc để chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc. Di sản V.I.Lênin để lại rất phong phú, có giá trị và trở thành tài sản chung của cả nhân loại trong tiến trình xây dựng một xã hội, một thế giới đại đồng, vì tự do, bình đẳng và hạnh phúc của con người, trong đó có sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam[1].

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta không chỉ kiên định, vững vàng với thế giới quan, phương pháp luận và tư tưởng của V.I.Lênin mà còn vận dụng và phát triển sáng tạo những quan điểm, tư tưởng đó vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa sau 40 năm đổi mới đất nước cho thấy tầm vóc và ý nghĩa cách mạng - khoa học của đường lối đổi mới; đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng ta, đặc biệt là sự lựa chọn đúng đắn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và nhận thức về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của nước ta, phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của thế giới[2]. Đồng thời, những thành tựu to lớn của sự nghiệp đổi mới cũng một lần nữa khẳng định sức sống trường tồn, giá trị, ý nghĩa của di sản mà V.I.Lênin để lại đối với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Có thể khái quát sự vận dụng, phát triển sáng tạo quan điểm, tư tưởng của V.I.Lênin trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trên bốn nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất: Vận dụng và phát triển sáng tạo quan điểm của V.I.Lênin về thời kỳ quá độ trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trong tác phẩm *Về bệnh ấu trĩ "tả khuynh"* và tính tiểu tư sản, V.I.Lênin đã nêu ra những quan điểm về chủ nghĩa xã hội và biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước lạc hậu, trọng tâm là những quan điểm về thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, chủ trương sử dụng hình thức kinh tế chủ nghĩa tư bản nhà nước, học tập và sử dụng chuyên gia tư sản; phê phán tính tiểu tư sản như một trong những lực cản của chủ nghĩa xã hội... Đồng thời, V.I.Lênin cũng chỉ ra rằng, từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội phải trải qua thời kỳ quá độ lâu dài, phức tạp, với sự tồn tại đan xen của nhiều thành phần kinh tế và hình thức sở hữu khác nhau. Quan điểm về thời kỳ quá độ của V.I.Lênin gắn liền với nhận thức biện chứng về khả năng một nước có trình độ phát triển chưa cao có thể quá độ lên chủ nghĩa xã hội khi có sự lãnh đạo đúng đắn của đảng cách mạng. Đây là chỉ dẫn phương pháp luận quan trọng để Đảng ta vận dụng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam - một nước đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh[3].

Thực tiễn cho thấy, trước thời kỳ đổi mới, chúng ta chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc những đặc trưng cơ bản của thời kỳ quá

độ; không đánh giá đầy đủ khó khăn, phức tạp của giai đoạn đầu; có nhiều sai lầm kéo dài như duy ý chí, chủ quan, nóng vội trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, bất chấp quy luật khách quan; muốn xóa bỏ nhanh chóng sở hữu tư nhân, kinh tế tư nhân; duy trì quá lâu cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp[4]... Tuy nhiên, quán triệt sâu sắc những chỉ dẫn của V.I.Lênin, với sự nỗ lực, năng động, sáng tạo của Đảng và Nhân dân, Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đã mở ra thời kỳ đổi mới, từng bước đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ cơ chế quản lý cũ, chuyển sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thừa nhận sự tồn tại khách quan, lâu dài của nhiều thành phần kinh tế và các hình thức sở hữu khác nhau trong thời kỳ quá độ. Thực tiễn 40 năm đổi mới cho thấy, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử: kinh tế tăng trưởng khá, quy mô và tiềm lực nền kinh tế được nâng lên, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt; vị thế, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao. Những kết quả đó khẳng định tính đúng đắn, khoa học của đường lối đổi mới và sự vận dụng sáng tạo tư tưởng V.I.Lênin về thời kỳ quá độ vào thực tiễn cách mạng nước ta[5].

Thứ hai: Vận dụng và phát triển sáng tạo nguyên lý đảng kiểu mới của V.I.Lênin trong công tác xây dựng Đảng.

Kế thừa, phát triển sáng tạo những tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen về đảng cộng sản, trong tác phẩm *Một bước tiến, hai bước lùi* và nhiều tác phẩm khác, V.I.Lênin đã luận giải một cách hệ thống những nguyên lý về đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, phân biệt rạch ròi một chính đảng cách mạng kiểu mới với các đảng phái, tổ chức chính trị khác đương thời. Những nguyên lý cơ bản đó bao gồm: chủ nghĩa Mác là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hoạt động của đảng; đảng là đội tiên phong có tổ chức, chặt chẽ nhất, giác ngộ nhất của giai cấp công nhân; tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản; đảng thường xuyên kết nạp người ưu tú, kịp thời đưa phần tử cơ hội ra khỏi đảng; gắn bó mật thiết với nhân dân, kiên quyết chống bệnh quan liêu; đoàn kết thống nhất là sức mạnh vô địch của đảng; tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển; chủ nghĩa quốc tế vô sản là nguyên tắc quan trọng của đảng kiểu mới[6]. Học thuyết về đảng kiểu mới là một trong những cống hiến vĩ đại nhất của V.I.Lênin đối với kho tàng lý luận Mác - Lênin về đảng cộng sản, đặt nền móng lý luận cho việc xây dựng các đảng cộng sản trên toàn thế giới trong thế kỷ XX.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn kiên định vận dụng và phát triển sáng tạo những nguyên lý đảng kiểu mới của V.I.Lênin, coi đó là cơ sở lý luận nền tảng để xác định nội dung, phương thức công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, phù hợp với đặc điểm của một đảng cầm quyền duy nhất lãnh đạo Nhà nước và xã hội trong điều kiện cụ thể của Việt Nam[7]. Nhất quán với tinh thần đó, trên cơ sở tổng kết sâu sắc thực tiễn 40 năm đổi mới, Đại hội XIV của Đảng (tháng 02/2026) xác định mục tiêu tăng cường xây dựng, chỉnh đốn, tự đổi mới để Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh, là đạo đức, văn minh, không ngừng nâng tầm và nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng[8], cụ thể hóa thành mười nhóm nhiệm vụ trọng tâm, bao trùm các mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng,

đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền. Việc lần đầu tiên xác định chủ trương xây dựng Đảng văn minh thành một nhiệm vụ chiến lược, có tính hệ thống trong văn kiện Đại hội là bước phát triển mới trong tư duy lý luận của Đảng, đồng thời một lần nữa khẳng định sức sống trường tồn và giá trị bền vững của nguyên lý đảng kiểu mới mà V.I.Lênin đã nêu ra đối với công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh[9].

Thứ ba: Vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận về nhà nước và chuyên chính vô sản của V.I.Lênin trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Trong tác phẩm *Nhà nước và cách mạng*, lần đầu tiên vấn đề nhà nước được V.I.Lênin trình bày một cách có hệ thống, phát triển một bước học thuyết của chủ nghĩa Mác về nhà nước và chuyên chính vô sản. Người khẳng định, sau khi giai cấp công nhân giành được chính quyền, cần thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản để trấn áp sự chống đối của các thế lực phản cách mạng và tổ chức xây dựng xã hội mới. Tuy nhiên, chuyên chính vô sản hoàn toàn không phải là sự phủ nhận dân chủ, mà ngược lại, là sự mở rộng dân chủ thực sự cho đại đa số nhân dân lao động, đồng thời trấn áp bằng bạo lực đối với thiểu số bóc lột, áp bức nhân dân[10]. Theo V.I.Lênin, Nhà nước xã hội chủ nghĩa có chức năng tổ chức, quản lý, xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, từng bước tạo tiền đề để nhà nước tự tiêu vong khi xã hội không còn đối kháng giai cấp. Giá trị lý luận và thực tiễn to lớn của tác phẩm là đã làm sáng tỏ tính quy luật trong sự sinh thành, vận động, phát triển và đưa ra những dự báo khoa học về xu hướng, điều kiện tự tiêu vong của nhà nước trong tiến trình đi lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản - những chỉ dẫn đến nay vẫn giữ nguyên giá trị khoa học, cách mạng và tính thời sự[11].

Vận dụng sáng tạo quan điểm của V.I.Lênin, trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã có những bước phát triển quan trọng, mang tính đột phá trong tư duy và nhận thức lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, là bước đột phá trong đổi mới tư duy chính trị của Đảng, kế thừa và phát triển sáng tạo lý luận của V.I.Lênin về bản chất giai cấp công nhân của nhà nước kiểu mới trong điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam. Sau 40 năm đổi mới, đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được định hình ngày càng rõ nét: là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân; được tổ chức, hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật; quyền lực nhà nước thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp; quyền con người, quyền công dân được tôn trọng, bảo đảm; bộ máy nhà nước được sắp xếp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, gắn với thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp[12]. Quá trình hoàn thiện thể chế nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam thể hiện rõ sự kế thừa và phát triển sáng tạo tư tưởng V.I.Lênin trong tình hình mới, phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế và yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước.

Thứ tư: Vận dụng và phát triển sáng tạo quan điểm của V.I.Lênin về kinh tế trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Chính sách kinh tế mới (NEP) do V.I.Lênin đề xuất và triển khai từ năm 1921 là cuộc cải cách đầu tiên của chủ nghĩa xã hội hiện thực, đồng thời là nơi hình thành những tư duy mới của lý luận về đặc điểm kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trước yêu cầu khôi phục nền kinh tế Nga Xô viết bị tàn phá nặng nề sau nội chiến, V.I.Lênin chủ trương thay thế chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thuế lương thực, khôi phục và phát triển quan hệ hàng hóa - tiền tệ, cho phép tồn tại và phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, sử dụng các hình thức của chủ nghĩa tư bản nhà nước như một công cụ trung gian để phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời chủ trương học tập, sử dụng có chọn lọc kinh nghiệm quản lý kinh tế và đội ngũ chuyên gia của giai cấp tư sản[13]. Giá trị lớn nhất của NEP là ở phương pháp luận: thừa nhận, sử dụng quan hệ thị trường, kinh tế hàng hóa nhiều thành phần như một tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ, thay vì nóng vội xóa bỏ ngay các quan hệ sở hữu phi xã hội chủ nghĩa. Với NEP, V.I.Lênin đã trở thành nhà cách tân vĩ đại đầu tiên về chủ nghĩa xã hội hiện thực, để lại nhiều chỉ dẫn quý báu cho công cuộc đổi mới ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam.

Trong công cuộc đổi mới đất nước, Đảng ta đã vận dụng và phát triển sáng tạo chính sách kinh tế mới của V.I.Lênin vào điều kiện lịch sử cụ thể của nước ta. Với quan điểm nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật và nói rõ sự thật, Đại hội VI của Đảng đã đánh dấu bước ngoặt căn bản trong đổi mới tư duy kinh tế, đặt nền tảng lý luận cho sự hình thành và phát triển nhận thức của Đảng ta về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - một đột phá lý luận mang tính sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, không rập khuôn theo bất kỳ mô hình có sẵn nào[14]. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sau 40 năm đổi mới, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp từng giai đoạn phát triển: hiện đại, hội nhập quốc tế sâu rộng, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, lấy con người làm trung tâm, kết hợp hài hòa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội. Điều đó đã và đang khẳng định chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng ta đề ra trên tinh thần vận dụng sáng tạo chính sách kinh tế mới của V.I.Lênin là hoàn toàn đúng đắn và cần thiết để đưa nền kinh tế nước ta từng bước phát triển nhanh, bền vững, hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh[15].

Có thể khẳng định, di sản lý luận và thực tiễn mà V.I.Lênin để lại - từ quan điểm về thời kỳ quá độ, nguyên lý đảng kiểu mới, học thuyết về nhà nước và chuyên chính vô sản, đến chính sách kinh tế mới - là hệ thống chỉ dẫn khoa học, cách mạng, có giá trị bền vững đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới nói chung, ở Việt Nam nói riêng. Thực tiễn 40 năm đổi mới chứng minh sinh động rằng, những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại mà Đảng và Nhân dân ta giành được đều gắn liền với quá trình kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời vận dụng, phát triển sáng tạo, không giáo điều, không rập khuôn máy móc những nguyên lý đó vào điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước. Bước vào giai đoạn phát triển mới, khi đất nước đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, thực hiện cuộc cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, xây dựng mô hình chính quyền

địa phương hai cấp, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh và hội nhập quốc tế sâu rộng, những chỉ dẫn của V.I.Lênin về mối quan hệ giữa tính quy luật phổ biến với đặc điểm lịch sử - cụ thể, giữa vai trò lãnh đạo của đảng cách mạng với việc phát huy dân chủ, sức mạnh của nhân dân, giữa kế hoạch với thị trường, càng cho thấy ý nghĩa thời sự sâu sắc. Việc tiếp tục nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng V.I.Lênin, gắn với tổng kết thực tiễn 40 năm đổi mới và quán triệt tinh thần Đại hội XIV của Đảng, không chỉ có ý nghĩa lý luận mà còn là yêu cầu cấp thiết của thực tiễn, góp phần củng cố nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, qua đó tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Bác Hồ và Nhân dân ta đã lựa chọn là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan và xu thế phát triển của thời đại./.

Chú thích:

1. V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2005.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

3. PGS, TS. Phạm Văn Chúc: "Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội: Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn trên thế giới một thế kỷ qua", Tư liệu - Văn kiện, Trang Thông tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, dangcongsan.vn

4. PGS.TS Vũ Văn Phúc: "Vận dụng lý luận về sở hữu của chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam", Tạp chí Cộng sản điện tử, tapchicongsan.org.vn.

5. GS.TS. Tạ Ngọc Tấn - PGS.TS. Nguyễn Chí Hiếu: "Những thành tựu lý luận lớn của Đảng qua gần 40 năm đổi mới", Tạp chí Cộng sản điện tử, tapchicongsan.org.vn.

6. "Lý luận về đảng kiểu mới của Lênin đã phát triển, hoàn chỉnh học thuyết về Đảng Cộng sản", Tư liệu - Văn kiện, Trang Thông tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, dangcongsan.vn.

7. "Đảng Cộng sản Việt Nam kiên định vận dụng sáng tạo tư tưởng của V.I.Lênin vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam thời kỳ đổi mới", Tạp chí Cộng sản điện tử, tapchicongsan.org.vn.

8. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện ĐHĐB toàn quốc lần thứ XIV, tháng 02/2026.

9. PSG.TS. Nguyễn Trọng Phúc: "Để Đảng ta thật sự là đạo đức, là văn minh", Báo Nhân Dân điện tử, nhandan.vn, ngày 19/10/2025.

10. "Quan điểm của V.I.Lênin về xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh - Ý nghĩa đối với công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay", Tạp chí Cộng sản điện tử, tapchicongsan.org.vn.

11. V.I.Lênin: Toàn tập, Sđd, t.33.

12. Nguyễn Hồng Thật: "Chỉ dẫn của V.I.Lênin về Nhà nước trong tác phẩm Nhà nước và cách mạng và sự vận dụng của Đảng ta trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam", Tư liệu - Văn kiện, Trang Thông tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, dangcongsan.vn.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Sđd.

14. PGS. TS. Giảng viên cao cấp Vũ Trọng Dung: "Chính sách kinh tế mới của V.I.Lênin với chính sách phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng ta", Tư liệu - Văn kiện, Trang Thông tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, dangcongsan.vn.

15. "Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - sự sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam", Tạp chí Cộng sản điện tử, tapchicongsan.org.vn.

NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA ĐỒNG CHÍ HÀ HUY TẬP ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ I CỦA ĐẢNG

ThS. NGUYỄN QUỲNH NGA
Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

***Tóm tắt:** Đại hội đại biểu lần thứ I của Đảng Cộng sản Đông Dương là một sự kiện có ý nghĩa đặc biệt, đánh dấu bước phục hồi toàn diện của Đảng sau những tổn thất nặng nề do chính sách khủng bố trắng của thực dân Pháp. Đồng chí Hà Huy Tập đã có những đóng góp quan trọng trong việc chuẩn bị, tổ chức và chủ trì Đại hội. Nghiên cứu vai trò của Hà Huy Tập đối với Đại hội đại biểu lần thứ I của Đảng không chỉ góp phần làm sáng tỏ những cống hiến của một nhà cách mạng kiên trung mà còn giúp nhận diện sâu sắc hơn những bài học về xây dựng Đảng, về công tác tổ chức và về phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ lãnh đạo trong những thời điểm có ý nghĩa bước ngoặt của cách mạng.*

Sau phong trào cách mạng 1930 - 1931, thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng, toàn bộ Ban Chấp hành Trung ương bị bắt, hệ thống tổ chức Đảng vừa mới được hình thành bị phá vỡ hàng loạt, quần chúng tham gia phong trào bị tù đày; nhà tù chật ních tù giam chính trị. Vượt lên trên những khó khăn đó, những chiến sĩ cách mạng tiên phong đã cố gắng gây dựng lại phong trào. Đại hội đại biểu lần thứ I của Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 3 năm 1935 tại Ma Cao, Trung Quốc) là một sự kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đánh dấu bước phục hồi toàn diện của Đảng sau những tổn thất nặng nề do chính sách khủng bố trắng của thực dân Pháp. Đại hội không chỉ khẳng định bản lĩnh chính trị, sức sống và năng lực tự chỉnh đốn của Đảng mà còn mở ra một giai đoạn phát triển mới cho phong trào cách mạng Đông Dương. Gắn liền với sự kiện lịch sử đó là vai trò của đồng chí Hà Huy Tập - một trong những nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng thời kỳ đầu. Bằng trình độ lý luận sâu sắc, tư duy chính trị nhạy bén, năng lực tổ chức thực tiễn và uy tín trong phong trào cộng sản quốc tế, đồng chí Hà Huy Tập đã có những đóng góp quan trọng trong việc chuẩn bị, tổ chức và chủ trì Đại hội. Dấu ấn của đồng chí không chỉ thể hiện ở việc điều hành thành công Đại hội mà còn ở những đóng góp về nhận thức chính trị, định hướng tư tưởng và xây dựng các văn kiện có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển của Đảng. Nghiên cứu vai trò của Hà Huy Tập đối với Đại hội đại biểu lần thứ I của Đảng không chỉ góp phần làm sáng tỏ những cống hiến của một nhà cách mạng kiên trung mà còn giúp nhận diện sâu sắc hơn những bài học về xây dựng Đảng, về công tác tổ chức và về phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ

lãnh đạo trong những thời điểm có ý nghĩa bước ngoặt của cách mạng.

Đại hội đại biểu lần thứ I của Đảng có ý nghĩa quan trọng, đánh dấu việc Đảng đã được khôi phục về tổ chức, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng lãnh đạo kéo dài suốt 4 năm liền (1931-1935). Để có sự thành công đó, phải khẳng định vai trò của đồng chí Hà Huy Tập - người chịu trách nhiệm chính tổ chức, chủ trì cũng như triển khai chủ trương Nghị quyết Đại hội sau đó. Sau phong trào cách mạng 1930 - 1931 và đỉnh cao là cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh, phong trào cách mạng nước ta đứng trước yêu cầu cấp bách phải khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng và củng cố vai trò lãnh đạo đối với phong trào cách mạng. Trong bối cảnh ấy, Hà Huy Tập sớm nhận thức rằng khó khăn lớn nhất của Đảng không chỉ là tổn thất về lực lượng mà còn là nguy cơ suy giảm sự thống nhất về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Theo Hà Huy Tập, muốn khôi phục phong trào cách mạng thì trước hết phải khôi phục Đảng; muốn khôi phục Đảng thì phải xây dựng được một trung tâm lãnh đạo thống nhất, có đường lối rõ ràng và có khả năng tập hợp, lãnh đạo các lực lượng cách mạng. Nhận thức đó thể hiện tầm nhìn chính trị vượt lên trên những yêu cầu trước mắt. Xuất phát từ nhận thức đó, Hà Huy Tập đã tìm mọi cách trở về nước hoạt động để khôi phục lại tổ chức Đảng. Đầu tháng 8/1933, Hà Huy Tập gặp Lê Hồng Phong và một số đồng chí ở Quảng Châu, cùng họp bàn quyết định triệu tập Hội nghị Đảng để thành lập Ban Chỉ huy ở ngoài nước. Hội nghị diễn ra vào tháng 3/1934, Hà Huy Tập được phân công phụ trách công tác tuyên truyền kiêm Tổng biên tập tạp chí Bôn-sê-vich (cơ quan lý luận của Đảng Cộng sản Đông Dương). Tại Hội nghị mở rộng của Ban Chỉ huy ở ngoài nước tháng 6/1934, Hà Huy Tập được phân công chuẩn bị các văn kiện cho Đại hội lần thứ nhất của Đảng dự định họp vào năm 1935. Từ ngày 27 đến ngày 31/3/1935 tại Ma Cao (Trung Quốc), Hà Huy Tập chủ trì Đại hội lần thứ I của Đảng. Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị, Điều lệ Đảng và một số nghị quyết quan trọng khác do Hà Huy Tập dự thảo và trình bày trước Đại hội; bầu Ban Chấp hành Trung ương, gồm 13 đồng chí do đồng chí Lê Hồng Phong (đang dự Đại hội VII Quốc tế cộng sản không tham dự Đại hội được) làm Tổng thư ký (tức là Tổng Bí thư), đồng chí Hà Huy Tập thư ký Ban Chỉ huy nước ngoài. Thành công của Đại hội đánh dấu công lao của Hà Huy Tập trong việc khôi phục Đảng về mặt tổ chức, đồng thời đánh dấu kết thúc quá trình đấu tranh khôi phục hệ thống tổ chức Đảng; tiếp tục khẳng định vai trò, vị thế lãnh đạo của Đảng đối với toàn bộ phong trào cách mạng.

Đóng góp của Tổng Bí thư Hà Huy Tập không chỉ dừng lại ở việc triệu tập, chủ trì Đại hội lần thứ I của Đảng mà còn ở vai trò chuẩn bị về lý luận chính trị và tư tưởng. Trong quá trình hoạt động ở nước ngoài, năm 1927 đồng chí sang Trung Quốc sau đó sang Liên Xô học ở trường Đại học Phương Đông (từ ngày 24/7/1929 đến ngày 30/4/1932), do những thành tích học tập xuất sắc và bản lĩnh cách mạng vững vàng thể hiện qua những chuyến đi thực tế và những bài báo viết cho Tạp chí Bôn sê vích, Hà Huy Tập được kết nạp vào Đảng Cộng sản Liên Xô. Tại đây, đồng chí có điều kiện tiếp cận lý luận Mác - Lênin một cách hệ thống và nghiên cứu kinh nghiệm của phong trào cộng sản quốc tế, từ đó, đồng chí nhận thức rõ rằng, việc củng cố về tổ chức là điều hết sức cần thiết nhưng sự thống nhất về tư tưởng, về nhận thức chính trị là điều kiện sống còn để phát triển

bền vững. Từ nhận thức đó, đồng chí tham gia tích cực vào việc chuẩn bị các báo cáo chính trị, tổng kết thực tiễn đấu tranh, phân tích những bài học kinh nghiệm từ cao trào cách mạng 1930-1931. Những nội dung này trở thành cơ sở quan trọng để Đại hội thảo luận và xác định nhiệm vụ của Đảng trong giai đoạn tiếp theo. Các văn kiện được chuẩn bị và thông qua tại Đại hội I bao gồm Nghị quyết chính trị của Đảng; các nghị quyết về vận động công nhân, vận động nông dân, vận động thanh niên, phụ nữ, binh lính, về mặt trận phản đế, về đội tự vệ, về các dân tộc ít người...; Điều lệ của Đảng; điều lệ của các tổ chức quần chúng của Đảng. Thông qua các văn kiện, Đại hội khẳng định yêu cầu tiếp tục củng cố tổ chức Đảng, phát triển phong trào quần chúng, tăng cường công tác vận động công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động, đồng thời xây dựng sự đoàn kết trong phong trào cách mạng Đông Dương. Những nội dung đó phản ánh tư duy chính trị ngày càng trưởng thành của Đảng và có sự đóng góp đáng kể của Hà Huy Tập. Những đóng góp về lý luận chính trị, quan điểm chính trị thể hiện trong việc chuẩn bị các văn kiện trình bày trong Đại hội I thể hiện sự thống nhất về đường lối chiến lược được nêu ra trong các văn kiện trước đó, đồng thời có sự bổ sung, phát triển làm phong phú, sâu sắc thêm những nhận thức về các vấn đề: Kiên định nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, làm rõ mối quan hệ dân tộc - giai cấp, xây dựng Đảng vững mạnh về lý luận và bản lĩnh chính trị đấu tranh chống các khuynh hướng lệch lạc trong phong trào cách mạng đặt nền móng cho tư duy đại đoàn kết và mặt trận thống nhất.

Bên cạnh đó, đồng chí Hà Huy Tập còn có những đóng góp quan trọng trong việc kiên định và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong bối cảnh phong trào cách mạng gặp nhiều khó khăn, xuất hiện những biểu hiện dao động về tư tưởng và hoài nghi đối với triển vọng cách mạng, Hà Huy Tập luôn khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng, là cơ sở lý luận để giải quyết đúng đắn các vấn đề của cách mạng Đông Dương. Quan điểm này được phản ánh trong các nghị quyết của Đại hội khi tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, giữ vững mục tiêu cách mạng vô sản và gắn cách mạng Đông Dương với phong trào cách mạng thế giới. Đây không chỉ là sự kiên định về lập trường chính trị mà còn thể hiện bản lĩnh lý luận của một nhà cách mạng luôn đặt lợi ích dân tộc trong quỹ đạo phát triển của cách mạng vô sản. Từ thực tiễn phong trào cách mạng những năm đầu thập niên 1930, Hà Huy Tập nhận thấy rằng, mọi thắng lợi của cách mạng đều gắn liền với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, trong khi những tổn thất, khó khăn phần lớn xuất phát từ sự non yếu về tổ chức và trình độ chính trị của đội ngũ cán bộ. Vì vậy, đồng chí đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu xây dựng Đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức; tinh thần đó được Đại hội I xác định là nhiệm vụ trung tâm trong giai đoạn trước mắt. Đây là đóng góp có ý nghĩa lý luận sâu sắc bởi nó khẳng định vai trò quyết định của công tác xây dựng Đảng đối với sự thành bại của cách mạng.

Hà Huy Tập tiếp tục góp phần làm rõ hơn mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và nhiệm vụ giai cấp trong cách mạng Đông Dương, khẳng định cuộc đấu tranh chống đế quốc và phong kiến phải được đặt dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua Đảng Cộng sản. Giải phóng dân tộc

là nhiệm vụ trước mắt và cấp bách, nhưng muốn giải phóng dân tộc một cách triệt để phải gắn với mục tiêu giải phóng giai cấp và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Quan điểm này góp phần củng cố bản chất vô sản của đường lối cách mạng được Đại hội xác định, đồng thời tạo tiền đề lý luận cho sự phát triển tư duy của Đảng về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong các giai đoạn tiếp theo. Đặc biệt, Hà Huy Tập còn có đóng góp quan trọng trong việc đấu tranh chống các khuynh hướng lệch lạc trong phong trào cách mạng. Từ thực tiễn hoạt động cách mạng, đồng chí nhận thấy nguy cơ từ cả hai xu hướng: hữu khuynh, cơ hội, thỏa hiệp với kẻ thù và tả khuynh, giáo điều, nóng vội, xa rời thực tiễn. Hà Huy Tập kiên trì bảo vệ đường lối cách mạng của Đảng, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu vận dụng sáng tạo lý luận vào điều kiện cụ thể của Đông Dương. Những quan điểm đó góp phần quan trọng vào việc giữ vững bản chất khoa học và cách mạng của đường lối chính trị được Đại hội thông qua. Bên cạnh đó, trong tư duy chính trị của Hà Huy Tập đã xuất hiện những nhận thức ban đầu về việc mở rộng khối đoàn kết cách mạng và xây dựng mặt trận thống nhất. Mặc dù vấn đề này được phát triển rõ nét hơn trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936 - 1939), song những tư tưởng về việc tập hợp các lực lượng yêu nước, phát huy sức mạnh đoàn kết của quần chúng chống đế quốc và phong kiến đã được hình thành từ trước.

Những đóng góp của Hà Huy Tập đối với Đại hội lần thứ I cho thấy tầm vóc của một nhà lãnh đạo có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy lý luận sắc bén và năng lực tổ chức thực tiễn xuất sắc. Dấu ấn của đồng chí không chỉ góp phần vào sự thành công của Đại hội mà còn góp phần củng cố sự thống nhất về chính trị, tư tưởng và tổ chức của Đảng trong một giai đoạn có ý nghĩa bước ngoặt đối với cách mạng Việt Nam. Từ đó, tạo tiền đề quan trọng để Đảng tiếp tục lãnh đạo phong trào cách mạng vượt qua khó khăn, tiến tới những thắng lợi to lớn trong các giai đoạn tiếp theo. Gần một thế kỷ đã trôi qua, song những giá trị mà đồng chí Hà Huy Tập để lại vẫn còn nguyên ý nghĩa. Trong bối cảnh hiện nay, khi công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được xác định là nhiệm vụ then chốt, những bài học về kiên định nền tảng tư tưởng, giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, coi trọng công tác cán bộ và xây dựng tổ chức đảng vững mạnh mà đồng chí góp phần đặt nền móng vẫn mang giá trị thời sự sâu sắc. Đó không chỉ là di sản quý báu của một nhà lãnh đạo tiền bối tiêu biểu mà còn là nguồn động lực tinh thần để tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới./.

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2000), Văn kiện Đảng toàn tập, tập 5 (1935), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng (2018), Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập I (1930–1954), Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hà Tĩnh (2016), Đồng chí Hà Huy Tập với công tác xây dựng Đảng và phong trào cách mạng Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

ĐỒNG CHÍ HÀ HUY TẬP VỚI VIỆC PHÁT HUY VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC TẬP HỢP LỰC LƯỢNG GIAI ĐOẠN 1936 - 1939

❄ ThS. TRẦN THỊ BÍCH THỦY

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

***Tóm tắt:** Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam những năm 1930, nhất là thời kỳ bị "khủng bố trắng" sau cao trào 1930 - 1931 đã đặt ra yêu cầu cấp thiết phải điều chỉnh sách lược, củng cố lực lượng và tìm kiếm những hình thức tổ chức, tập hợp quần chúng phù hợp hơn. Trong bối cảnh đó, việc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với các hình thức tổ chức tập hợp lực lượng phải trở thành vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng. Nhận thức rõ yêu cầu đó, thông qua các nghiên cứu lý luận và hoạt động thực tiễn, đồng chí Hà Huy Tập đã có những đóng góp quan trọng thể hiện tư duy nhạy bén và tầm nhìn chiến lược trong việc phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Thống nhất Nhân dân Phản đế Đông Dương và Mặt trận Dân chủ Đông Dương trong giai đoạn lịch sử này.*

Đồng chí Hà Huy Tập - Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương trong giai đoạn 1936 - 1938 là một trong những nhà lãnh đạo tiêu biểu có nhiều đóng góp quan trọng trong việc phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng đối với mặt trận. Với tư duy lý luận sắc bén, bản lĩnh chính trị vững vàng và sự nhạy bén trước yêu cầu của thực tiễn cách mạng, đồng chí đã cùng Ban Chấp hành Trung ương Đảng kịp thời đề ra những chủ trương đúng đắn, linh hoạt, phù hợp với tình hình trong nước và quốc tế, qua đó tạo bước phát triển mới cho phong trào cách mạng Việt Nam.

1. Bối cảnh lịch sử và yêu cầu cách mạng Đông Dương sau khủng bố trắng

Những năm đầu thập niên 1930 của thế kỷ XX, tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến động sâu sắc, chủ nghĩa phát xít ở Đức, Ý, Nhật trỗi dậy mạnh mẽ, đe dọa đến nền hòa bình thế giới. Thêm vào đó, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 đã làm suy yếu nền kinh tế thế giới, tác động đến phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ, đặc biệt là sự trỗi dậy phong trào giải phóng dân tộc ở nhiều nước thuộc địa. Tại Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (1935) đã đề ra đường lối mới, nhấn mạnh nhiệm vụ chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình và dân chủ, đề ra chủ trương thành lập các mặt trận nhân dân rộng rãi.

Ở trong nước, trước tác động của những biến chuyển trên thế giới, cao trào cách mạng 1930 - 1931 với đỉnh cao là phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh đã thể hiện tinh thần đấu tranh anh dũng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tuy nhiên, phong trào bị thực dân Pháp đàn áp dã man. Toàn bộ hệ thống bộ máy và cơ sở đảng bị địch đánh phá liên tục từ cuối

năm 1930 và kéo dài đến năm 1935. Nhiều đảng bộ chủ chốt ở các địa phương bị triệt phá, các tổ chức quần chúng như Nông hội đỏ, Công hội đỏ bị đàn áp dã man, bắt bớ, nhiều lãnh tụ bị sa lưới, thậm chí thực dân Pháp còn câu kết với cảnh sát quốc tế để truy lùng các cán bộ ở nước ngoài. Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt như Trần Phú (Tổng Bí thư), Nguyễn Ái Quốc (khi bị bắt tại Hương Cảng) và Lê Hồng Phong đã đối mặt với những nhà tù khắc nghiệt của đế quốc. Sự tàn bạo của cuộc "khủng bố trắng" đã làm giảm sút đáng kể lực lượng cách mạng, khiến phong trào quần chúng dần lắng xuống từ giữa năm 1931. Các tổ chức Đảng phải rút vào hoạt động bí mật. Việc giữ và chắp nối lại liên lạc vô cùng gian nan. Cách mạng Việt Nam đứng trước yêu cầu bức thiết phải khôi phục lực lượng, củng cố tổ chức và tìm kiếm những phương thức đấu tranh mới phù hợp hơn. Trong bối cảnh đó, yêu cầu khách quan phải điều chỉnh chiến lược, sách lược đấu tranh. Từ thực tiễn khôi phục hoạt động của Đảng đấu tranh cách mạng trong bối cảnh mới, đồng chí Hà Huy Tập dần nhận thức rõ vai trò của mặt trận trong việc tập hợp lực lượng đối phó với kẻ thù. Đến năm 1935, yêu cầu đặt ra cần phải xây dựng một hình thức mặt trận phù hợp nhằm tập hợp đông đảo các giai cấp, tầng lớp xã hội, tranh thủ mọi lực lượng có thể tranh thủ được để phục vụ cho mục tiêu cách mạng trước mắt và lâu dài.

2. Vai trò của đồng chí Hà Huy Tập trong việc phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận, đáp ứng yêu cầu cách mạng trong bối cảnh mới

Tổng Bí thư Hà Huy Tập sớm nhận thức rõ vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của Mặt trận trong sự nghiệp cách mạng. Tổ chức này không chỉ là hình thức tập hợp quần chúng đơn thuần mà là một liên minh chính trị rộng rãi, là công cụ hữu hiệu để Đảng mở rộng ảnh hưởng trong xã hội, gắn bó mật thiết với quần chúng nhân dân. Ngay tại Hội nghị thành lập Đảng (3/2/1930), Hồ Chí Minh đã xác định lực lượng cách mạng bao gồm toàn dân tộc, trong đó giai cấp công nhân và nông dân là gốc (lực lượng nòng cốt), đồng thời chủ trương đoàn kết các tầng lớp trung gian như tiểu tư sản, trí thức, và lôi kéo địa chủ vừa và nhỏ có tinh thần yêu nước. Quán triệt quan điểm của Nguyễn Ái Quốc về lực lượng tham gia cách mạng trong hội nghị hợp nhất Đảng ngày 3/2/1930, vận dụng; căn cứ vào tình hình thế giới và trong nước; vận dụng Nghị quyết Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, đồng chí Hà Huy tập nhận thấy, trong hoàn cảnh, điều kiện lực lượng cách mạng còn non yếu, chưa có cơ sở xã hội bền chặt, Đảng không thể chỉ dựa vào đội ngũ công nhân và nông dân mà phải tranh thủ tập hợp các tầng lớp như: trí thức, tiểu tư sản, tư sản dân tộc và cả một bộ phận địa chủ vừa và nhỏ có tinh thần yêu nước, chống áp bức đứng vào lực lượng cách. Muốn làm được điều đó, cần có hình thức mặt trận phù hợp, có cương lĩnh, mục tiêu, khẩu hiệu sát hợp với nguyện vọng thiết thực của đông đảo quần chúng hướng đến mục tiêu chung.

Trước tác động của tình hình thế giới, Quốc tế Cộng sản động viên những người Cộng sản Đông Dương, phát động trong giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới một phong trào ủng hộ cách mạng Đông Dương, chống khủng bố trắng, đòi ân xá tù chính trị. Tháng 6-1932, trên danh nghĩa Đảng Cộng sản Đông Dương, Quốc tế Cộng sản ban hành Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương. Được sự chỉ đạo và hỗ trợ của Quốc tế Cộng sản, đồng chí Hà Huy Tập đã lãnh đạo những người cộng sản Đông Dương vượt qua thử thách khắc nghiệt, duy trì hoạt động và dần dần khôi phục tổ chức đảng.

Tháng 3-1934, Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập. Hệ thống tổ chức đảng từng bước được khôi phục, đồng chí Hà Huy Tập đã cùng Trung ương Đảng kịp thời vận dụng đường lối của Quốc tế Cộng sản vào hoàn cảnh cụ thể của cách mạng Việt Nam. Đảng chủ trương chuyển hướng chiến lược, xác định nhiệm vụ trước mắt của cách mạng, thông qua Mặt trận để đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ, cải thiện đời sống nhân dân, chống chế độ phản động thuộc địa và tay sai. Mặt trận Dân chủ Đông Dương ra đời năm 1936 đã từng bước thực hiện nhiệm vụ của cách mạng trong bối cảnh mới. Đây là bước phát triển quan trọng trong tư duy chiến lược của Đảng, thể hiện sự linh hoạt, sáng tạo trong việc tổ chức và lãnh đạo phong trào cách mạng. Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Hà Huy Tập, Mặt trận Dân chủ Đông Dương đã đưa ra những khẩu hiệu phù hợp như: tự do báo chí, tự do hội họp, cải thiện điều kiện lao động, giảm thuế, chống bắt phu, bắt lính, đòi thả tù chính trị… Những khẩu hiệu này không chỉ đáp ứng lợi ích thiết thân của quần chúng mà còn phù hợp với tình hình chính trị - xã hội lúc bấy giờ, tạo điều kiện cho phong trào đấu tranh công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp phát triển mạnh mẽ. Nhờ đó, phong trào cách mạng đã thu hút được đông đảo quần chúng tham gia, mở rộng ảnh hưởng của Đảng trong xã hội, tạo cơ sở vững chắc để Đảng từng bước thực hiện vai trò lãnh đạo cách mạng trong từng giai đoạn cụ thể hướng đến mục tiêu chung giành độc lập dân tộc, từng bước đem lại cuộc sống tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

Mặc dù chủ trương mở rộng Mặt trận, tập hợp lực lượng rộng rãi, song đồng chí Hà Huy Tập luôn nhấn mạnh yêu cầu phải giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận. Đồng chí khẳng định, Mặt trận chỉ có thể phát huy hiệu quả khi đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng; nếu buông lỏng vai trò lãnh đạo, phong trào sẽ dễ bị chệch hướng, thậm chí bị các thế lực phản động lợi dụng. Dưới sự chỉ đạo của đồng chí, Đảng chú trọng xây dựng tổ chức Đảng trong các tổ chức quần chúng, tăng cường công tác tư tưởng, giáo dục chính trị cho cán bộ, đảng viên và quần chúng tham gia Mặt trận. Đồng thời, Đảng kết hợp linh hoạt giữa đấu tranh công khai và đấu tranh bí mật, giữa mục tiêu trước mắt và mục tiêu lâu dài, đảm bảo sự thống nhất trong chỉ đạo và hành động của phong trào cách mạng.

3. Ý nghĩa và giá trị thực tiễn việc phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận của đồng chí Hà Huy Tập

Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã khẳng định những chủ trương và hoạt động của đồng chí Hà Huy Tập trong việc phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận đã mang lại những kết quả và ý nghĩa to lớn.

Trước hết, phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương đã góp phần quan trọng vào việc khôi phục và phát triển lực lượng cách mạng sau những tổn thất nặng nề đầu thập niên 1930. Thông qua Mặt trận, Đảng đã xây dựng được cơ sở vững chắc trong quần chúng nhân dân, uy tín và ảnh hưởng của Đảng được nâng lên rõ rệt.

Thứ hai, việc xây dựng Mặt trận rộng rãi đã góp phần mở rộng khối đoàn kết toàn dân, tạo tiền đề chính trị - xã hội quan trọng cho những bước phát triển tiếp theo của cách mạng Việt Nam, đặc biệt là giai đoạn chuẩn bị cho cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Thứ ba, tư duy lãnh đạo linh hoạt, sáng tạo của đồng chí Hà Huy Tập đã để lại nhiều bài học quý báu về việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể

của cách mạng Việt Nam; về mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược lâu dài và sách lược trong từng giai đoạn cách mạng cụ thể; giữa tính nguyên tắc và tính linh hoạt trong lãnh đạo cách mạng.

Từ người yêu nước trở thành người cộng sản và từ người cộng sản trở thành Tổng Bí thư của Đảng, đồng chí Hà Huy Tập đã dành trọn cuộc đời và sự nghiệp cho cách mạng, cho Đảng. Sự hy sinh của đồng chí tô thắm thêm truyền thống vẻ vang của Đảng, để lại tấm gương sáng cho toàn Đảng, toàn dân noi theo, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trong mọi giai đoạn của sự nghiệp cách mạng. Đánh giá công lao của các tiền liệt thời dựng Đảng, trong đó có Tổng Bí thư Hà Huy Tập, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: "Nhờ sự dũng cảm hy sinh của các tiền liệt cách mạng... Các đồng chí ấy đã đem xương máu mình vun tưới cho cây cách mạng, cho nên cây cách mạng đã khai hoa, kết quả tốt đẹp như ngày nay. Tất cả chúng ta phải noi theo các gương anh dũng, gương chí công vô tư ấy, mới xứng đáng là người cách mạng"[1]. Có thể khẳng định rằng, đồng chí Hà Huy Tập là một nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng, người đã có nhiều đóng góp quan trọng trong việc phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận, đáp ứng yêu cầu cách mạng trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Những tư tưởng và hoạt động thực tiễn của đồng chí không chỉ góp phần đưa phong trào cách mạng Việt Nam vượt qua những thời điểm khó khăn mà còn để lại giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc.

Noi gương đồng chí Tổng Bí thư Hà Huy Tập, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Hà Tĩnh hôm nay nhận thức sâu sắc hơn ý nghĩa của việc phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, đáp ứng yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Tư duy linh hoạt, sáng tạo, luôn xuất phát từ thực tiễn và đặt lợi ích của nhân dân lên hàng đầu của đồng chí Hà Huy Tập tiếp tục là bài học quý báu cho Đảng bộ tỉnh trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hiện nay. Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX, Đảng bộ tỉnh đã và đang tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội theo hướng nhanh và bền vững, gắn tăng trưởng kinh tế với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội; phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực; lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể và động lực của phát triển. Theo đó, Đảng bộ tỉnh tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế gắn với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương; thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thích ứng biến đổi khí hậu. Đồng thời, tiếp tục củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân. Đây chính là sự kế thừa và phát huy sinh động tư tưởng, phong cách lãnh đạo của Tổng Bí thư Hà Huy Tập trong giai đoạn phát triển mới của tỉnh Hà Tĩnh.

Kỷ niệm 120 năm Ngày sinh đồng chí Hà Huy Tập là dịp để chúng ta tri ân, tôn vinh những cống hiến to lớn của đồng chí, đồng thời tiếp tục nghiên cứu, vận dụng những giá trị lý luận và thực tiễn từ tư duy, phong cách và tấm gương cách mạng của đồng chí vào công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn hiện nay, góp phần xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng trong kỷ nguyên mới./.

Chú thích:

(1). Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 7. Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật. H, 2011, tr25.

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ "THI ĐUA YÊU NƯỚC" TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

ThS. NGUYỄN THẮNG MỸ
Trưởng Khoa Nhà nước và Pháp luật

***Tóm tắt:** Sau gần một năm triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, các phong trào thi đua yêu nước tại các cơ quan, đơn vị đã mang lại những kết quả tích cực bước đầu, góp phần tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực hoạt động và hoàn thành tốt các mục tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Bên cạnh đó, quyền làm chủ của nhân dân tiếp tục được phát huy mạnh mẽ thông qua các đoàn thể và hoạt động thực tiễn. Đồng thời, cơ quan, đơn vị, địa phương cũng khuyến khích nhiều sáng kiến cải cách hành chính, đẩy mạnh chuyển đổi số và nâng cao tinh thần phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị.*

Trong hệ thống tư tưởng cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thi đua yêu nước giữ một vị trí cốt lõi, không chỉ ở phương diện lý luận mà còn ở thực tiễn tổ chức, vận động. Người khẳng định quan niệm này qua mệnh đề: *"Thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua"*. Đây là sự gắn kết hai chiều: thi đua làm bộc lộ và phát huy lòng yêu nước bằng hành động, còn lòng yêu nước đóng vai trò là bệ phóng nâng cao hiệu quả thi đua. Hướng tới lợi ích thiết thực của cá nhân gắn liền với nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương, thi đua mang tính chất toàn dân sâu sắc. Điều này được thể hiện sinh động trong *Lời kêu gọi thi đua ái quốc* ngày 11/6/1948, khi Người huy động sức mạnh tổng hợp của mọi tầng lớp nhân dân, từ hậu phương đến tiền tuyến, biến thi đua thành bệ phóng cho sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc.

Về mặt phương pháp luận, Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định tính chất cốt lõi của thi đua là tính liên tục, toàn diện và gắn liền với thực tiễn. Người chỉ rõ "công việc hàng ngày chính là nền tảng thi đua"[1] đập tan tư duy hình thức coi thi đua là nhiệm vụ biệt lập ngoài chuyên môn. Trong tiến

trình đó, sáng kiến kinh nghiệm được Người nâng tầm thành "của quý của dân tộc"[2] với quy luật lan tỏa từ cá thể đến cộng đồng. Để vận hành bộ máy thi đua hiệu quả, Người nhấn mạnh vai trò quyết định của sự lãnh đạo thống nhất giữa Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể. Cuối cùng, nguyên tắc thưởng phạt nghiêm minh, đích đáng chính là đòn bẩy tâm lý và chính trị, biến thi đua thành một phương thức giáo dục, nêu gương có sức cổ vũ mạnh mẽ trong đời sống xã hội.

Kế thừa và phát triển sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định thi đua yêu nước là một hệ thống quan điểm nhất quán, gắn liền với các thời kỳ cách mạng. Trong bối cảnh hiện nay, tinh thần của Đại hội XIV và Chỉ thị số 41-CT/TƯ, ngày 26/12/2024 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi đua, khen thưởng đã định hình rõ nét các luận điểm cốt lõi về công tác này. Trước hết, thi đua yêu nước chính là động lực mạnh mẽ và là phong trào hành động cách mạng thực chất. Để phong trào đi đúng hướng, các cấp ủy và đặc biệt là người đứng đầu phải trực tiếp lãnh đạo, lấy kết quả thi đua làm tiêu chí trọng tâm để đánh giá chất lượng cán bộ, đảng viên hằng năm. Bên cạnh đó, nội dung thi đua phải cụ thể, bám sát các mục tiêu chiến lược về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và xây dựng Đảng; tập trung giải quyết dứt điểm các "điểm nghẽn" thực tiễn như cải cách hành chính, chuyển đổi số, hay xóa nhà tạm. Đảng cũng xác định cơ sở là địa bàn chiến lược, hướng sự tôn vinh đến những người lao động trực tiếp. Thi đua không phải là cuộc chạy đua thành tích nhất thời, mà phải trở thành ý thức tự giác "hàng ngày như cơm ăn, nước uống", khơi dậy lòng tự hào và khát vọng đưa Việt Nam bứt phá vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Cuối cùng, thi đua phải gắn liền với khen thưởng. Khen thưởng phải chính xác, minh bạch để làm động lực thúc đẩy thi đua, đồng thời lan tỏa các mô hình hay, sáng kiến tốt sâu rộng trong toàn xã hội "như những con suối nhỏ chảy vào sông to". Từ cơ sở lý luận vững chắc đó, để nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

Nâng cao nhận thức cho cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể cùng với cán bộ, đảng viên các cấp và nhân dân về tầm quan trọng và tính tất yếu của thi đua. Phải hình thành động cơ thi đua trong sáng, lành mạnh, đó là sự giác ngộ về mục đích, ý nghĩa và vai trò của thi đua, thể hiện sâu sắc nhận thức và trách nhiệm của mỗi người đối với sự lớn mạnh của tập thể, lợi ích của đơn vị và của mỗi người. Trên cơ sở xây dựng động cơ đúng mà xây dựng quyết tâm hoàn thành các chỉ tiêu, định mức của thi đua. Trong phát động phong trào của cấp ủy, chính quyền cần *"Rút ngắn thời gian - Nâng cao chất lượng"* trong giải quyết công việc hàng ngày. Khi không còn cấp trung gian, áp lực dồn về cấp tỉnh và cấp xã sẽ rất lớn, công tác thi đua phải hướng vào việc liên thông dữ liệu, cắt giảm tối thiểu 20-30% thời gian xử lý hồ sơ của người dân. Thiết lập các chỉ tiêu thi đua cụ thể về tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến, số hóa kết quả hành chính. Lấy "Chính quyền số" làm công cụ bù đắp cho sự thiếu hụt nhân sự cơ học do tinh giản bộ máy. Tập trung vào các chiến dịch thi đua ngắn hạn, giải quyết dứt điểm các vấn đề nổi cộm tại địa phương như giải phóng mặt bằng, quản lý

trật tự đô thị, xử lý môi trường. Gắn kết quả thi đua với công tác quy hoạch, đề bạt và luân chuyển cán bộ. Đơn vị nào để xảy ra tình trạng trì trệ, đùn đẩy trách nhiệm trong bối cảnh vận hành bộ máy mới sẽ bị xử lý kỷ luật và cắt toàn bộ danh hiệu thi đua của người đứng đầu.

Trong công cuộc đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các phong trào thi đua dịch chuyển trọng tâm về cơ sở, đưa nguồn lực và chỉ tiêu thi đua về cấp xã/phường/đặc khu và tổ dân phố/thôn/xóm. Đây là nơi trực tiếp tiếp xúc với nhân dân và chịu áp lực lớn nhất khi chính quyền địa phương 2 cấp đi vào hoạt động, không ký kết thi đua kiểu hình thức giữa các cơ quan. Chỉ tiêu thi đua phải được lượng hóa cụ thể thành KPI (Chỉ số đánh giá hiệu suất) gắn với bản mô tả công việc của từng công chức, viên chức. Bên cạnh thi đua thường xuyên, cần tổ chức các đợt thi đua cao điểm (từ 1 đến 3 tháng) gắn với các cột mốc lịch sử hoặc các dự án trọng điểm của địa phương để tạo động lực bứt phá nhằm giải quyết những nhiệm vụ khó khăn nhất của cả nước và của từng địa phương, cơ quan, đơn vị. Đó là thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững, bảo đảm an sinh xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền quốc gia, tích cực hội nhập quốc tế, muốn được như vậy, thì cần phát huy giá trị truyền thống của mỗi người Việt Nam yêu nước, sẵn sàng hy sinh vì lợi ích của quốc gia, dân tộc.

Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, phong trào thi đua cần phải được tổ chức một cách thiết thực, sâu rộng và bao quát được toàn bộ các lĩnh vực đời sống xã hội, các tầng lớp nhân dân, các thành phần kinh tế, các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể, các lực lượng vũ trang. Thi đua là công việc của mọi người, mọi ngành, mọi cấp, không phân biệt già, trẻ, gái, trai. Chú ý tính nhân dân, tính phổ biến trong các chủ trương thi đua của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thi đua là dùng lực lượng của dân, tinh thần của dân để mang lại hạnh phúc cho dân. Thi đua là vì dân, cho nên phải trở thành bổn phận của mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi địa phương, mỗi cơ quan, đơn vị và mỗi người dân.

Thi đua cần kiệm, tăng năng suất lao động đi đôi với chống quan liêu, tham ô và lãng phí. Đây là hai mặt gắn bó chặt chẽ với nhau, tác động, thúc đẩy lẫn nhau. Thực hiện tốt việc chống quan liêu, tham nhũng, chống đặc quyền, đặc lợi trong Đảng sẽ có tác động quyết định đến việc chống quan liêu, tham nhũng, thực hành dân chủ, làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Vì thế, đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng là một nhiệm vụ trọng tâm đối với sự phát triển của đất nước ta hiện nay. Yêu nước thì phải chống tham ô, lãng phí, quan liêu như truyền thống dũng cảm chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta. Chống tham ô, lãng phí, quan liêu là cuộc chiến đấu cực kỳ gay go, phức tạp. Đảng, Nhà nước phải biết dựa vào dân để chống quan liêu, tham ô, lãng phí một cách có hiệu quả, củng cố vững chắc "Thế trận lòng dân" trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát động phong trào "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng": Tạo cơ chế thi đua công khai, minh bạch các hoạt động của chính quyền trên các nền tảng số để người dân dễ dàng theo dõi. Nâng cao hiệu quả giám sát phản biện xã hội: Đưa nội dung giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thành một tiêu chí đánh

giá thi đua bắt buộc. Đơn vị nào không tổ chức đối thoại, không tiếp thu phản biện của nhân dân sẽ bị hạ bậc thi đua.

Kịp thời khen thưởng, động viên, khen thưởng phải đúng người, đúng việc, chống báo cáo sai, khen không đúng người, đúng việc. Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức và cải tiến thủ tục, quy trình xét khen thưởng, thực hiện công khai, dân chủ, kịp thời và bảo đảm tính nêu gương, giáo dục trong khen thưởng. Cần phải theo sát các phong trào thi đua, căn cứ vào thành tích trong phong trào thi đua để khen thưởng. Xây dựng, ban hành các quy định cụ thể để thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng và tặng thưởng các huân chương, huy chương. Kiên quyết chống tiêu cực và bệnh hình thức trong công tác thi đua, khen thưởng. Phải tiếp tục tuyên truyền sâu rộng công tác thi đua, khen thưởng tới đông đảo quần chúng nhân dân. Thay đổi tỷ lệ khen thưởng, dành tối thiểu 70% các hình thức khen thưởng (Giấy khen, Bằng khen) cho công chức, viên chức cấp cơ sở, người lao động, chiến sĩ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, thay vì tập trung vào cán bộ quản lý. Cần khen thưởng đúng người, đúng việc; chú trọng khen thưởng đột xuất, từ đó nhân rộng cá nhân, điển hình tiên tiến để cổ vũ, động viên mọi người học tập làm theo. Tuyệt đối không khen thưởng dựa trên báo cáo hay thâm niên. Người được khen thưởng phải có sáng kiến cụ thể được ứng dụng thành công, giúp tiết kiệm ngân sách, thời gian hoặc làm tăng mức độ hài lòng của người dân. Cần kịp thời phát hiện sớm những tấm gương người tốt, việc tốt, điển hình, tiên tiến khen thưởng đột xuất ngay để động viên kịp thời và sớm nhân rộng các điển hình xuất sắc. Khi xuất hiện một mô hình quản lý hiệu quả hoặc một sáng kiến chuyển đổi số thành công tại một phường/xã/đặc khu, chính quyền cấp tỉnh phải có cơ chế tổ chức hội thảo, chuyển giao và nhân rộng ngay lập tức, tránh tình trạng "sáng kiến đắp chiếu".

Tóm lại, việc nghiên cứu và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua yêu nước trong bối cảnh chính quyền địa phương hai cấp phải lấy "sự hài lòng của người dân" và "tốc độ xử lý công việc" làm thước đo cốt lõi. Có như vậy, công tác thi đua, khen thưởng mới vừa kế thừa giá trị truyền thống, vừa phát triển lên tầm cao mới, tạo nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân để xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, sánh vai với các cường quốc năm châu như sinh thời Bác Hồ kính yêu hằng mong muốn./.

Chú thích:

(1). Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 6, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2011tr 169,

(2). Hồ Chí Minh, Sđd, Tập 7; tr. 404

(3). Chỉ thị số 41-CT/TW, ngày 26/12/2024 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi đua, khen thưởng.

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ VÀO GIẢNG DẠY TẠI KHOA XÂY DỰNG ĐẢNG, TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ThS. PHAN CHÍ QUYẾT
Giảng viên Khoa xây dựng Đảng

***Tóm tắt:** Xác định vai trò đặc biệt quan trọng của công tác giáo dục lý luận chính trị trong việc hoàn thiện nhân cách, nâng cao bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cách mạng, Hồ Chí Minh cho rằng đây là công việc có liên quan trực tiếp đến vận mệnh của Đảng và quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng. Hiện nay, tư tưởng của Người còn nguyên giá trị và có ý nghĩa soi đường cho việc xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên phát triển toàn diện, có đức, có tài đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.*

Sinh thời, Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ có đức, có tài, có lý tưởng cách mạng và năng lực chính trị, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân. Người thường xuyên chăm lo đến việc bồi dưỡng, giáo dục lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và coi đây là nhiệm vụ rất quan trọng liên quan trực tiếp đến thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Theo Hồ Chí Minh: "Lý luận là sự tổng kết những kinh nghiệm của loài người, là tổng hợp những tri thức về tự nhiên và xã hội tích trữ lại trong quá trình lịch sử" (1). Từ quan niệm chung về lý luận, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi đến một định nghĩa khái quát về lý luận Mác - Lênin với tư cách "là sự tổng kết kinh nghiệm của phong trào công nhân từ trước đến nay của tất cả các nước. Nó là khoa học về các quy luật phát triển của tự nhiên và xã hội; khoa học về cách mạng của quần chúng bị áp bức và bóc lột; khoa học về thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở tất cả các nước; khoa học về xây dựng chủ nghĩa cộng sản"(2).

Xuất phát từ bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin"(3). Hồ Chí Minh xác định, giáo dục lý luận là truyền bá những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, truyền bá đường lối và quan điểm của Đảng đến cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Đó là quá trình tác động vào đối tượng bằng cách trình bày, giải thích một cách khoa học những khái niệm, những quy luật, những quan điểm... nhằm làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân nắm được những kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, về đường lối, chủ trương của Đảng, từ đó nâng cao phẩm chất cách mạng và năng lực hoạt động thực tiễn, hướng dẫn họ vận

dụng những hiểu biết ấy vào cuộc sống. Theo Người, đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, giáo dục lý luận là rất cần thiết, bởi sự nghiệp này vô cùng khó khăn và phức tạp. Chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới chưa từng có trong lịch sử. Do đó, để tránh việc mò mẫm và ít phạm sai lầm thì một mặt chúng ta phải học tập và vận dụng kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, mặt khác, chúng ta phải không ngừng học tập và vận dụng một cách sáng tạo lý luận Mác -Lênin vào thực tiễn của Việt Nam.

Hồ Chí Minh chỉ rõ mục đích của giáo dục lý luận chính trị nhằm cung cấp các phương pháp luận khoa học giúp con người nâng cao giác ngộ lý tưởng cách mạng, củng cố niềm tin vào sự thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Đồng thời, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng thì mới lãnh đạo được quần chúng đưa cách mạng đến thắng lợi. Để có đạo đức cách mạng và giữ vững đạo đức cách mạng, Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải học lý luận và nắm vững lý luận để từ đó nhận thức rõ đúng, sai, để đấu tranh bảo vệ cái đúng và kiên quyết chống lại cái sai, cái xấu. Giáo dục lý luận chính trị còn nhằm củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Hồ Chí Minh cho rằng, "có tin tưởng thì lúc ra thực hành mới vững chắc, hăng hái, lúc gặp khó khăn mới kiên quyết hy sinh"[4]. Giáo dục lý luận chính trị là để đem lý luận vào thực hành trong thực tế. Người chỉ rõ và nhấn mạnh: "Có học tập lý luận Mác - Lênin mới củng cố được đạo đức cách mạng, giữ vững lập trường... Học tập Chủ nghĩa Mác - Lênin là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc đối với mọi người và đối với bản thân mình, là học tập những chân lý phổ biến của Chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Học tập để mà làm, lý luận đi đôi với thực tiễn"[5].

Nội dung giáo dục lý luận chính trị theo Hồ Chí Minh trước hết là giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, vì "Chủ nghĩa Mác - Lênin soi phương hướng, đường lối cho chúng ta đi. Có phương hướng đúng thì làm việc mới đúng. Hết lòng hết sức phụng sự nhân dân, phụng sự Tổ quốc; bất kỳ việc to việc nhỏ cũng nhằm mục đích ấy"[6]. Đồng thời, vấn đề giáo dục chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng là một nội dung hết sức quan trọng trong công tác giáo dục lý luận chính trị. Do đó, mỗi cán bộ, đảng viên cần kiên định con đường cách mạng mà Đảng và dân tộc ta đã lựa chọn. Mặt khác, giáo dục lý luận chính trị còn cần tập trung vào nội dung giáo dục các chuẩn mực đạo đức của người cách mạng cho mỗi cán bộ, đảng viên. Để nâng cao hiệu quả của công tác giáo dục lý luận chính trị, Hồ Chí Minh cho rằng, phải luôn gắn nội dung giáo dục lý luận chính trị với thực tiễn của Việt Nam, học đi đôi với hành, lý luận phải liên hệ với thực tế, học tập phải kết hợp với lao động sản xuất. Bên cạnh đó, việc giáo dục phải phù hợp với trình độ người học và phù hợp với lứa tuổi. Không những vậy, trong giáo dục lý luận chính trị phải thực sự coi trọng phương pháp nêu gương. Người từng nói, một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền.

Trong thời gian qua, việc giảng dạy tại khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh đã đạt được những kết quả tích cực: Kết quả học tập các phần học không ngừng được củng cố và nâng cao; ý thức học tập của học viên được cải thiện rõ rệt; cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy được hiện đại hóa; một số phương pháp dạy học tích cực được áp dụng bước đầu đạt kết quả tốt; giáo trình được xây dựng phù hợp với

tình hình và yêu cầu thực tiễn; giảng viên chủ động nắm bắt và làm chủ bài giảng; phân phối hợp lý giữa kiến thức lý luận và liên hệ thực tiễn để bài giảng được sinh động, phong phú, lôi cuốn, hấp dẫn đối với học viên... Tuy nhiên, bên cạnh đó, còn một số hạn chế trong hoạt động giảng dạy như: Chất lượng một số bài giảng chưa cao, còn nặng về lý luận mà chưa cân đối với kiến thức thực tiễn; một số giảng viên chưa đầu tư thời gian vào bài giảng khi quá phụ thuộc vào các phương tiện dạy học; việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy còn hạn chế... Bên cạnh đó, yêu cầu thực hiện Quy định số 396-QĐ/TW ngày 06/01/2026 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn; Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG, ngày 20/3/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành bộ quy chế về công tác trường chính trị đặt ra yêu cầu rất cao về nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn tại các trường chính trị. Đây là những yêu cầu mới, đòi hỏi rất cao về việc gắn lý luận với thực tiễn, gắn nội dung với đổi mới phương pháp dạy, học, lấy người học làm trung tâm. Nhất là giữa người dạy và người học đồng kiến tạo tri thức mới...

Để góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy tại khoa Xây dựng Đảng nói riêng, Trường Chính trị Trần Phú nói chung, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, cần chú trọng một số nội dung sau:

Thứ nhất, cần nâng cao chất lượng, ý thức, trách nhiệm của đội ngũ giảng viên. Có chính sách khuyến khích, động viên giảng viên tham gia các khóa đào tạo chuyên môn sâu như tiến sĩ, thạc sĩ, bồi dưỡng chuyên môn, phương pháp, nghiệp vụ và tự nghiên cứu, học tập. Giảng viên phải rèn luyện bản lĩnh và đạo đức cách mạng, là tấm gương sáng về đạo đức, lối sống và sự kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để tạo niềm tin cho học viên; thường xuyên tìm hiểu, nghiên cứu, cập nhật các kiến thức lý luận chính trị và các tri thức có liên quan trong các bài giảng để các bài giảng được sâu, rộng nhằm nâng cao tính thuyết phục cho mỗi bài giảng; tập trung nghiên cứu các đề tài, sáng kiến kinh nghiệm giải quyết trực tiếp các tình huống về công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị nói chung, tại Hà Tĩnh nói riêng; tham gia đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, các hội nghị, hội thảo khoa học, viết các bài báo khoa học, viết sách...nhằm củng cố tri thức khoa học, cụ thể hóa những tri thức khoa học thành hành động thực tiễn.

Thứ hai, tăng cường gắn lý luận với thực tiễn, rèn luyện kỹ năng giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quá trình giảng dạy nhằm giúp học viên hiểu bài, thấy được vai trò của lý luận đối với thực tiễn và mối liên hệ giữa chúng. Đó chính là gắn học với hành theo tư tưởng của chủ tịch Hồ Chí Minh, khắc phục tình trạng áp dụng lý luận, lý thuyết một cách giáo điều, rập khuôn, máy móc. Việc biết vận dụng lý luận vào thực tiễn chính là mục đích cao nhất của quá trình giảng dạy, là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá hiệu quả của hoạt động đào tạo lý luận chính trị. Giảng viên cần có vốn kiến thức thực tiễn phong phú, biết phân tích, chọn lọc, tổng hợp, khái quát và xử lý tốt thông tin, biết cách gắn cho đúng, cho trúng lý luận với thực tiễn, biết khai thác thực tiễn từ các khía cạnh khác nhau; thời lượng hợp lý, tránh tình trạng, sa đà vào thực tiễn, mà xem nhẹ việc cung cấp những tri thức lý luận. Gắn việc giảng dạy chuyên môn với việc liên hệ, vận dụng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, vào thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương. Điều này đòi hỏi giảng viên phải có kiến thức thực tiễn rộng, nắm vững

đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và am hiểu các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội hiện nay. Chú trọng tích hợp các chỉ thị, nghị quyết và thực tế phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của đất nước, tỉnh Hà Tĩnh vào từng bài giảng. Kiên quyết chống chủ nghĩa giáo điều, luôn cập nhật các văn kiện, nghị quyết của Trung ương và Đảng bộ tỉnh bổ sung kịp thời vào chương trình giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hạn chế những kiến thức cũ, mang tính giáo khoa thuần túy. Cập nhật thực tế hoạt động ở cơ sở, đưa các mô hình hay, cách làm sáng tạo, những tình huống thực tế hoặc những hạn chế trong đời sống xã hội, trong công tác đảng và hệ thống chính trị... làm dẫn chứng minh họa.

Thứ ba, áp dụng triệt để các phương pháp dạy học tích cực như thảo luận nhóm, giải quyết tình huống và đóng vai xử lý tình huống thực tế ở cơ sở. Sử dụng các phương pháp dạy học phù hợp với đặc thù từng phần học, gắn với việc thực hiện giảng viên đồng giảng theo quy chế, quy định tại Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG**,** ngày 20/3/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Thực tiễn giảng dạy cho thấy, để giờ giảng đạt được hiệu quả, cần thiết phải sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp như: thuyết trình; nêu vấn đề; thảo luận nhóm; nêu ý kiến; phỏng vấn nhanh, phỏng vấn sâu... Trong các phương pháp trên, thuyết trình vẫn là phương pháp chủ đạo, nhưng phải là thuyết trình có hiệu quả theo hướng phát huy tính tích cực của người học, nghĩa là trong thuyết trình có nêu vấn đề, phát vấn, tạo tình huống, người học cùng tham gia. Việc lựa chọn, sử dụng những phương pháp nào và mức độ sử dụng ra sao cũng phải căn cứ vào mục tiêu của từng bài giảng, căn cứ vào đối tượng người học và điều kiện, phương tiện vật chất cần thiết phục vụ cho quá trình giảng dạy. Giáo viên cần tích cực học hỏi, rèn luyện, đổi mới các phương pháp, hình thức giảng dạy. Đồng thời, nâng cao khả năng sử dụng thành thạo công nghệ thông tin hiện đại nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

Thứ tư, phát huy tính chủ động trong quá trình học tập của học viên. Để nâng cao chất lượng dạy và học các phần học hiện nay, cả người dạy và người học đều cần phải nhận thức được quá trình dạy - học và tự học là một quá trình biện chứng. Khi học viên có ý thức tự giác trong học tập thì việc tiếp thu tri thức sẽ nhanh chóng chuyển thành tình cảm, niềm tin, lý tưởng và thế giới quan khoa học. khắc phục triệt để bệnh thành tích theo đúng lời dặn của Bác: Học để mà làm, làm người, làm cán bộ.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục lý luận chính trị cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Việc nâng cao chất lượng giảng dạy tại khoa Xây dựng Đảng nói riêng, Trường Chính trị Trần Phú nói chung trong bối cảnh hiện nay là một yêu cầu khách quan nhằm đảm bảo thành công trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Trước yêu cầu ngày càng cao của thực tiễn, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần nâng cao chất lượng giảng day lý luận chính trị nói chung, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn tại khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị Trần Phú là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay./.

Chú thích:

(1), (2). Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, H, 2011, t. 13, tr. 96.

(3). Hồ Chí Minh: Sđd, t.4, tr. 289.

(4). Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 6(2011), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr 362.

(5). Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 11(2011), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.611.

(6). Hồ Chí Minh: Toàn tập, sđd, t.10, tr. 290.

GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ HỌC TẬP, THỰC HÀNH "TỰ SOI, TỰ SỬA" THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHƯƠNG PHÁP, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

❄ ThS. LÊ THỊ THUỲ DUNG
Giảng viên khoa Nhà nước và pháp luật

***Tóm tắt:** Học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh là yêu cầu thường xuyên đối với đội ngũ giảng viên các trường chính trị nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp và năng lực chuyên môn. Bài viết làm rõ ý nghĩa của việc học Bác để "tự soi, tự sửa" của đội ngũ giảng viên Trường Chính trị Trần Phú; phân tích những yêu cầu đặt ra trong bối cảnh đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và xây dựng trường chính trị chuẩn. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp góp phần xây dựng đội ngũ giảng viên có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, chuyên môn sâu, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.*

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi việc tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển của Đảng, là vũ khí sắc bén để mỗi cán bộ, đảng viên không ngừng hoàn thiện bản thân, nâng cao năng lực công tác và giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng. Người căn dặn: "Mỗi cán bộ, đảng viên hằng ngày phải tự kiểm điểm, tự phê bình, tự sửa chữa như mỗi ngày phải rửa mặt"[1]. Lời dạy đó không chỉ mang ý nghĩa phương pháp luận sâu sắc đối với công tác xây dựng Đảng mà còn là kim chỉ nam cho quá trình rèn luyện, tu dưỡng của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong mọi thời kỳ. Trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh công cuộc đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thực hiện chuyển đổi số và tinh gọn bộ máy theo hướng hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, yêu cầu đặt ra đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên ngày càng cao. Đối với đội ngũ giảng viên trường chính trị với nhiệm vụ trực tiếp tham gia đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị cơ sở, yêu cầu "tự soi, tự sửa" càng trở nên cấp thiết hơn bởi không chỉ truyền đạt kiến thức quan điểm đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giảng viên trường chính trị còn có trách nhiệm lan tỏa những giá trị cách mạng, bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, đạo đức công vụ và tinh thần phụng sự Nhân dân cho người học. Sự chuẩn mực trên bục giảng chính là nền tảng khởi nguồn cho phẩm chất cán bộ; điều này đòi hỏi mỗi giảng viên phải coi "tự soi, tự sửa" là thước đo thường xuyên, liên tục cho cả năng lực chuyên môn lẫn bản lĩnh chính trị.

Đối với giảng viên Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh, việc "tự soi, tự sửa" theo gương Bác không chỉ là yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp mà còn là trách nhiệm chính trị, là biểu hiện của bản lĩnh, trí tuệ và tinh thần tiên phong trong thực hiện sứ mệnh đào tạo cán bộ. Đây chính là con đường để mỗi giảng viên không ngừng hoàn thiện bản thân, nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và góp phần xây dựng nhà trường ngày càng phát triển.

1. "Tự soi, tự sửa" - một trong những giá trị cốt lõi trong tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Trong hệ thống các giá trị tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh, "tự soi, tự sửa" là một nội dung có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, thể hiện tinh thần tự giác, cầu thị và trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện bản thân. Đây không chỉ quá trình mỗi cá nhân chủ động nhìn nhận, đánh giá lại bản thân một cách khách quan, trung thực để nhận diện những ưu điểm cần phát huy, những hạn chế, khuyết điểm cần khắc phục, mà còn là động lực thúc đẩy sự hoàn thiện nhân cách, nâng cao năng lực công tác và phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh rằng con người không ai hoàn thiện tuyệt đối; mỗi cá nhân đều có mặt mạnh và mặt hạn chế. Điều quan trọng là phải có thái độ trung thực với chính mình, dám nhìn thẳng vào những thiếu sót, khuyết điểm để sửa chữa, không né tránh, không che giấu và không tự mãn với những kết quả đã đạt được. Người chỉ rõ: "Đảng viên và cán bộ cũng là người. Ai cũng có tính tốt và tính xấu. Song đã vào Đảng thì phải cố gắng phát triển tính tốt và sửa chữa tính xấu, vì tính xấu của đảng viên và cán bộ sẽ hại đến Đảng"[2]. Quan điểm này thể hiện sâu sắc yêu cầu về tính tự giác, tinh thần tự phê bình và phê bình - một nguyên tắc quan trọng trong xây dựng Đảng và rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, "tự soi, tự sửa" không chỉ dừng lại ở việc nhận thức và chỉ ra khuyết điểm, mà phải được cụ thể hóa bằng những hành động thiết thực trong học tập, công tác và cuộc sống. Đó là quá trình thường xuyên tự học tập, tự rèn luyện, đổi mới tư duy và phương pháp làm việc; nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần phục vụ Nhân dân; kiên quyết đấu tranh với chủ nghĩa cá nhân, bệnh hình thức, tư tưởng bảo thủ, trì trệ và tâm lý ngại đổi mới.

2. Những nội dung cần "tự soi, tự sửa" của giảng viên Trường Chính trị Trần Phú hiện nay

Đối với đội ngũ giảng viên trường chính trị nói chung và Trường Chính trị Trần Phú nói riêng, "tự soi, tự sửa" không chỉ là yêu cầu về phẩm chất đạo đức mà còn là đòi hỏi tất yếu gắn với chức trách nhiệm vụ được giao. Với vai trò là những người trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cho hệ thống chính trị ở địa phương, giảng viên không chỉ truyền đạt kiến thức lý luận chính trị mà còn góp phần định hướng tư tưởng, xây dựng bản lĩnh chính trị và đạo đức công vụ cho học viên. Vì vậy, việc thường xuyên tự đánh giá, tự hoàn thiện phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và phong cách làm việc có ý nghĩa quyết định đến chất lượng đào tạo. Một giảng viên không ngừng "tự soi, tự sửa" sẽ nâng cao được năng lực chuyên môn, củng cố uy tín và sức thuyết phục trong giảng dạy, đồng thời trở thành tấm gương về tinh thần học tập, rèn luyện và đổi mới cho học viên. Đây cũng là cơ sở quan trọng để đội ngũ giảng viên trường chính trị đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong giai đoạn mới.

Trước hết, mỗi giảng viên cần "tự soi" về lập trường tư tưởng và bản lĩnh chính trị. Đây là yêu cầu có tính nguyên tắc đối với giảng viên trường chính trị. Mỗi giảng viên cần thường xuyên "tự soi" mức độ kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng; sự trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tinh thần trách nhiệm trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Trong bối cảnh các thông tin đa chiều và những luận điệu xuyên tạc, chống phá xuất hiện ngày càng tinh vi trên không gian mạng, việc giữ vững bản lĩnh chính trị, nâng cao khả năng nhận diện và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trở thành yêu cầu cấp thiết đối với mỗi giảng viên.

Thứ hai, "tự soi" về phẩm chất đạo đức, lối sống và tác phong công tác. Giảng viên

trường chính trị phải là những người mẫu mực trong chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Quá trình "tự soi" cần tập trung nhận diện những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, bệnh hình thức, tâm lý bằng lòng với bản thân, thiếu trách nhiệm hoặc chưa thực sự tận tâm với công việc. Thông qua đó, mỗi cá nhân không ngừng rèn luyện phong cách làm việc khoa học, dân chủ, sâu sát thực tiễn và gần gũi với học viên.

Thứ ba, "tự soi" về năng lực chuyên môn, trình độ lý luận và khả năng nghiên cứu thực tiễn. Trong điều kiện yêu cầu công tác đào tạo cán bộ ngày càng cao, giảng viên không chỉ nắm vững kiến thức chuyên ngành mà còn phải có khả năng cập nhật những vấn đề mới trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội; gắn lý luận với thực tiễn địa phương và đất nước. Việc thường xuyên đánh giá chất lượng nghiên cứu khoa học, khả năng tổng kết thực tiễn, tham mưu và đề xuất các luận cứ khoa học phục vụ phát triển địa phương là nội dung quan trọng trong quá trình tự hoàn thiện của bản thân mỗi giảng viên.

Thứ tư, "tự soi" về phương pháp giảng dạy và năng lực đổi mới sáng tạo. Trong bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới giáo dục lý luận chính trị, giảng viên cần chủ động tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, lấy học viên làm trung tâm, nâng cao khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy. Mỗi bài giảng cần được đánh giá trên các tiêu chí về tính khoa học, tính thực tiễn, tính hấp dẫn và khả năng khơi dậy tư duy độc lập, sáng tạo của người học. Đây là cơ sở để nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu đổi mới của hệ thống trường chính trị hiện nay.

Thứ năm, "tự soi" về tinh thần trách nhiệm, ý thức nêu gương và văn hóa ứng xử. Đặc thù của giảng viên trường chính trị là tác động đến học viên không chỉ bằng nội dung bài giảng mà còn bằng nhân cách, phong cách và hành vi ứng xử hằng ngày. Vì vậy, mỗi giảng viên cần thường xuyên tự đánh giá việc thực hiện trách nhiệm nêu gương; thái độ ứng xử với đồng nghiệp, học viên; tinh thần đoàn kết, hợp tác trong công việc; ý thức xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, dân chủ và nhân văn. Đây là những yếu tố góp phần tạo nên uy tín, sức lan tỏa và ảnh hưởng tích cực của người giảng viên trong môi trường văn hoá trường Đảng.

3. "Tự soi" phải gắn với "tự sửa" - từ nhận thức đến hành động

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, "tự soi" chỉ thực sự có ý nghĩa khi dẫn đến "tự sửa". Nếu chỉ nhận ra hạn chế, khuyết điểm mà không có quyết tâm và giải pháp khắc phục thì việc "tự soi" sẽ trở nên hình thức, không mang lại sự chuyển biến thực chất. Vì vậy, "tự soi" và "tự sửa" là hai quá trình gắn bó chặt chẽ, bổ sung cho nhau và được thực hiện thường xuyên trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện của mỗi cán bộ, đảng viên. Đối với giảng viên Trường Chính trị Trần Phú, sau khi nhận diện được những hạn chế về tư tưởng chính trị, đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, năng lực nghiên cứu khoa học hay phương pháp giảng dạy, điều quan trọng là phải xây dựng kế hoạch khắc phục cụ thể, xác định rõ nội dung cần sửa, biện pháp thực hiện và thời gian hoàn thành. Việc "tự sửa" không chỉ thể hiện ở nhận thức mà phải được cụ thể hóa bằng những hành động thiết thực như tăng cường học tập, nghiên cứu lý luận, cập nhật kiến thức mới, đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, rèn luyện phong cách làm việc khoa học và tinh thần trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ.

"Tự soi, tự sửa" là việc không dễ dàng bởi nó đòi hỏi sự trung thực với chính mình, dám nhìn nhận khuyết điểm và quyết tâm thay đổi. Điều đó cần đến bản lĩnh chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp và bản lĩnh đạo đức của

mỗi giảng viên. Bản lĩnh trước hết thể hiện ở sự dũng cảm nhìn thẳng vào hạn chế của bản thân. Trong thực tế, không ít người dễ nhận thấy sai sót của người khác nhưng lại khó nhận ra khuyết điểm của chính mình. Một số biểu hiện như bằng lòng với hiện tại, ngại học tập, ngại đổi mới, tâm lý "an toàn", thiếu khát vọng vươn lên có thể trở thành lực cản đối với sự phát triển của người giảng viên. Vì vậy, "tự soi" đòi hỏi mỗi người phải có thái độ cầu thị, khách quan và tinh thần trách nhiệm cao. Bản lĩnh còn thể hiện ở quyết tâm sửa chữa khuyết điểm. Nhận ra hạn chế mới chỉ là bước đầu; điều quan trọng là phải biến nhận thức thành hành động. Mỗi giảng viên cần xây dựng kế hoạch tự học tập, nâng cao trình độ ngoại ngữ, công nghệ thông tin; đổi mới phương pháp giảng dạy; tăng cường nghiên cứu khoa học; tích cực đi cơ sở để tổng kết thực tiễn; hay điều chỉnh phong cách làm việc theo hướng khoa học, chuyên nghiệp hơn. Trong môi trường giáo dục lý luận chính trị, bản lĩnh còn thể hiện ở khả năng bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Giảng viên không chỉ truyền đạt tri thức mà còn phải chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; giải thích, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn mới nảy sinh; góp phần củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng và chế độ. Để việc "tự soi, tự sửa" tiếp tục thực sự đi vào chiều sâu và trở thành động lực phát triển, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, chủ động xây dựng và nghiêm túc thực hiện kế hoạch tu dưỡng, rèn luyện cá nhân gắn liền với vị trí việc làm và chức trách, nhiệm vụ được giao. Việc "tự soi, tự sửa" của người giảng viên lý luận chính trị nói chung và giảng viên Trường Chính trị Trần Phú nói riêng không thể diễn ra một cách tự phát, cảm tính mà phải được hình thành một cách có kế hoạch cụ thể. Mỗi giảng viên cần căn cứ vào các tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp, đề án vị trí việc làm và nhiệm vụ chính trị của cơ quan để xây dựng kế hoạch tu dưỡng cá nhân hằng năm một cách tường minh, khoa học. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở các bản cam kết mang tính thủ tục, rập khuôn, mà phải được cụ thể hóa thành những chỉ tiêu định lượng và định tính thiết thực trong từng bài giảng, từng công trình nghiên cứu khoa học. Kế hoạch này cần thiết lập một lộ trình rõ ràng, có tiêu chí đánh giá cụ thể cho từng giai đoạn và phải được đặt dưới sự giám sát, góp ý của chi bộ, khoa chuyên môn. Đây chính là chiếc "gương soi" để mỗi cá nhân "tự soi" hằng ngày, tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và kịp thời điều chỉnh những lệch lạc trong nhận thức cũng như hành động nếu có.

Hai là, phát huy tinh thần tự học, tự nghiên cứu, không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn và năng lực số. Đối với người giảng viên trường chính trị, tự học không chỉ là nhu cầu tự thân mà còn là nghĩa vụ chính trị. Trước sự bùng nổ của thời đại số và nền kinh tế tri thức, nguồn học liệu và phương thức tiếp cận thông tin đã thay đổi căn bản, đòi hỏi người dạy phải vượt qua tư duy lối mòn, chống lại căn bệnh lười suy nghĩ, ngại đổi mới. Mỗi giảng viên cần chủ động xây dựng năng lực tự khai thác, thẩm định và tích hợp các nguồn tư liệu chính thống trên không gian mạng để làm giàu kho tàng tri thức lý luận và thực tiễn của bản thân. Bên cạnh việc đào sâu nghiên cứu chuyên môn, việc tự nâng cao trình độ ngoại ngữ, làm chủ công nghệ thông tin và ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học hiện đại là yêu cầu bắt buộc. Có như vậy, bài giảng lý luận mới hơi thở của thời đại, có sức thuyết phục cao, vừa bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, vừa giải quyết thấu đáo những vấn đề thực tiễn đang đặt ra tại địa phương.

Ba là, kiên trì phát huy nguyên tắc tự phê bình và phê bình, xây dựng môi trường sinh hoạt chi bộ và sinh hoạt chuyên môn dân chủ, thực chất. Môi trường tập thể có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả của quá trình

"tự soi, tự sửa" của mỗi cá nhân. Để khơi dậy tính tự giác, các chi bộ và khoa chuyên môn phải thực sự là nơi thực hành dân chủ rộng rãi, thẳng thắn và chân thành theo đúng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong các buổi sinh hoạt, cần kiên quyết khắc phục tình trạng nể nang, né tránh, xuê xoa theo kiểu "dĩ hòa vi quý" hoặc ngược lại là lợi dụng phê bình để công kích cá nhân. Phải xây dựng được môi trường văn hoá trường Đảng mà ở đó, đồng nghiệp sẵn sàng chỉ ra những điểm nghẽn về tư tưởng, những hạn chế trong phương pháp giảng dạy hay kiến thức thực tế của nhau với động cơ trong sáng là giúp nhau tiến bộ. Sự phản biện khách quan, mang tính xây dựng từ tập thể chính là cơ sở quan trọng nhất giúp người giảng viên vượt qua sự chủ quan, tự mãn để nhận diện chính xác và sửa chữa kịp thời những thiếu sót của bản thân.

Bốn là, đổi mới, đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, kết hợp đa dạng các kênh đánh giá chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học. "Tự soi, tự sửa" chỉ thực sự khách quan khi có sự tương tác, đối chiếu với những đánh giá từ bên ngoài. Nhà trường và các khoa chuyên môn cần chuẩn hóa và vận dụng linh hoạt cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động chuyên môn theo hướng thực chất, đa chiều. Chất lượng hoạt động chuyên môn trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên phải được soi chiếu qua nhiều lăng kính: sự thẩm định của hội đồng khoa học, sự góp ý thẳng thắn của đồng nghiệp qua hoạt động dự giờ, sinh hoạt chuyên đề, và đặc biệt là kênh phản hồi, đánh giá từ phía học viên - những cán bộ đang hoạt động trong thực tiễn. Những thông tin phản hồi phản ánh khách quan kiến thức và thái độ trách nhiệm của giảng viên trên bục giảng chính là thước đo khách quan giúp giảng viên nhìn nhận lại mình, từ đó chủ động đổi mới phương pháp truyền đạt, cập nhật kiến thức thực tiễn và nâng cao kỹ năng xử lý tình huống, góp phần xây dựng nhà trường đạt chuẩn theo quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Năm là, xây dựng môi trường văn hoá trường Đảng, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và kịp thời tôn vinh các điển hình tiên tiến trong học tập, làm theo Bác. Giải pháp mang tính bền vững và tạo động lực lan tỏa mạnh mẽ nhất là việc xây dựng thành công một môi trường văn hóa chuẩn mực, mô phạm và giàu tính nhân văn. Môi trường này phải là nơi tôn trọng sự khác biệt, khuyến khích các tìm tòi, thử nghiệm mới trong giảng dạy và nghiên cứu, đồng thời khơi dậy lòng tự trọng nghề nghiệp của mỗi giảng viên. Nhà trường cần hoàn thiện cơ chế thi đua khen thưởng, kịp thời phát hiện, biểu dương và nhân rộng những tấm gương điển hình, những cá nhân có tinh thần tự học, có dũng khí nhìn thẳng vào hạn chế để bứt phá vươn lên. Sự tôn vinh xứng đáng các giá trị chân thực sẽ tạo ra một hiệu ứng tâm lý tích cực, biến ý thức "tự soi, tự sửa" từ một áp lực hành chính thành một triết lý sống, một niềm tự hào nghề nghiệp khích lệ toàn thể đội ngũ cán bộ, giảng viên đồng lòng phấn đấu, cống hiến.

Học Bác để "tự soi, tự sửa" không phải là việc làm nhất thời mà là quá trình lâu dài, thường xuyên và liên tục. Khi mỗi giảng viên thực sự biến nhận thức thành hành động, biến quyết tâm thành kết quả cụ thể, thì việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh mới đi vào chiều sâu và mang lại hiệu quả thiết thực. Đó cũng là con đường quan trọng để xây dựng đội ngũ giảng viên Trường Chính trị Trần Phú có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp trong sáng, năng lực chuyên môn cao và phong cách làm việc chuyên nghiệp, góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ tỉnh nhà "vừa hồng, vừa chuyên", đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển quê hương, đất nước trong kỷ nguyên mới.

Chú thích:

(1). Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, H.2000, t.5, tr. 239

(2). Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 5, tr. 294.

ĐẢNG VIÊN CHI BỘ KHOA NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT THỰC HÀNH "NÓI ĐI ĐÔI VỚI LÀM" THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHƯƠNG PHÁP, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

❄ ThS. NGUYỄN HÀ GIANG
Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật

***Tóm tắt:** Học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của mỗi tổ chức đảng và đảng viên. Đối với đảng viên Chi bộ khoa Nhà nước và pháp luật, việc học tập suốt đời tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh "nói đi đôi với làm" không chỉ có ý nghĩa trong rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp mà còn góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ nhiệm vụ chung của nhà trường. Bài viết này phân tích cơ sở lý luận, thực tiễn và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh "nói đi đôi với làm" của các đảng viên chi bộ.*

Trong hệ tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên luôn được đặt ở vị trí trung tâm. Người khẳng định "cán bộ là cái gốc của mọi công việc", do đó chất lượng, hiệu quả của mọi hoạt động cách mạng phụ thuộc rất lớn vào phẩm chất và năng lực của đội ngũ này. Ngay từ những năm đầu của phong trào cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề cập đến các chuẩn mực đạo đức của người cách mạng trong các tác phẩm và các bài giảng về tư cách người cách mạng, trong đó nhấn mạnh yêu cầu "nói thì phải làm"[1]. Quan điểm này thể hiện sự thống nhất giữa lời nói và hành động của cán bộ, đảng viên. Theo Người, cán bộ, đảng viên phải nói đúng chủ trương, làm đúng lời hứa, làm gương trước quần chúng, và nếu lời nói không đi đôi với việc làm thì sẽ làm giảm sút niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh còn cho rằng khi đã nhận trách nhiệm trước Đảng và Nhân dân thì người cán bộ dù bất kỳ ai, ở địa vị nào, làm công tác gì, gặp hoàn cảnh nào, đều phải có tinh thần trách nhiệm, phải quyết tâm thực hiện nhiệm vụ đến cùng. Người nhấn mạnh rằng "đã phụ trách việc gì, thì quyết làm cho kỳ được, cho đến nơi đến chốn, không sợ khó nhọc, không sợ nguy hiểm"[2]. Đây chính là biểu hiện cụ thể tinh thần trách nhiệm và đạo đức cách mạng của người cộng sản.

Trong thực tiễn hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn là tấm gương tiêu biểu cho nguyên tắc "nói đi đôi với làm". Người sống giản dị, tận tụy với công việc, đặt lợi ích của dân tộc và nhân dân lên trên hết. Người nhấn mạnh rằng người cán bộ phải gắn bó mật thiết với nhân dân,

tôn trọng nhân dân và biết học hỏi từ nhân dân. Người phê phán những biểu hiện quan liêu, xa rời thực tế, chỉ biết ra mệnh lệnh mà không trực tiếp tham gia giải quyết công việc. Cán bộ "cần phải có óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm. Chứ không phải chỉ nói suông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh... Phải thật thà nhúng tay vào việc"[3], tức là phải chủ động, sâu sát thực tiễn và trực tiếp tham gia vào quá trình thực hiện nhiệm vụ. Đảng ta nhấn mạnh rằng cán bộ, đảng viên rèn luyện đạo đức cách mạng, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ trong công tác hằng ngày, gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Như vậy, "nói đi đôi với làm" không chỉ là một chuẩn mực đạo đức mà còn là phương pháp lãnh đạo và phong cách làm việc khoa học của cán bộ, đảng viên. Trong giai đoạn hiện nay, khi đất nước đang đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy đảm bảo hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả thì tư tưởng này càng có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp phát triển đất nước.

Thực hiện chủ trương của Đảng về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, theo tinh thần của Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị và Quy định số 144-QĐ/TW về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới, Chi bộ khoa Nhà nước và pháp luật đã tích cực triển khai nhiều hoạt động thiết thực có ý nghĩa. Trước hết, chi bộ đã chú trọng đưa nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh vào sinh hoạt chi bộ thường kỳ và sinh hoạt chuyên đề. Qua đó, mỗi đảng viên nghiên cứu sâu hơn về giá trị tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người, đồng thời liên hệ với nhiệm vụ chuyên môn của bản thân.

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của chi bộ trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, các đảng viên luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, không ngừng học hỏi, đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng bài giảng, nghiên cứu khoa học. Bên cạnh việc truyền đạt kiến thức về nhà nước và pháp luật, quản lý hành chính nhà nước, kỹ năng lãnh đạo quản lý, kiến thức bổ trợ, các đảng viên còn chú trọng giáo dục ý thức thượng tôn pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội. Ngoài ra, đội ngũ đảng viên không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn bằng việc tham gia chương trình đào tạo tiến sĩ, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, viết bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành, tạp chí trung ương, địa phương và tham gia các hội thảo khoa học cấp tỉnh, cấp trường, cấp khoa. Đây là những hoạt động thể hiện tinh thần học tập suốt đời và nỗ lực nâng cao trình độ chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng chuyên môn của chi bộ, khoa.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong chi bộ vẫn còn một số hạn chế. Một số đảng viên chưa thực sự chủ động trong tự học và nghiên cứu khoa học; việc liên hệ giữa nội dung học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với nhiệm vụ chuyên môn đôi khi còn mang tính hình thức. Do đó, cần tiếp tục có những giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả của hoạt động này. Vì vậy, để việc học tập và làm theo tư

tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về nguyên tắc "nói đi đôi với làm" thực sự đi vào chiều sâu, trở thành động lực thúc đẩy hoạt động chuyên môn và rèn luyện đạo đức của đảng viên trong chi bộ khoa Nhà nước và pháp luật, cần triển khai đồng bộ một số giải pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức của đảng viên về ý nghĩa và giá trị của nguyên tắc "nói đi đôi với làm". Nhận thức đúng đắn là tiền đề quan trọng để chuyển hóa thành hành động trong thực tiễn. Do đó, chi bộ cần tiếp tục đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, làm cho mỗi đảng viên nắm vững kiến thức, hiểu rõ ý nghĩa lý luận và thực tiễn của nguyên tắc "nói đi đôi với làm" trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Việc học tập không chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu các văn bản hay nghe báo cáo chuyên đề, mà cần được gắn với việc phân tích các tình huống cụ thể trong công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và hoạt động quản lý nhà nước. Thông qua sinh hoạt chi bộ thường kỳ, sinh hoạt chuyên đề, các đảng viên thảo luận, trao đổi kinh nghiệm về việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công việc chuyên môn, từ đó hình thành ý thức tự giác trong rèn luyện đạo đức, phong cách làm việc, và là tấm gương về đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm, thái độ làm việc.

Hai là, phát huy vai trò nêu gương của đảng viên trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và công tác chuyên môn. Nêu gương là phương pháp giáo dục có sức thuyết phục nhất. Người từng nhấn mạnh rằng "Một tấm gương sống còn hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền"[4]. Vì vậy, thực hiện nguyên tắc "nói đi đôi với làm" trước hết phải được thể hiện thông qua hành động gương mẫu của mỗi đảng viên. Đối với chi bộ khoa Nhà nước và pháp luật, sự gương mẫu của đảng viên cần được thể hiện trên nhiều phương diện. Trước hết là tinh thần trách nhiệm trong giảng dạy, chuẩn bị bài giảng chu đáo, cập nhật kiến thức mới, đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy. Bên cạnh đó, đảng viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, đăng ký thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học có giá trị thực tiễn, góp phần nâng cao vị thế của chi bộ, khoa và của nhà trường. Ngoài ra, đảng viên cần gương mẫu trong việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương, quy chế chuyên môn, đồng thời tích cực tham gia các hoạt động chung của Đảng bộ nhà trường.

Ba là, gắn việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với nhiệm vụ chuyên môn của chi bộ, khoa. Một trong những hạn chế thường gặp trong việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh là nội dung học tập chưa gắn chặt với nhiệm vụ thực tiễn của chi bộ. Vì vậy, để nguyên tắc "nói đi đôi với làm" được thực hiện một cách thiết thực, chi bộ cần gắn việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với các nhiệm vụ trọng tâm của khoa. Cụ thể, việc học tập cần được cụ thể hóa thành các chương trình hành động như nâng cao chất lượng chuyên môn, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, đổi mới phương pháp giảng dạy và tăng cường hoạt động thực tiễn. Trong quá trình giảng dạy, đảng viên, giảng viên lồng ghép các nội dung về đạo đức công vụ, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy nhà nước và ý thức thượng tôn pháp luật, qua đó giúp người học hiểu rõ hơn mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn. Bên cạnh đó, chi bộ cần khuyến khích đảng viên thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học gắn

với thực tiễn quản lý nhà nước, thực thi pháp luật, văn hóa con người ở địa phương. Những kết quả nghiên cứu này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu mà còn có thể cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách và hoàn thiện công tác xây dựng các đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh.

Bốn là, xây dựng môi trường học tập suốt đời trong chi bộ, khoa. Tinh thần học tập suốt đời là một trong những đặc điểm nổi bật trong phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người luôn tự học, tự nghiên cứu và không ngừng nâng cao tri thức trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng. Đây là tấm gương quan trọng để đội ngũ đảng viên, đặc biệt là giảng viên trong chi bộ, khoa noi theo. Để phát huy tinh thần này, chi bộ cần tạo điều kiện thuận lợi cho đảng viên tham gia các hoạt động hội thảo khoa học, tọa đàm chuyên môn, các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn. Đồng thời, khuyến khích văn hóa trao đổi chuyên môn và chia sẻ kinh nghiệm nghiên cứu khoa học trong nội bộ chi bộ, khoa.

Năm là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện. Để việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đạt hiệu quả thực chất, chi bộ tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện của từng đảng viên. Các tiêu chí đánh giá được xây dựng cụ thể, gắn với nhiệm vụ chuyên môn và trách nhiệm của mỗi đảng viên. Việc đánh giá không chỉ dựa trên các báo cáo hoặc cam kết cá nhân mà cần căn cứ vào kết quả thực tế trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, các hoạt động phục vụ chung ở nhà trường và ở nơi cư trú. Qua đó, chi bộ có thể kịp thời biểu dương những tập thể, cá nhân tiêu biểu, đồng thời nhắc nhở, uốn nắn những trường hợp chưa thực hiện tốt. Công tác kiểm tra, giám sát nếu được thực hiện nghiêm túc sẽ góp phần bảo đảm rằng việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh không mang tính hình thức mà thực sự trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển của chi bộ, khoa.

Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về nguyên tắc "nói đi đôi với làm" có ý nghĩa sâu sắc đối với việc xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong mọi giai đoạn của cách mạng Việt Nam. Đối với đảng viên chi bộ khoa Nhà nước và pháp luật, việc học tập suốt đời và vận dụng tư tưởng này không chỉ góp phần nâng cao phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp mà còn nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Trong bối cảnh sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đảm bảo hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, việc thực hiện tốt nguyên tắc "nói đi đôi với làm" sẽ góp phần xây dựng đội ngũ giảng viên, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực chuyên môn cao và có đạo đức nghề nghiệp trong sáng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học của chi bộ, khoa và nhà trường trong thời gian tới./.

Chú thích:

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.2, tr.280.

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.6, tr.131.

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.5, tr.699.

(4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.1, tr.284.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN GÓP PHẦN BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

ThS. TRẦN THỊ QUỲNH NGA
Trưởng phòng QLĐT, BD và NCKH

***Tóm tắt:** Chuyển đổi số đang làm thay đổi căn bản mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, công tác tư tưởng, lý luận vốn là một trụ cột trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị cũng đang đứng trước yêu cầu phải đổi mới mạnh mẽ cả về nội dung, phương thức và công cụ. Sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo (AI), đang mở ra những cơ hội to lớn để tăng hiệu quả truyền đạt tư tưởng, nhận diện và phản bác thông tin sai lệch, cá nhân hóa nội dung tuyên truyền. Tuy nhiên, đi cùng đó là nguy cơ AI bị lợi dụng để thao túng nhận thức, lan truyền thông tin lệch lạc. Trong lĩnh vực nhạy cảm như tư tưởng - lý luận, AI cần được nhìn nhận không chỉ là công nghệ mà là một công cụ chiến lược.*

Trong suốt quá trình cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã luôn coi trọng công tác này như một nhiệm vụ sống còn, là "kim chỉ nam" mở đường, định hướng cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc Việt Nam. Ngày nay, trong bối cảnh chuyển đổi số, đặc biệt là sự phát triển nhanh chóng của AI, công tác này đang đối diện với nhiều thách thức mới. Không gian mạng trở thành mặt trận tư tưởng quan trọng, nơi thông tin lan truyền nhanh, đa chiều và khó kiểm soát. AI có thể tạo lập, thao túng và khuếch đại nội dung chỉ trong tích tắc, làm gia tăng nguy cơ sai lệch nhận thức, nhất là trong các vấn đề chính trị - tư tưởng. Do đó, việc ứng dụng AI trong công tác tư tưởng, lý luận không chỉ là yêu cầu kỹ thuật, mà là vấn đề chiến lược để giữ vững nền tảng tư tưởng và bản sắc chính trị trong kỷ nguyên số.

1. Cơ hội ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác tư tưởng, lý luận của Đảng

Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc ứng dụng công nghệ, đặc biệt là AI, vào quá trình nghiên cứu, truyền đạt và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng có thể tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ cả về phương thức, nội dung lẫn hiệu quả. Trước hết, AI tạo điều kiện để mở rộng năng lực khai thác và phân tích dữ liệu tư tưởng - xã hội một cách sâu rộng và cập nhật hơn. Nếu như trước đây việc nắm bắt tâm trạng xã hội, dư luận quần chúng chủ yếu dựa vào báo cáo định kỳ, điều tra xã hội học hoặc phản ánh qua hệ thống tổ chức cơ sở đảng, thì hiện nay AI có thể hỗ trợ xử lý khối lượng lớn dữ liệu từ mạng xã hội, các nền tảng kỹ thuật số và phương tiện truyền thông. Thông qua việc áp dụng công nghệ, AI có

thể phân tích, phát hiện sớm các xu hướng thay đổi trong nhận thức, biểu hiện của khủng hoảng niềm tin hay sự lệch chuẩn trong tư duy xã hội. Điều này giúp đội ngũ làm công tác tư tưởng nắm bắt chính xác tình hình, kịp thời tham mưu định hướng phù hợp với diễn biến thực tế của đời sống tinh thần nhân dân.

AI còn cá nhân hóa nội dung lý luận chính trị đến từng nhóm đối tượng. Thay vì truyền thông tư tưởng theo mô hình đại chúng truyền thống, AI cho phép thiết kế các nội dung phù hợp với độ tuổi, trình độ nhận thức, hành vi thông tin và sở thích của từng nhóm độc giả. Thế hệ trẻ hiện nay, đặc biệt là thế hệ Z và Alpha, vốn tiếp cận thông tin thông qua nền tảng video, âm thanh, mạng xã hội, sẽ có xu hướng dễ tiếp nhận hơn nếu các nội dung lý luận được trình bày dưới dạng ngắn gọn, hấp dẫn, đa phương tiện. AI có thể hỗ trợ tạo ra các đoạn video minh họa, hình ảnh trực quan, thuyết minh tự động, dịch thuật thông minh hoặc tổng hợp nội dung lý luận thành các bản tóm lược dễ hiểu. Từ đó, hiệu quả truyền đạt tư tưởng được nâng cao đáng kể, giúp lan tỏa thông tin chính thống một cách sâu rộng và thuyết phục.

AI phát hiện và phản bác thông tin sai lệch, xuyên tạc trên không gian mạng. Trong khi các thế lực thù địch sử dụng công cụ AI để tạo ra thông tin giả, các nội dung xuyên tạc, thì AI cũng có thể được sử dụng để phát hiện sớm các hành vi bất thường trên các nền tảng kỹ thuật số. AI có thể truy vết, khoanh vùng và xác định mức độ lan truyền của các luận điệu sai trái, từ đó hỗ trợ đội ngũ báo cáo viên đưa ra phản ứng kịp thời. Quan trọng hơn, AI còn có khả năng tạo ra nội dung phản biện có căn cứ, được tổng hợp từ hệ thống văn kiện chính thống, các tài liệu lý luận và thực tiễn. Điều này sẽ góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trong môi trường truyền thông đầy biến động như hiện nay.

AI còn mở ra cơ hội tăng cường tương tác hai chiều giữa hệ thống chính trị với quần chúng nhân dân. Thông qua các nền tảng số được tích hợp chatbot, trợ lý ảo hoặc hệ thống hỏi - đáp chính sách thông minh, người dân có thể chủ động tìm hiểu về chủ trương, chính sách, quan điểm của Đảng, đồng thời phản ánh suy nghĩ, nguyện vọng, băn khoăn của mình. Các cơ quan làm công tác tư tưởng - lý luận cũng có thể theo dõi phản hồi xã hội để điều chỉnh cách truyền thông, cải tiến thông điệp hoặc xử lý các điểm nghẽn trong quá trình tiếp nhận thông tin. Việc tạo ra không gian đối thoại số một cách linh hoạt, thân thiện sẽ góp phần gia tăng niềm tin và sự gắn bó giữa nhân dân với Đảng, từ đó củng cố khối đại đoàn kết toàn dân trong tình hình mới.

AI đổi mới công tác đào tạo và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, lý luận. Thay vì chỉ học qua giáo trình truyền thống, cán bộ có thể học thông qua mô phỏng, tương tác với các tình huống thực tế, xử lý các khủng hoảng truyền thông giả định hoặc luyện tập kỹ năng phản biện. Các nền tảng học tập cá nhân hóa do AI hỗ trợ cũng cho phép cán bộ học theo năng lực cá nhân, rút ngắn thời gian và tăng cường hiệu quả tiếp thu. Đây là tiền đề để xây dựng một lực lượng cán bộ tư tưởng - lý luận có trình độ cao, tư duy hiện đại, sử dụng thành thạo công nghệ và nắm bắt nhanh các xu thế xã hội.

AI còn có thể đóng vai trò hỗ trợ điều phối, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động truyền thông tư tưởng. Nhờ các công cụ thống kê, đo lường và phân tích dữ liệu, cơ quan chức năng có thể theo dõi mức độ tiếp cận, tương tác, lan tỏa của các nội dung truyền thông chính trị trên các nền tảng số. AI có thể chỉ ra những điểm mạnh,

điểm yếu của chiến dịch tuyên truyền, giúp tối ưu hóa kế hoạch truyền thông tương lai. Đồng thời, khả năng cảnh báo sớm các tín hiệu tiêu cực từ dư luận cũng giúp cơ quan quản lý kiểm soát và xử lý hiệu quả hơn các nguy cơ truyền thông bất lợi. Trong bối cảnh AI ngày càng phổ biến, việc ứng dụng AI trong công tác tư tưởng, lý luận không chỉ là xu thế mà còn là đòi hỏi tất yếu. Đây là cơ hội để chuyển đổi từ cách làm truyền thống sang phương thức hiện đại, chủ động và tương tác cao hơn. Tuy nhiên, để tận dụng hiệu quả các cơ hội này, cần có sự đầu tư đồng bộ về hạ tầng, nhân lực, thể chế và chiến lược hành động dài hạn. Đồng thời, phải luôn giữ vững nguyên tắc chính trị, đảm bảo AI phục vụ mục tiêu xây dựng và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, không bị lạm dụng hoặc chi phối bởi các yếu tố ngoài kiểm soát.

2. Những thách thức đặt ra trong ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào công tác tư tưởng, lý luận của Đảng

Cùng với những cơ hội to lớn, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào công tác tư tưởng, lý luận của Đảng đang đặt ra nhiều thách thức và vấn đề cả về lý luận và thực tiễn. Những khó khăn này không chỉ xuất phát từ yếu tố công nghệ mà còn liên quan đến nhận thức, thể chế, đạo đức, tổ chức bộ máy và đặc điểm phức tạp của không gian mạng hiện đại. Nếu không được nhận diện đầy đủ và xử lý kịp thời, các vấn đề này có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả công tác tư tưởng, thậm chí tác động đến năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong bối cảnh mới.

Trước hết, thách thức nổi lên là về nhận thức, tư duy và năng lực tiếp cận công nghệ**.** Việc chưa thống nhất nhận thức về vai trò và tính cấp thiết của AI trong lĩnh vực tư tưởng - lý luận khiến quá trình triển khai còn thiếu đồng bộ. Một bộ phận cán bộ vẫn còn tâm lý e ngại, thụ động trước đổi mới công nghệ. Đồng thời, năng lực số của đội ngũ làm công tác tư tưởng còn hạn chế, trong khi lực lượng trẻ có hiểu biết công nghệ lại chưa được thu hút và sử dụng hiệu quả, tạo ra khoảng cách về thế hệ và trình độ, làm chậm tiến trình hiện đại hóa công tác tư tưởng.

Thứ hai, thách thức về thể chế, pháp lý và đạo đức công vụ đang ngày càng rõ nét. Hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động AI, đặc biệt trong lĩnh vực truyền thông chính trị, chưa hoàn thiện, dẫn đến khoảng trống trong quản lý. Việc sử dụng AI tiềm ẩn nguy cơ vi phạm quyền riêng tư, bản quyền hoặc gây sai lệch thông tin nếu thiếu cơ chế kiểm soát. Bên cạnh đó, chưa có bộ quy tắc đạo đức chuyên biệt cho cán bộ làm công tác tư tưởng trong môi trường số, trong khi yêu cầu về kỷ luật phát ngôn và bản lĩnh chính trị ngày càng cao.

Thứ ba, hạn chế về hạ tầng công nghệ và dữ liệu là một rào cản lớn. Việc ứng dụng AI đòi hỏi hệ thống dữ liệu lớn, đồng bộ và hạ tầng tính toán hiện đại, nhưng nhiều cơ quan chưa đáp ứng được yêu cầu này. Tình trạng dữ liệu phân tán, thiếu chuẩn hóa khiến AI khó phát huy hiệu quả trong phân tích, dự báo và định hướng dư luận. Đồng thời, sự phụ thuộc vào các nền tảng công nghệ nước ngoài đặt ra thách thức về chủ quyền số và an ninh thông tin.

Thứ tư, thách thức trong bảo đảm tính chính trị - tư tưởng. Công tác tư tưởng, lý luận không chỉ là việc truyền thông đơn thuần, mà còn là nhiệm vụ then chốt để xây dựng và bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh và đường lối của Đảng. Do đó, việc ứng dụng AI phải đảm bảo giữ vững bản chất chính trị - tư tưởng, không để nội dung bị thương mại hóa, kỹ thuật hóa hoặc trở nên hời hợt, phiến diện. Một số biểu hiện lạm dụng AI có thể dẫn đến nguy cơ lý luận

bị giản lược thành khẩu hiệu, hoặc nội dung cứng nhắc, thiếu tính đối thoại. Quan trọng hơn, AI không thể thay thế vai trò của con người trong tư duy, phản biện và sáng tạo lý luận. Nếu quá phụ thuộc vào thuật toán mà xem nhẹ vai trò của cán bộ lý luận - chính trị, sẽ dễ dẫn đến tình trạng sao chép tư tưởng, thiếu chiều sâu lý luận, hoặc né tránh các vấn đề phức tạp, nhạy cảm.

Thứ năm, nổi lên hàng loạt mâu thuẫn mang tính bản chất trong quá trình ứng dụng AI. Đó là mâu thuẫn giữa yêu cầu đổi mới phương thức tuyên truyền với tính chuẩn mực, ổn định của hệ thống lý luận. Công tác tư tưởng, lý luận mang bản chất định hướng, có tính lâu dài, ổn định và thường gắn với các giá trị nền tảng, nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong khi đó, AI tạo nội dung vận hành theo các thuật toán tối ưu hóa tốc độ, độ phủ và khả năng tương tác. Điều này dẫn đến mâu thuẫn giữa yêu cầu hiện đại hóa phương thức truyền tải nội dung tư tưởng và trách nhiệm bảo vệ tính chuẩn xác, chặt chẽ về mặt lý luận. Nếu không thận trọng, việc ứng dụng AI vào công tác tư tưởng có thể khiến nội dung lý luận trở nên hời hợt, thiếu chiều sâu học thuật, thậm chí làm phai nhạt tính chính trị và giá trị cốt lõi của tư tưởng Đảng, gây rối loạn trong nhận thức của công chúng.

Mâu thuẫn giữa tốc độ phát triển công nghệ và sự cập nhật thể chế, đội ngũ làm công tác tư tưởng, lý luận. AI phát triển từng ngày, từng giờ, với hàng loạt công cụ và nền tảng mới liên tục ra đời. Trong khi đó, thể chế quản lý, chính sách pháp luật, cũng như trình độ và kỹ năng số của đội ngũ làm công tác lý luận, tư tưởng lại chưa bắt kịp với nhịp phát triển đó. Việc chưa có khung pháp lý rõ ràng để điều tiết hoạt động ứng dụng AI trong lĩnh vực thông tin chính trị, tư tưởng đang gây ra khoảng trống quản lý và gia tăng rủi ro bị lợi dụng, xuyên tạc. Đồng thời, thiếu đội ngũ cán bộ có năng lực tích hợp giữa tư duy lý luận và tư duy công nghệ đang là điểm nghẽn đáng lo ngại.

Mâu thuẫn giữa bảo mật thông tin với khả năng tiếp cận và ứng dụng AI. Việc ứng dụng AI trong hệ thống truyền thông tư tưởng của Đảng cần đến khối lượng lớn dữ liệu, bao gồm cả những dữ liệu có tính chất nhạy cảm về dư luận xã hội, phân tích niềm tin chính trị, các vấn đề an ninh tư tưởng. Tuy nhiên, hiện nay hầu hết các nền tảng AI lớn lại thuộc sở hữu của các tập đoàn công nghệ nước ngoài, đặt ra mối lo về quyền kiểm soát, bảo mật và chủ quyền số. Đây là mâu thuẫn lớn giữa khát vọng chuyển đổi số và nhu cầu bảo vệ nền tảng tư tưởng, chính trị trong điều kiện thực tế.

Những thách thức nêu trên phản ánh thực tiễn phức tạp của quá trình chuyển đổi số trong công tác tư tưởng, lý luận. Tuy nhiên, đây không phải là những rào cản không thể vượt qua, mà chính là cơ sở để nhận diện đúng vấn đề, từ đó xây dựng chiến lược ứng dụng AI một cách khoa học, sáng tạo và phù hợp, bảo đảm vừa phát huy hiệu quả công nghệ, vừa giữ vững nền tảng chính trị - tư tưởng của Đảng trong giai đoạn mới.

3. Giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác tư tưởng, lý luận của Đảng

Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào công tác tư tưởng, lý luận của Đảng không thể tiến hành một cách tự phát, manh mún hay thuần túy theo xu hướng công nghệ. Đây là một quá trình mang tính chiến lược, đòi hỏi sự lãnh đạo thống nhất, cách tiếp cận hệ thống, đồng bộ giữa nhận thức, thể chế, nguồn lực và công cụ triển khai. Các giải pháp cần được xây dựng trên nền tảng

vừa bảo đảm tính khoa học, hiện đại, vừa giữ vững định hướng chính trị - tư tưởng.

Một là, nâng cao nhận thức và xây dựng chiến lược tổng thể về ứng dụng AI trong lĩnh vực tư tưởng - lý luận. Trước hết, cần thống nhất nhận thức trong toàn hệ thống chính trị về vị trí, vai trò và giới hạn của AI. AI không phải là chủ thể thay thế con người trong công tác tư tưởng, lý luận, mà là công cụ hỗ trợ đắc lực giúp nâng cao năng lực phân tích, dự báo, truyền tải và lan tỏa các giá trị tư tưởng của Đảng. Trên cơ sở đó, cần xây dựng một chiến lược tổng thể về chuyển đổi số trong lĩnh vực tư tưởng, lý luận, trong đó AI là một hợp phần quan trọng.

Chiến lược này phải xác định rõ mục tiêu theo từng giai đoạn, lộ trình triển khai cụ thể, các nguyên tắc vận hành, cơ chế phối hợp và hệ thống tiêu chí đánh giá hiệu quả. Đặc biệt, việc ứng dụng AI phải luôn đặt trong mối quan hệ hữu cơ với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết tránh xu hướng tuyệt đối hóa công nghệ hoặc lệch hướng chính trị trong quá trình triển khai.

Hai là, phát triển hạ tầng dữ liệu và nền tảng công nghệ phục vụ tư tưởng - lý luận. Dữ liệu là "nhiên liệu" của AI. Vì vậy, cần đẩy mạnh xây dựng hệ sinh thái dữ liệu lớn, có tính chuẩn hóa, hệ thống và độ tin cậy cao phục vụ trực tiếp cho công tác lý luận chính trị. Trọng tâm là số hóa toàn diện kho tàng văn kiện Đảng, tư liệu lý luận, các công trình nghiên cứu khoa học, bài viết của các lãnh tụ và các nguồn tri thức chính thống khác. Song song với đó, cần tổ chức lại dữ liệu theo hướng mở, liên thông, có khả năng tích hợp và khai thác hiệu quả cho các mô hình ngôn ngữ lớn. Đồng thời, đầu tư phát triển các nền tảng công nghệ chuyên biệt như: hệ thống hỗ trợ sáng tạo nội dung lý luận bằng AI; công cụ phân tích, dự báo dư luận xã hội; hệ thống đánh giá mức độ tiếp nhận tư tưởng; các nền tảng truyền thông lý luận đa phương tiện, thân thiện với người dùng, đặc biệt là thế hệ trẻ. Một yêu cầu có tính chiến lược là phát triển các mô hình AI tiếng Việt mang bản sắc tư tưởng Việt Nam, qua đó giảm thiểu sự phụ thuộc vào nền tảng nước ngoài.

Ba là, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực lý luận đáp ứng yêu cầu công nghệ *số.* Nguồn nhân lực là yếu tố quyết định thành công của quá trình ứng dụng AI. Cần xây dựng đội ngũ cán bộ lý luận theo hướng "liên ngành", vừa có nền tảng lý luận chính trị vững chắc, vừa có năng lực công nghệ, đặc biệt trong các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, xử lý ngôn ngữ tự nhiên, dữ liệu lớn và truyền thông số. Cần thiết kế các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về AI cho đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên giáo, nghiên cứu lý luận; đồng thời thúc đẩy hình thành các nhóm chuyên gia liên kết giữa chính trị học - công nghệ - truyền thông để phát triển các sản phẩm AI phục vụ trực tiếp công tác tư tưởng. Bên cạnh đó, cần có cơ chế thu hút và phát huy nguồn lực trí thức trẻ, chuyên gia công nghệ, kể cả ngoài khu vực công, có tinh thần trách nhiệm xã hội và năng lực sáng tạo, góp phần làm phong phú hệ sinh thái lý luận của Đảng trong môi trường số.

Bốn là, phát triển và triển khai các ứng dụng cụ thể của AI vào công tác tư tưởng - lý luận. Trên nền tảng dữ liệu đã được chuẩn hóa, cần xây dựng các mô hình AI chuyên biệt phục vụ lĩnh vực lý luận chính trị, bảo đảm hiểu đúng bối cảnh văn hóa - xã hội và định hướng chính trị của Việt Nam. Các ứng dụng trọng tâm bao gồm: hệ thống giám sát và phân tích dư luận xã hội trên không gian mạng; công cụ phân tích cảm xúc, xu hướng nhận thức của các

nhóm công chúng; trợ lý số hỗ trợ soạn thảo tài liệu lý luận theo từng đối tượng; và các hệ thống phát hiện, phản bác thông tin sai lệch một cách nhanh chóng, chính xác. Đồng thời, cần tích hợp AI vào các nền tảng tuyên truyền chính thống của Đảng như Cổng thông tin điện tử, báo chí, mạng xã hội nhằm cá nhân hóa nội dung, nâng cao tính tương tác và khả năng lan tỏa thông tin tư tưởng - lý luận. Quá trình này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa đội ngũ kỹ thuật và các nhà lý luận nhằm kiểm soát chặt chẽ nội dung do AI tạo ra, bảo đảm tính chính xác, chuẩn mực chính trị và tính thuyết phục trong truyền thông.

Năm là, hoàn thiện cơ chế kiểm soát, đánh giá và bảo vệ *nền tảng* tư tưởng *của Đảng trong môi trường AI.* Ứng dụng AI trong lĩnh vực tư tưởng, lý luận phải đi đôi với thiết lập một cơ chế kiểm soát và phản biện chính trị chặt chẽ. Cần xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá nội dung AI theo chuẩn mực chính trị, tư tưởng; phát triển các công cụ kiểm duyệt tự động trước khi công bố; và thiết lập hệ thống cảnh báo sớm đối với các biểu hiện sai lệch hoặc xuyên tạc. Bên cạnh đó, cần ban hành các nguyên tắc đạo đức trong sử dụng AI, bảo đảm tính minh bạch, trung thực và trách nhiệm trong phát ngôn; kiên quyết ngăn chặn việc lợi dụng AI để tạo dựng thông tin giả, thao túng nhận thức hoặc gây nhiễu loạn không gian tư tưởng.

Đồng thời, cần tăng cường các biện pháp bảo vệ dữ liệu, bảo đảm an ninh mạng, phòng chống các nguy cơ tấn công, giả mạo, bóp méo thông tin, đặt trong tổng thể chiến lược bảo vệ an ninh tư tưởng và an ninh số quốc gia. Trí tuệ nhân tạo đang tạo ra những điều kiện mới, cơ hội mới để đổi mới toàn diện công tác tư tưởng, lý luận của Đảng, từ nâng cao hiệu quả truyền thông chính trị, tăng cường năng lực phản bác các quan điểm sai trái đến mở rộng khả năng tương tác với quần chúng trong môi trường số. Tuy nhiên, AI chỉ thực sự phát huy giá trị khi được đặt dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, gắn với nền tảng lý luận vững chắc và được vận hành bởi đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị, năng lực chuyên môn và tư duy đổi mới. Việc ứng dụng AI một cách chủ động, có kiểm soát, đúng định hướng sẽ không chỉ nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, lý luận mà còn góp phần củng cố niềm tin xã hội, lan tỏa giá trị tốt đẹp và bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trong kỷ nguyên chuyển đổi số./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập 1), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật. Hà Nội.

2. Nguyễn Phú Trọng (2021, ngày 16 tháng 5), Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Tạp chí Cộng sản.

3. Thủ tướng Chính phủ (2020, ngày 31 tháng 12), Quyết định số 2289/QĐ-TTg về Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030, Hà Nội.

4. Thủ tướng Chính phủ (2021, ngày 26 tháng 1, Quyết định số 127/QĐ-TTg ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, Hà Nội.

NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CẤP XÃ, GÓP PHẦN BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

❄ ThS. NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH
Trưởng Khoa Xây dựng Đảng

***Tóm tắt:** Hiện nay, cả nước đã sắp xếp lại các đơn vị hành chính nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và phục vụ người dân tốt hơn. Trong các chức năng nhiệm vụ, việc lãnh đạo phát triển kinh tế, tạo việc làm, nâng cao đời sống vật chất cho Nhân dân có ảnh hưởng trực tiếp và lâu dài đến hiệu quả của công tác chính trị, tư tưởng; đến hiệu quả cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong cộng đồng dân cư. Để thực hiện tốt nhiệm vụ lãnh đạo phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho Nhân dân trong tình hình hiện nay, đòi hỏi phải nhận thức và thực hiện những giải pháp có tính hệ thống, toàn diện từ Trung ương cho đến địa phương.*

Hiện nay, cả nước đã hoàn thành sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp xã và cấp huyện. Chính quyền địa phương chỉ còn 3.321 đơn vị hành chính cấp xã (2.636 xã, 672 phường và 13 đặc khu)[1]; 34 tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương. Với quy mô dân số Việt Nam (1/4/2024) là 101.112.656 người[2]/3.321 xã, phường, mỗi xã, phường sẽ có trên 30.000 dân; diện tích trung bình gần 100 km2/xã (diện tích cả nước là 331.212 km²). Đây là một không gian chính trị, hành chính không quá rộng lớn cũng không quá nhỏ với nhiều nguồn lực khác nhau để thực hiện các chức năng nhiệm vụ nêu trên.

Xét về thu nhập**,** GDP năm 2025 tăng trưởng 8,02%, bình quân đầu người đạt 5.026 USD[3](GDP bình quân đầu người năm 2024 ước đạt 114 triệu đồng/người, tương đương 4.700 USD[4]; so với năm 2024, bình quân đầu người năm 2025 tăng 326 $, nhưng Việt Nam vẫn đang thuộc nhóm quốc gia thu nhập trung bình). Nền kinh tế đã có sự tăng tốc mạnh mẽ tại các trung tâm lớn các đô thị vành đai, các đầu mối lưu thông, cửa ngõ logistics nhưng nhiều tỉnh thành vẫn đang phát triển chậm, nhất là vùng núi, vùng sâu, vùng xa… Năm 2024, có 40/63 tỉnh, thành có mức thu nhập dưới mức bình quân chung, trong đó thấp nhất là Điện Biên với 2,38 triệu đồng/người/tháng. Các tỉnh như Gia Lai, Lào Cai, Yên Bái, Lạng Sơn, Hà Giang, Sơn La, Lai Châu, Cao Bằng, Bắc Kạn, cũng ghi nhận mức dưới 3 triệu đồng/người/tháng[5]. Trên những vùng lãnh thổ rộng lớn của các tỉnh nói trên, ngành kinh tế phổ biến chỉ có trồng trọt, chăn nuôi nhỏ lẻ, manh mún; nền kinh tế tự cấp tự túc với năng suất sản lượng rất thấp; ngành dịch vụ, tiêu dùng rất nhỏ yếu, tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp phát triển chậm, tạo ra rất ít công ăn việc làm cho người dân. Đi sâu vào các

cộng đồng dân cư đời sống còn rất nghèo nàn, thiếu thốn với hàng loạt vấn đề đang đặt ra về thu nhập, việc làm; điều kiện sinh hoạt; cơ hội học tập và tiếp cận; trình độ dân trí; bệnh tật, sức khỏe, môi trường... So sánh những vấn đề đó với 5 bậc thang trong tháp nhu cầu Maslow[6], có thể thấy rằng người dân ở nhiều địa phương đang thiếu hụt trầm trọng ngay từ những nhu cầu ở đáy tháp (các nhu cầu có tính bản năng, sinh lý), từ đó ảnh hưởng đến mức độ, chất lượng của các nhu cầu ở các nấc thang cao hơn, như nhu cầu tinh thần, văn hoá, chính trị, tư tưởng...

Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định rằng vật chất chính nguồn gốc khách quan của cảm giác, ý thức con người. Vật chất có mối quan hệ biện chứng với ý thức và quyết định ý thức; kinh tế với tư cách là yếu tố thuộc cơ sở hạ tầng sẽ quyết định toàn bộ những quan hệ xã hội, tư tưởng, văn hóa, chính trị, pháp luật, đạo đức, tôn giáo,... thuộc kiến trúc thượng tầng. Người Việt Nam có câu thành ngữ "có thực mới vực được đạo"; hàm ý những vấn đề liên quan đến nhu cầu căn bản của con người có vị trí nền tảng cho sự phát triển các nhu cầu ở cấp độ cao hơn. Năm 1946, khi trả lời các nhà báo nước ngoài, Hồ Chí Minh khẳng định khát vọng lớn nhất, ham muốn tột bậc của Người "là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"[7]. Mối quan tâm hàng đầu, trước mắt của Bác chính là những nhu cầu cơ bản của Nhân dân; là vấn đề về đời sống kinh tế, vật chất. Ngày nay, đây vẫn là những vấn đề có tính cốt lõi cần hết sức quan tâm chú trọng tìm giải pháp giải quyết. Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương đã khởi xướng, thúc đẩy mạnh mẽ công cuộc cải cách hành chính, tinh giảm bộ máy, sắp xếp lại các đơn vị hành chính, cải cách thể chế để thực hiện tiết kiệm chi ngân sách nhằm bố trí nguồn lực để chi cho đầu tư phát triển; đặc biệt là đẩy mạnh khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho các ngành, các địa phương; các xã phường để trực tiếp đồng hành với Nhân dân trong các hoạt động của đời sống kinh tế, vật chất, tinh thần, tư tưởng. Để nâng cao nhận thức của Nhân dân về cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, việc phát triển kinh tế xã phường phải được xem là mũi đột phá, vừa đóng vai trò nền tảng vừa đóng vai trò đi trước dẫn đường cho công tác tư tưởng; mặt khác, công tác chính trị tư tưởng đồng thời phải tác động, thúc đẩy nhiệm vụ phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất của Nhân dân.

Hiện nay, chính quyền cấp xã đang trực tiếp triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế, nâng cao đời sống Nhân dân; hướng dẫn người dân khai thác các nguồn lực để xây dựng các mô hình kinh tế, tổ chức sản xuất, lưu thông. Với chức năng, nhiệm vụ của mình, chính quyền cấp xã phải quyết liệt thúc đẩy công cuộc phát triển kinh tế, thúc đẩy tạo công ăn việc làm, tạo ra tăng trưởng kinh tế, nâng cao thu nhập, nâng cao đời sống vật chất cho người dân; qua đó thực hiện nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng một cách bền vững.

Tuy nhiên, việc lãnh đạo và tổ chức phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho Nhân dân không phải là nhiệm vụ dễ thực hiện. Nhiệm vụ này liên quan đến các yếu tố tổng hợp căn bản về nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng; thể chế và chính sách, tài nguyên thiên nhiên, vốn đầu tư, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thị trường, văn hóa và tinh thần doanh nghiệp... Những yếu

tố nêu trên có cả thuận lợi và thách thức. Bài toán đặt ra đối với các chính quyền cấp xã là lãnh đạo hệ thống chính trị, lãnh đạo Nhân dân phát huy triệt để lợi thế, cơ hội; xử lý và vượt qua khó khăn, thách thức tạo ra tăng trưởng kinh tế; tạo ra tăng trưởng GRDP; từ việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần đến củng cố niềm tin của Nhân dân vào đường lối chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước. Để đáp ứng các yêu cầu này, có thể thấy cần nghiên cứu và thực hiện tốt một số nhiệm vụ giải pháp như sau:

Thứ nhất, tiêu chuẩn hóa các yêu cầu về trí tuệ, phẩm chất, kỹ năng về lãnh đạo điều hành phát triển kinh tế của cán bộ. Các cấp có thẩm quyền cần tăng cường nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn, xây dựng các tiêu chuẩn làm căn cứ lựa chọn (hoặc tham mưu), quy hoạch, bố trí cán bộ. Để thúc đẩy phát triển kinh tế, cán bộ lãnh đạo cấp xã phải là những người có tầm nhìn chiến lược, có khả năng nhìn xa trông rộng đủ để định hướng phát triển dài hạn cho nền kinh tế và hiểu rõ xu thế toàn cầu như chuyển đổi số, kinh tế xanh, đổi mới sáng tạo… để đưa ra các quyết định hoặc tham mưu chính sách phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội địa phương. Phải có chiều sâu về lý luận và thực tiễn về kiến thức kinh tế kết hợp kiến thức và năng lực quản trị - xã hội, bao gồm sự am hiểu các nguyên lý kinh tế, chính sách tài chính - tiền tệ - thương mại; biết cách điều hành, phân bổ nguồn lực trên cơ sở nắm vững đặc thù xã hội, văn hóa nhằm đảm bảo chính sách "hợp lòng dân"; ra quyết định hiệu quả trên nền tảng dữ liệu và phân tích. Những tri thức và kỹ năng này còn phải kết hợp với tư duy đổi mới và phẩm chất dám nghĩ, dám làm, dám thay đổi những mô hình lạc hậu; quyết đoán, dám đưa ra quyết định khó khăn trong thời điểm quan trọng; kiên định theo đuổi mục tiêu đổi mới dù gặp khó khăn ngắn hạn. Cán bộ phải biết khuyến khích sáng tạo, ứng dụng công nghệ và mô hình mới trong điều hành kinh tế; đạo đức chính trực và liêm khiết, không bị chi phối bởi lợi ích nhóm, không tham nhũng và lạm quyền; gương mẫu tạo niềm tin cho Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp. Về kỹ năng, đó là người có khả năng kết nối và hợp tác; biết phối hợp hiệu quả giữa các ban ngành, giữa tỉnh (thậm chí Trung ương) và địa phương; có năng lực đàm phán và xây dựng quan hệ quốc tế, thu hút đầu tư và hợp tác kinh tế toàn cầu. Là người có kỹ năng truyền thông và thuyết phục nhằm truyền tải thông điệp rõ ràng, tạo đồng thuận xã hội; biết lắng nghe phản hồi từ người dân, doanh nghiệp, giới chuyên gia để điều chỉnh chính sách phù hợp. Đồng thời, ở mức độ cần thiết phải có thẩm quyền và khả năng xây dựng đội ngũ tham mưu; được thực hiện tuyển chọn và bồi dưỡng người tài và tạo môi trường minh bạch, hiệu quả để các chuyên gia, cán bộ cùng phát huy năng lực.

Thứ hai, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện cán bộ, xây dựng chương trình đào tạo bồi dưỡng sát với thực tiễn hoạt động kinh tế và lãnh đạo, quản lý, điều hành kinh tế. Tập trung vào các kiến thức kinh tế thị trường, quản lý nhà nước, kinh tế số, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững, công nghiệp hóa - hiện đại hóa; cập nhật các xu hướng mới như chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, trí tuệ nhân tạo... Việc đào tạo cần tiến hành trên cơ sở phân loại và đào tạo theo từng đối tượng cán bộ; kết hợp học tập thực tế, lý thuyết với khảo sát thực tiễn tại các mô hình kinh tế thành công... Để phát huy tốt hiệu quả công tác đào tạo cán bộ, cần nhất quán việc gắn đào tạo với đánh giá và sử dụng cán bộ. Cần công khai, minh

bạch, logic, nhất quán trong đánh giá kết quả đào tạo và kết quả sử dụng cán bộ để tạo niềm tin và động lực cho cán bộ trong học tập, đào tạo và tự đào tạo. Chính sách về nhân tài phải đa chiều, dễ vận dụng, không chỉ dựa vào bằng cấp mà phải thực sự nhìn và hiệu quả công tác của cán bộ.

Thứ ba, nâng cao hiệu quả trong tổ chức thực hiện lãnh đạo, quản lý, điều hành của cán bộ cấp xã. Việc nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện lãnh đạo, quản lý, điều hành phát triển kinh tế của cán bộ cấp xã là yếu tố tác động trực tiếp trong phát triển kinh tế cơ sở, góp phần vào tăng trưởng chung của địa phương và cả nước. Đồng chí bí thư, ban thường vụ, cấp ủy cơ sở phải đẩy mạnh nghiên cứu lý luận và bám nắm tình hình thực tế; lãnh đạo, chỉ đạo ủy ban nhân dân triển khai xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế phù hợp điều kiện hoàn cảnh; chủ động xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội cấp xã hàng năm, trung hạn, dài hạn phù hợp với tiềm năng, thế mạnh địa phương (nông nghiệp, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp...). Cần khuyến khích, hỗ trợ người dân phát triển các mô hình và đẩy mạnh hoạt động phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức chuyển giao khoa học kỹ thuật, đào tạo nghề, kết nối thị trường cho người dân. Trong phương pháp lãnh đạo và điều hành, cán bộ cấp xã có thể thực hiện các cải tiến như quản lý theo mục tiêu; tăng cường sử dụng công nghệ thông tin; chủ động đẩy mạnh hoạt động phối hợp giữa các tổ chức, doanh nghiệp, người dân; chủ động vận động xã hội hóa, thu hút đầu tư vào địa phương, tận dụng các chương trình hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, ODA, tài trợ phát triển; quản lý, phân bổ ngân sách cấp xã hợp lý, ưu tiên đầu tư hạ tầng kinh tế, chợ, giao thông, công nghệ; tổ chức định kỳ hội nghị đối thoại với người dân, doanh nghiệp để lắng nghe, tháo gỡ khó khăn…

Thứ năm, tăng cường các giải pháp xây dựng đảng và hệ thống chính trị. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh là tiền đề để thực hiện tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế. Do vậy, về mặt tổ chức, cần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng xã, phường. Củng cố tổ chức Đảng xã, phường đủ mạnh, giữ vai trò hạt nhân chính trị, chủ động ra nghị quyết chuyên đề về phát triển kinh tế - xã hội. Gắn đánh giá cán bộ với kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở cơ sở, lấy hiệu quả phát triển kinh tế làm tiêu chí, định lượng quan trọng. Xây dựng các chi bộ thôn, tổ dân phố hoạt động hiệu quả, gắn chặt với các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy Đảng, theo hướng sát dân, thực chất, cụ thể, có kiểm tra - giám sát rõ ràng. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính phục vụ, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, công khai, minh bạch trong quản lý đầu tư công, ngân sách xã, sử dụng đất đai. Đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, nghiêm túc tự kiểm tra, phát hiện sai phạm, xử lý kịp thời; ngăn ngừa tình trạng lạm dụng chức vụ, vị trí để trục lợi từ các hoạt động kinh tế địa phương. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị cần tiến hành song song với lãnh đạo thực hiện công tác dân vận khéo trong phát triển kinh tế, vận động người dân thay đổi tư duy sản xuất; huy động các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội.

Thứ sáu, tăng cường sự lãnh đạo của cấp trên trực tiếp đối với cấp xã; quan tâm các giải pháp vĩ mô nhằm tạo điều kiện để cán bộ cấp xã có đủ điều kiện để thực hiện tầm nhìn của bản thân. Để lãnh đạo phát triển kinh tế ở cơ sở, ban chấp hành đảng bộ tỉnh cần thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai các nghị quyết phát triển kinh tế của xã, phường. Kịp thời gỡ vướng về cơ chế, hỗ trợ nguồn lực, đào tạo cán bộ. Việc quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ chủ chốt xã, phường cần được thực hiện hết sức công tâm, khách quan, chú trọng công tác luân chuyển, đào tạo, huấn luyện cán bộ. Có thể nghiên cứu xây dựng, bố trí ngân sách để đưa cán bộ chủ chốt hoặc quy hoạch chủ chốt đi nghiên cứu học tập về lãnh đạo phát triển kinh tế tại các vùng, các tỉnh có mô hình tăng trưởng nhanh, bền vững cả trong và ngoài nước để nâng cao nhận thức về lý luận, thực tiễn và bồi đắp khát vọng lãnh đạo quê hương, đất nước làm giàu.

Về vĩ mô, để hỗ trợ hiệu quả cho lãnh đạo xã, phường trong việc phát triển kinh tế, cần có hệ thống chính sách và giải pháp mang tính định hướng, tạo điều kiện từ Trung ương và cấp tỉnh. Trung ương cần chủ động hoặc cấp xã, cấp tỉnh cần tích cực trong tham mưu để hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế cơ sở. Tăng cường cơ chế phối hợp đa ngành, liên cấp**.** Giám sát, đánh giá và khen thưởng hiệu quả lãnh đạo phát triển kinh tế, đưa chỉ tiêu phát triển kinh tế cấp xã (thu nhập bình quân, số mô hình sản xuất hiệu quả, tỷ lệ lao động có việc làm...) vào hệ thống thi đua - khen thưởng, tôn vinh cán bộ, địa phương tiêu biểu trong lãnh đạo phát triển kinh tế cơ sở. Việc đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo xã, phường phải do Trung ương, tỉnh chủ trì. Cần phải đưa tiêu chí năng lực lãnh đạo phát triển kinh tế vào đánh giá, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ xã, phường. Tăng cường cử cán bộ đi học tập mô hình phát triển thành công trong và ngoài nước...

Sự vào cuộc có tính hệ thống từ Trung ương đến tỉnh là yếu tố có tính đồng bộ, toàn diện đảm bảo nâng cao trình độ lãnh đạo phát triển kinh tế của cán bộ xã, phường cả về lý luận và thực tiễn, đóng góp vào sự chuyển mình của đất nước từ cơ sở; đảm bảo tính bền vững trong quá trình thực hiện khát vọng vươn mình của đất nước hiện nay./.

Chú thích:

(1). Nguồn: Xaydungchinhsach.chinhphu.vn.

(2). Anh Chi, Sau 5 năm, dân số Việt Nam tăng thêm 4,9 triệu người, Báo Nhân dân điện tử, ngày 1/5/2025, https://nhandan.vn/.

(3). Minh Ngọc**.** https://baochinhphu.vn/**).**

(4). Thông cáo báo chí tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2024 (6/1/2025), Cơ quan thống kê quốc gia, Cục thống kế Bộ Tài chính, https://www.gso.gov.vn/wp.

(5). Minh Chiến, Lộ diện tỉnh dẫn đầu cả nước về thu nhập bình quân đầu người, sắp tới sẽ sáp nhập, Vietnamnet 22/5/2025.

(6). Tháp nhu cầu của Maslow (Nhà tâm lý học Abraham Maslow (1908 - 1970), https://vi.wikipedia.org.

(7). Trả lời các nhà báo nước ngoài, Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, H2011, trang 187.

QUY ĐỊNH 19 - QĐ/TW VỀ CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG TRONG ĐẢNG - "LÁ CHẮN THÉP" BẢO VỆ ĐẢNG TỪ BÊN TRONG

ThS. NGUYỄN THỊ THẢO LINH
Phó Trưởng Phòng QLĐT,BD&NCKH

***Tóm tắt:** Xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng luôn là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng. Trong bối cảnh chuyển đổi số, thông tin đa chiều và sự chống phá của các thế lực thù địch ngày càng tinh vi, phức tạp, đặc biệt là trên không gian mạng, Quy định 19-QĐ/TW ngày 08/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng (Quy định 19-QĐ/TW) là bước phát triển quan trọng về nhận thức và thể chế hóa công tác chính trị, tư tưởng; tạo cơ sở để xây dựng "lá chắn thép" từ mỗi tổ chức đảng, mỗi cán bộ, đảng viên, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, củng cố niềm tin của Nhân dân trong kỷ nguyên mới.*

Công tác chính trị, tư tưởng giữ vai trò đặc biệt quan trọng, là nền tảng tinh thần của đời sống xã hội và là nhân tố quyết định sự ổn định chính trị - xã hội. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Công tác lãnh đạo tư tưởng là quan trọng nhất. Trong Đảng và ngoài Đảng có nhận rõ tình hình mới, hiểu rõ nhiệm vụ mới, thì tư tưởng mới thống nhất, tư tưởng thống nhất thì hành động mới thống nhất"[1]. Quán triệt quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và không ngừng đổi mới công tác chính trị, tư tưởng. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, ngày 30/10/2016, đã xác định nhiệm vụ trọng tâm là ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", hướng tới xây dựng Đảng "vững vàng về chính trị và tư tưởng, thống nhất cao về ý chí và hành động". Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị tiếp tục xác định bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu "Nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội; coi trọng hơn nữa công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện 'tự diễn biến', 'tự chuyển hóa' trong nội bộ"[2]. Đại hội XIV của Đảng, quan điểm này tiếp tục được khẳng định và phát triển: "Công tác xây dựng Đảng về tư tưởng "tiếp tục được đổi mới mạnh mẽ, ngày càng đi vào chiều sâu", góp phần nâng cao nhận thức, tăng

cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng và hệ thống chính trị, đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin trong Nhân dân"[3].

Quán triệt và thực hiện các chủ trương của Đảng, thời gian qua, công tác chính trị, tư tưởng đã đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần tăng cường sự thống nhất trong Đảng và đồng thuận xã hội. Công tác xây dựng Đảng về chính trị tiếp tục được chú trọng, tăng cường, tạo nền tảng vững chắc để nâng cao bản lĩnh, tính tiền phong, năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Bản lĩnh chính trị, trí tuệ, tư duy chiến lược, sức chiến đấu và vị thế của Đảng ngày càng được nâng lên, thể hiện rõ sự vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách. Năng lực dự báo, hoạch định đường lối, chủ trương, định hướng chiến lược của Đảng tiếp tục được đổi mới, hoàn thiện. Việc tổ chức hội nghị trực tuyến từ Trung ương đến cơ sở đã góp phần mở rộng phạm vi tiếp cận, tiết kiệm thời gian, kinh phí, đồng thời nâng cao tính thống nhất trong nhận thức và hành động. Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng sau 6 năm tổ chức đã trở thành một hoạt động có sức lan tỏa mạnh, thu hút sự tham gia của đông đảo cán bộ, đảng viên, nhà báo, giảng viên, nhà khoa học và Nhân dân. Qua đó, đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng từng bước chuyển từ thế "bị động phản ứng" sang chủ động tạo lập các sản phẩm chính luận, thông tin tích cực, góp phần hình thành "thế trận lòng dân" trên không gian tư tưởng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác tư tưởng có lúc, có nơi thiếu kịp thời, chưa sắc bén, tính thuyết phục chưa cao; công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên chưa thường xuyên, có mặt chưa đáp ứng yêu cầu; chất lượng sinh hoạt chi bộ ở một số nơi chưa thực sự là "phòng tuyến tư tưởng" từ cơ sở; việc đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch có biểu hiện còn bị động, lúng túng nhất là trên không gian mạng. Việc nắm bắt, dự báo tình hình tư tưởng và định hướng dư luận xã hội có lúc chưa kịp thời, chưa theo kịp sự biến đổi nhanh chóng của đời sống xã hội. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ vẫn còn diễn biến phức tạp; vẫn còn tình trạng nói không đi đôi với làm. Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; một số vấn đề bức xúc trong xã hội chưa được giải quyết kịp thời, từ đó ảnh hưởng đến sự thống nhất tư tưởng và đồng thuận xã hội.

Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị xác định bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; yêu cầu kết hợp chặt chẽ giữa "xây" và "chống", trong đó "xây" là cơ bản, lâu dài, "chống" phải chủ động, kiên quyết, hiệu quả. Từ yêu cầu đó, Quy định 19-QĐ/TW tạo bước phát triển mới khi đặt công tác chính trị, tư tưởng vào vị trí trung tâm của quá trình xây dựng Đảng và tự bảo vệ Đảng từ bên trong; gắn công tác chính trị, tư tưởng với công tác tổ chức, cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ, kiểm tra, giám sát, dân vận và thực hiện nhiệm vụ chính trị; đồng thời yêu cầu "rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ chế tài", có tiêu chí lượng hóa, kiểm tra, giám sát, lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ và sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo. Đặc biệt, Quy định 19-QĐ/TW không chỉ yêu cầu nâng cao nhận thức, bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống mà còn chủ động phòng ngừa, ngăn chặn suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", giữ vững định hướng chính trị, tư tưởng trong tổ chức

đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, qua đó, từng bước hình thành "lá chắn thép" từ bên trong, nâng cao sức đề kháng, năng lực tự nhận diện, tự điều chỉnh và tự bảo vệ của mỗi tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trước những tác động phức tạp của đời sống chính trị - xã hội và không gian thông tin hiện nay:

- Tạo dựng "lá chắn" từ nền tảng tư tưởng và 4 kiên định. Nền tảng tư tưởng vững chắc là lớp "lá chắn" đầu tiên, có ý nghĩa định hướng và giữ vai trò nền tảng đối với toàn bộ công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng. Đó là kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng. Khi nền tảng tư tưởng được củng cố, bản lĩnh chính trị được nâng cao, cán bộ, đảng viên có cơ sở vững chắc để nhận diện đúng - sai, kiên định trước những tác động phức tạp, đa chiều, nhất là những tác động từ mặt trái của kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và không gian mạng.

- Tạo dựng "lá chắn" bằng kỷ luật, kỷ cương và nêu gương. Quy định 19-QĐ/TW yêu cầu cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy phải gương mẫu về bản lĩnh chính trị, đạo đức công vụ, tác phong, kỷ luật, lối sống, tinh thần đổi mới, sáng tạo và cống hiến; người đứng đầu phải "nói đi đôi với làm", lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị làm thước đo chủ yếu. Kỷ luật, kỷ cương được giữ vững, trách nhiệm nêu gương được phát huy sẽ góp phần tạo dựng môi trường chính trị, tư tưởng lành mạnh, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

- Tạo dựng "lá chắn" bằng khả năng tự nhận diện, tự miễn dịch và tự bảo vệ. Quy định 19-QĐ/TW yêu cầu cán bộ, đảng viên tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân; không dao động trước khó khăn, cám dỗ; chủ động nhận diện và lan tỏa thông tin tích cực, ngăn chặn thông tin xấu độc, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch phù hợp với khả năng, điều kiện của mỗi người.

- Tạo dựng "lá chắn" bằng năng lực nói, viết và hành động theo nghị quyết. Quy định yêu cầu cán bộ, đảng viên chủ động tiếp nhận, phân tích thông tin khách quan, khoa học; không chạy theo dư luận, không né tránh vấn đề phức tạp; tuân thủ kỷ luật phát ngôn; không chia sẻ thông tin chưa kiểm chứng, sai sự thật; đồng thời phải sâu sát, quyết liệt trong thực thi, lấy sản phẩm công việc, kết quả cụ thể và mức độ tín nhiệm làm tiêu chí phấn đấu. Đây chính là bước chuyển từ "học nghị quyết" sang "sống và hành động theo nghị quyết".

- Tạo dựng "lá chắn" bằng công nghệ và dữ liệu. Quy định 19-QĐ/TW yêu cầu tăng cường ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn để phân tích, dự báo xu hướng tư tưởng và dư luận; quản lý việc tham gia mạng xã hội của cán bộ, đảng viên; xây dựng dữ liệu số phục vụ nhận diện, dự báo và xử lý các vấn đề tư tưởng phát sinh. Từ thực tiễn chuyển đổi số đặt công tác tư tưởng phải chuyển từ "cung cấp thông tin" sang "quản trị thông tin", từ truyền đạt một chiều sang đối thoại, thuyết phục; tăng cường phân tích dữ liệu, ứng dụng AI và xây dựng hệ sinh thái truyền thông số đủ sức tạo ra dòng chảy thông tin tích cực, chủ đạo, có sức lan tỏa rộng.

Để Quy định 19-QĐ/TW đi vào cuộc sống và phát huy vai trò "lá chắn thép", bảo vệ Đảng từ bên trong cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau:

Thứ nhất, nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu đối với công tác chính trị, tư tưởng. Cần xác định công tác chính trị, tư tưởng là nhiệm vụ quan trọng

hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng, là trách nhiệm trực tiếp, thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu. Cấp ủy phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, nắm chắc tình hình tư tưởng, định kỳ đánh giá, nhận diện những vấn đề có nguy cơ tác động đến tổ chức, cán bộ, đảng viên và Nhân dân; chủ động định hướng, giải quyết từ sớm, từ xa. Người đứng đầu phải thực sự nêu gương, nói đi đôi với làm, chịu trách nhiệm về môi trường chính trị, tư tưởng trong tổ chức mình. Gắn thực hiện Quy định 19-QĐ/TW với công tác tổ chức, cán bộ, kiểm tra, giám sát, bảo vệ chính trị nội bộ và dân vận; đưa các yêu cầu của Quy định vào chương trình công tác, lãnh đạo, chỉ đạo và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. Qua đó, đưa công tác chính trị, tư tưởng thành trách nhiệm chính trị của cả tổ chức đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, tạo lớp "lá chắn" đầu tiên từ bên trong.

Thứ hai, xây dựng chi bộ thực sự là "phòng tuyến tư tưởng" ở cơ sở, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ gắn với giải quyết vấn đề thực tiễn. Chi bộ là nơi trực tiếp quản lý, giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên và cũng là nơi những vấn đề tư tưởng thường biểu hiện đầu tiên. Vì vậy, phải tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức sinh hoạt chi bộ, thực hiện nghiêm Chỉ thị số 50-CT/TW và Hướng dẫn số 42-HD/BTCTW; khắc phục tình trạng hình thức, một chiều, nặng phổ biến, ít trao đổi, thảo luận. Sinh hoạt chi bộ phải trở thành nơi cán bộ, đảng viên trao đổi thẳng thắn, tự phê bình và phê bình, nhận diện những vấn đề mới, khó, nhạy cảm của cơ quan, đơn vị, địa phương; kết hợp giáo dục chính trị, tư tưởng với giải quyết những vấn đề thực tiễn. Chuyển từ "nắm tình hình" sang "nắm chắc tình hình", từ "xử lý khi phát sinh" sang "phát hiện sớm, uốn nắn sớm, giải quyết từ cơ sở", không để biểu hiện lệch lạc nhỏ tích tụ thành vấn đề lớn. Khi chi bộ thực sự trở thành "phòng tuyến tư tưởng", mỗi tổ chức đảng sẽ nâng cao năng lực tự nhận diện, tự điều chỉnh và tự bảo vệ.

Thứ ba, đổi mới căn bản việc học tập nghị quyết, chuyển từ "học để biết" sang "học để hành động", biến nghị quyết thành kết quả cụ thể trong thực tiễn. Cần đổi mới việc học tập, quán triệt nghị quyết theo hướng thiết thực, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ vận dụng; gắn nội dung nghị quyết với chức trách, nhiệm vụ, vị trí công tác và những vấn đề thực tiễn đặt ra. Mỗi nghị quyết, chỉ thị, quy định sau học tập phải được chuyển hóa thành chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ và sản phẩm cụ thể; mỗi cán bộ, đảng viên phải trả lời được "học để làm gì, làm như thế nào". Kiểm tra không chỉ việc tham gia học tập mà phải đánh giá mức độ hiểu, khả năng vận dụng và kết quả thực hiện. Đồng thời, coi trọng giải đáp những vấn đề cán bộ, đảng viên và Nhân dân quan tâm; lấy thực tiễn công việc, sản phẩm cụ thể, kết quả thực hiện nhiệm vụ và sự đồng thuận, hài lòng của Nhân dân làm thước đo. Đây là bước chuyển từ "học nghị quyết" sang "sống và hành động theo nghị quyết".

Thứ tư, xây dựng năng lực dự báo, quản trị tư tưởng và dư luận xã hội trên nền tảng công nghệ số. Trong môi trường thông tin đa chiều, tốc độ lan truyền nhanh và tác động sâu rộng, công tác chính trị, tư tưởng phải chuyển từ xử lý bị động sang chủ động nhận diện, dự báo và định hướng; từ nắm tình hình sau khi vấn đề xảy ra sang phát hiện xu hướng trước khi trở thành điểm nóng. Cần kết hợp điều tra xã hội học, dữ liệu số, phân tích truyền thông và các công cụ công nghệ phù hợp; từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ nhận diện, phân tích, dự báo vấn đề tư tưởng; tăng cường ứng dụng công nghệ số, trí tuệ

nhân tạo, dữ liệu lớn để theo dõi xu hướng dư luận, nhận diện sớm vấn đề nhạy cảm, kịp thời cung cấp thông tin chính xác và định hướng đúng.

Thứ năm, đổi mới phương thức bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng, lấy "xây" làm nền tảng của "chống", chủ động xây dựng dòng chảy thông tin chính xác, tích cực. Phải chuyển từ thế "bị động phản ứng" sang chủ động tạo lập thông tin tích cực; từ chỉ chú trọng phản bác sang đồng thời xây dựng niềm tin, tạo đồng thuận, hình thành "thế trận lòng dân" trên không gian mạng. Chủ động xây dựng các sản phẩm truyền thông chính trị ngắn gọn, dễ tiếp cận, có tính khoa học, thuyết phục và sức lan tỏa; tăng cường giải thích chính sách, giải đáp vấn đề xã hội quan tâm, kịp thời cung cấp thông tin chính thống, không để hình thành "khoảng trống thông tin". Phát huy vai trò của cán bộ, đảng viên, nhà khoa học, giảng viên lý luận chính trị, nhà báo và người có uy tín trong lan tỏa thông tin tích cực. Đấu tranh phản bác phải có căn cứ khoa học, lập luận sắc bén, ngôn ngữ thuyết phục, đúng đối tượng, đúng vấn đề, tránh cực đoan, áp đặt; kết hợp chặt chẽ "xây" và "chống", trong đó "xây" là cơ bản, lâu dài, "chống" phải chủ động, kiên quyết, hiệu quả. Qua đó, mỗi cán bộ, đảng viên có bản lĩnh, trách nhiệm trên không gian mạng trở thành một "điểm tựa", một "tế bào" của "lá chắn thép" bảo vệ Đảng từ bên trong.

Thứ sáu, thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá và xử lý trách nhiệm gắn với công tác cán bộ. Quy định 19-QĐ/TW chỉ thực sự có sức sống khi được cụ thể hóa thành trách nhiệm, tiêu chí, cơ chế kiểm tra, giám sát và chế tài thực hiện. Vì vậy, phải gắn thực hiện Quy định với công tác cán bộ, kiểm tra, giám sát, đánh giá tổ chức đảng và đảng viên; không chỉ coi trọng kết quả chuyên môn mà phải đánh giá bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, tinh thần nêu gương, ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm với Nhân dân và khả năng giữ vững nguyên tắc trước những tác động phức tạp. Kiểm tra, giám sát phải chủ động, thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm; chú trọng phát hiện, cảnh báo, xử lý từ sớm, từ xa, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành vi phạm lớn. Cụ thể hóa yêu cầu theo phương châm "rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ chế tài", có tiêu chí lượng hóa để kiểm tra, giám sát và đánh giá; kết hợp giáo dục, thuyết phục với kiểm tra, giám sát, phòng ngừa với xử lý; kịp thời biểu dương tập thể, cá nhân thực hiện tốt, kiên quyết xử lý vi phạm kỷ luật phát ngôn, lan truyền thông tin sai sự thật, thiếu trách nhiệm trong công tác tư tưởng hoặc nói không đi đôi với làm./.

Chú thích:

(1). Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2002, tr. 319

(2). Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2021, tr. 228.

(3). Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2026, tr. 76.

NĂNG LỰC, PHẨM CHẤT, BẢN LĨNH CÁ NHÂN ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐẠO ĐỨC CÔNG VỤ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ThS. TRẦN ÁNH DƯƠNG
Phó Hiệu trưởng

***Tóm tắt:** Đạo đức công vụ của cán bộ, công chức cấp xã giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong xây dựng nền hành chính phục vụ nhân dân. Trong bối cảnh chuyển đổi số, cải cách hành chính và xây dựng chính quyền địa phương hai cấp hiện nay, năng lực, bản lĩnh chính trị và phẩm chất cá nhân của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã tác động trực tiếp đến hiệu quả thực thi công vụ và chất lượng phục vụ Nhân dân. Bài viết tập trung phân tích những yếu tố thuộc về năng lực, bản lĩnh và phẩm chất cá nhân ảnh hưởng đến đạo đức công vụ của cán bộ, công chức cấp xã; đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao đạo đức công vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.*

Đạo đức công vụ là một trong những yếu tố cốt lõi quyết định chất lượng hoạt động của nền hành chính nhà nước. Đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã - những người trực tiếp tiếp xúc, giải quyết công việc cho Nhân dân - đạo đức công vụ không chỉ thể hiện phẩm chất cá nhân mà còn phản ánh uy tín, hiệu lực, hiệu quả của chính quyền cơ sở. Trong bối cảnh hiện nay, khi đất nước đang đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền số, chính quyền phục vụ và tinh gọn bộ máy nhà nước, yêu cầu về đạo đức công vụ đối với cán bộ, công chức cấp xã ngày càng cao. Đạo đức công vụ không hình thành một cách tự nhiên mà chịu sự tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau, trong đó năng lực, bản lĩnh chính trị và phẩm chất cá nhân có vai trò đặc biệt quan trọng.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi trọng đạo đức của người cán bộ cách mạng. Người cho rằng: "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc", đồng thời nhấn mạnh người cán bộ phải vừa có đức, vừa có tài, trong đó đức là gốc. Quan điểm đó đến nay vẫn còn nguyên giá trị, nhất là trong điều kiện đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đang đối mặt với nhiều áp lực mới từ yêu cầu nhiệm vụ, từ sự phát triển của công nghệ, từ tác động của cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế.

Thực tiễn cho thấy, ở nhiều địa phương, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đã có nhiều chuyển biến tích cực về tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ Nhân dân và

ý thức chấp hành kỷ luật hành chính. Nhiều cán bộ tận tụy, gần dân, sâu sát cơ sở, chủ động giải quyết công việc cho người dân, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một bộ phận cán bộ, công chức có biểu hiện suy giảm đạo đức công vụ như thiếu tinh thần trách nhiệm, gây phiền hà trong giải quyết thủ tục hành chính, thái độ ứng xử chưa chuẩn mực, né tránh trách nhiệm, thậm chí lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi cá nhân. Những hạn chế đó xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân từ chính năng lực, bản lĩnh và phẩm chất cá nhân của đội ngũ cán bộ, công chức.

Năng lực là yếu tố quan trọng hàng đầu ảnh hưởng trực tiếp đến đạo đức công vụ của cán bộ, công chức cấp xã. Năng lực không chỉ bao gồm trình độ chuyên môn, nghiệp vụ mà còn bao gồm kỹ năng giao tiếp, kỹ năng quản lý, kỹ năng xử lý tình huống và khả năng thích ứng với môi trường làm việc hiện đại. Một cán bộ có năng lực tốt thường có khả năng giải quyết công việc nhanh chóng, đúng quy định, hạn chế gây phiền hà cho người dân. Khi nắm chắc chuyên môn, cán bộ sẽ tự tin trong xử lý công việc, có thái độ đúng mực và tinh thần trách nhiệm cao hơn. Ngược lại, nếu cán bộ yếu về năng lực chuyên môn sẽ dễ dẫn đến lúng túng, né tránh trách nhiệm hoặc đùn đẩy công việc. Thực tế ở cơ sở hiện nay cho thấy, một số cán bộ, công chức cấp xã chưa đáp ứng yêu cầu về trình độ công nghệ thông tin, kỹ năng số và khả năng cập nhật các quy định mới. Điều đó làm ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết công việc, gây chậm trễ trong xử lý hồ sơ hành chính và làm giảm mức độ hài lòng của người dân. Trong nhiều trường hợp, sự yếu kém về năng lực còn dẫn đến thái độ thiếu chuẩn mực, cáu gắt hoặc gây khó dễ cho người dân nhằm che lấp hạn chế của bản thân.

Bản lĩnh chính trị là yếu tố có ý nghĩa quyết định đối với việc giữ gìn đạo đức công vụ của cán bộ, công chức cấp xã. Bản lĩnh chính trị được thể hiện ở sự kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng; sự trung thành với Đảng, với Nhà nước và Nhân dân; tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Trong điều kiện hiện nay, khi mặt trái của cơ chế thị trường và sự chống phá của các thế lực thù địch trên không gian mạng ngày càng phức tạp, nếu cán bộ thiếu bản lĩnh chính trị rất dễ dao động, suy giảm niềm tin hoặc bị tác động bởi những cám dỗ vật chất. Một cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng sẽ luôn đặt lợi ích của tập thể và Nhân dân lên trên lợi ích cá nhân, giữ vững nguyên tắc trong thực thi công vụ, không lợi dụng chức vụ quyền hạn để trục lợi. Đồng thời, họ cũng là những người dám đấu tranh với tiêu cực, dám nhận trách nhiệm và kiên quyết bảo vệ cái đúng. Bản lĩnh chính trị còn giúp cán bộ có ý chí vượt qua khó khăn, áp lực trong công việc. Ngược lại, cán bộ thiếu bản lĩnh dễ rơi vào chủ nghĩa cá nhân, ngại va chạm, né tránh trách nhiệm hoặc thỏa hiệp với sai phạm.

Phẩm chất cá nhân là yếu tố nền tảng tạo nên đạo đức công vụ của cán bộ, công chức cấp xã. Phẩm chất cá nhân bao gồm tính trung thực, liêm chính, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật, lòng nhân ái và tinh thần tận tụy phục vụ Nhân dân. Trong đó, tính trung thực và liêm chính là phẩm chất đặc biệt quan trọng đối với người cán bộ. Một cán bộ trung thực sẽ thực hiện công vụ khách quan, minh bạch, không lợi dụng vị trí công tác để vụ lợi cá nhân. Họ dám nhận trách nhiệm khi có sai sót, không bao che khuyết điểm và luôn giữ gìn danh dự của người cán bộ. Ngược lại, sự thiếu trung thực dễ dẫn đến hành vi gian dối, tham nhũng, tiêu cực hoặc lợi dụng chức vụ quyền hạn để phục vụ lợi ích cá nhân. Tinh thần trách nhiệm cũng là biểu hiện

rõ nét của đạo đức công vụ. Người cán bộ có trách nhiệm luôn chủ động trong công việc, tận tụy phục vụ Nhân dân và không né tránh nhiệm vụ được giao. Trong khi đó, một số cán bộ hiện nay còn biểu hiện làm việc qua loa, thiếu sâu sát, giải quyết công việc chậm trễ hoặc thiếu tinh thần phối hợp. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng phục vụ Nhân dân và hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở.

Trong điều kiện hiện nay, tinh thần học tập và đổi mới sáng tạo trở thành phẩm chất cần thiết đối với cán bộ, công chức cấp xã. Sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ và yêu cầu chuyển đổi số buộc cán bộ phải thường xuyên cập nhật kiến thức mới, đổi mới phương pháp làm việc và nâng cao kỹ năng công nghệ số. Người cán bộ có tinh thần cầu tiến sẽ dễ thích ứng với yêu cầu mới, nâng cao hiệu quả công tác và góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp.

Để nâng cao đạo đức công vụ của cán bộ, công chức cấp xã trong giai đoạn hiện nay, cần thực hiện tốt một số giải pháp sau đây:

Một là, đổi mới toàn diện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã theo hướng thực chất, hiện đại và gắn với vị trí việc làm

Trong bối cảnh chuyển đổi số và cải cách hành chính hiện nay, yêu cầu đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã không chỉ dừng ở trình độ chuyên môn mà còn phải có kỹ năng thực hành công vụ, kỹ năng số và khả năng thích ứng với môi trường làm việc hiện đại. Vì vậy, cần đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng theo hướng "học đi đôi với hành", lấy hiệu quả thực thi công vụ làm thước đo chất lượng đào tạo.

Các chương trình bồi dưỡng cần tăng cường xử lý tình huống thực tiễn như giải quyết tranh chấp đất đai, tiếp công dân, xử lý phản ánh trên môi trường mạng, giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến và kỹ năng ứng xử với người dân trong các tình huống phức tạp. Đồng thời, cần chú trọng bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp hành chính, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng kiểm soát cảm xúc và kỹ năng sử dụng công nghệ số trong quản lý công việc.

Cần triển khai xây dựng "hồ sơ năng lực số" đối với từng cán bộ, công chức cấp xã. Hồ sơ này phản ánh đầy đủ trình độ chuyên môn, kỹ năng số, kết quả thực hiện nhiệm vụ, tiến độ xử lý công việc và mức độ hài lòng của người dân. Thông qua đó giúp cơ quan quản lý đánh giá chính xác chất lượng đội ngũ cán bộ và tạo động lực để cán bộ tự học tập, nâng cao trình độ.

Hai là, tăng cường giáo dục bản lĩnh chính trị, trách nhiệm công vụ và ý thức phục vụ Nhân dân cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã

Bản lĩnh chính trị là nền tảng quan trọng giúp cán bộ giữ vững đạo đức công vụ trước những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường và các cám dỗ vật chất. Vì vậy, cần đổi mới công tác giáo dục chính trị tư tưởng theo hướng thiết thực, gần gũi với nhiệm vụ ở cơ sở.

Các cấp ủy Đảng cần thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên đề về đạo đức công vụ, văn hóa công sở, trách nhiệm nêu gương và tinh thần phụng sự Nhân dân. Nội dung giáo dục cần gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; đồng thời nâng cao khả năng nhận diện và đấu tranh với các thông tin xấu độc trên không gian mạng.

Hằng tháng cán bộ tự đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, thái độ phục vụ nhân dân, tinh thần trách nhiệm và ý thức chấp hành kỷ luật hành chính. Kết quả tự đánh giá được gắn với nhận xét của người đứng đầu và phản hồi của người dân nhằm giúp cán bộ tự soi, tự sửa thường xuyên.

Ba là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong kiểm tra, giám sát và đánh giá đạo đức công vụ

Đây là giải pháp có tính mới và phù hợp với yêu cầu xây dựng chính quyền số hiện nay. Các địa phương cần xây dựng hệ thống quản lý công việc điện tử liên thông từ cấp xã đến cấp tỉnh nhằm kiểm soát tiến độ, chất lượng giải quyết công việc của cán bộ, công chức. Mọi hồ sơ hành chính cần được cập nhật công khai trên hệ thống số, cho phép người dân theo dõi tiến độ xử lý qua điện thoại thông minh hoặc cổng dịch vụ công. Điều này góp phần nâng cao tính minh bạch, hạn chế tình trạng chậm trễ, gây phiền hà hoặc nhũng nhiễu trong giải quyết thủ tục hành chính.

Cùng với đó, cần triển khai hệ thống đánh giá mức độ hài lòng của người dân theo thời gian thực thông qua mã QR, ứng dụng điện tử hoặc thiết bị đánh giá trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công. Kết quả đánh giá phải được liên thông với công tác thi đua, khen thưởng, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ nhằm tạo áp lực tích cực nâng cao đạo đức công vụ.

Ngoài ra, cần nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phân tích phản ánh, kiến nghị của người dân để kịp thời phát hiện biểu hiện thiếu trách nhiệm, tiêu cực hoặc vi phạm đạo đức công vụ của cán bộ.

Bốn là, xây dựng môi trường công vụ văn minh, chuyên nghiệp và gần dân

Môi trường làm việc có ảnh hưởng trực tiếp đến hành vi và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức. Vì vậy, cần xây dựng văn hóa công sở hiện đại, chuyên nghiệp, dân chủ và trách nhiệm.

Các địa phương cần ban hành bộ quy tắc ứng xử phù hợp với đặc thù cấp xã, quy định cụ thể về thái độ giao tiếp, tinh thần phục vụ Nhân dân, trách nhiệm trong xử lý công việc và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Đồng thời, cần xây dựng hình ảnh người cán bộ "trọng dân, gần dân, hiểu dân và có trách nhiệm với dân".

Một số mô hình mới cần được triển khai như "Ngày chính quyền lắng nghe nhân dân", "Mỗi tuần một việc tốt vì dân", "Công sở thân thiện vì Nhân dân phục vụ" nhằm tạo môi trường rèn luyện đạo đức công vụ thường xuyên cho cán bộ, công chức.

Bên cạnh đó, cần xây dựng không gian làm việc số, giảm thủ tục giấy tờ, nâng cao tính công khai, minh bạch và từng bước hình thành phong cách làm việc chuyên nghiệp trong đội ngũ cán bộ cấp xã.

Năm là, phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu và hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực

Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cơ sở có ảnh hưởng rất lớn đến đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức. Vì vậy, người đứng đầu phải thực sự gương mẫu về đạo đức, phong cách lãnh đạo, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ nhân dân. Cần đưa tiêu chí nêu gương, uy tín trong Nhân dân và tinh thần trách nhiệm vào nội dung đánh giá cán bộ lãnh đạo cấp xã. Đồng thời, phải xử lý nghiêm người đứng đầu nếu để xảy ra tình trạng vi phạm đạo đức công vụ kéo dài trong cơ quan, đơn vị mình phụ trách.

Cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở cơ sở. Đặc biệt, cần công khai minh bạch trong quản lý đất đai, tài chính, đầu tư công và giải quyết thủ tục hành chính để hạn chế nguy cơ phát sinh lợi ích nhóm hoặc lạm quyền.

Sáu là, xây dựng cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung

Hiện nay, một bộ phận cán bộ có tâm lý sợ sai, né tránh trách nhiệm do áp lực kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm. Điều này

ảnh hưởng đến tinh thần đổi mới và trách nhiệm công vụ. Vì vậy, cần xây dựng cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, năng động, sáng tạo vì lợi ích chung. Cần phân định rõ giữa sai phạm do vụ lợi cá nhân với sai sót trong quá trình đổi mới, sáng tạo nhằm phục vụ Nhân dân tốt hơn. Khi được bảo vệ đúng mức, cán bộ sẽ mạnh dạn hơn trong giải quyết công việc, dám chịu trách nhiệm và nâng cao tinh thần cống hiến.

Đồng thời, cần kịp thời biểu dương, khen thưởng những cán bộ tận tụy, trách nhiệm, có sáng kiến cải tiến công việc và được Nhân dân đánh giá cao. Đây là giải pháp quan trọng tạo động lực tinh thần và lan tỏa những giá trị tích cực trong đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

Bảy là, phát huy vai trò giám sát của Nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội đối với đạo đức công vụ của cán bộ cấp xã

Nhân dân là chủ thể trực tiếp giám sát hoạt động của đội ngũ cán bộ ở cơ sở. Vì vậy, cần mở rộng các kênh giám sát và phản ánh của người dân đối với hoạt động công vụ. Các địa phương cần xây dựng hệ thống tiếp nhận phản ánh hiện trường, đường dây nóng, hộp thư điện tử và nền tảng phản ánh trực tuyến để người dân dễ dàng tham gia giám sát cán bộ, công chức. Mọi phản ánh của người dân phải được tiếp nhận, xử lý công khai và phản hồi rõ ràng.

Cùng với đó, cần phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, công chức cấp xã. Việc giám sát phải được thực hiện thường xuyên, thực chất, tránh hình thức nhằm góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ thực sự liêm chính, trách nhiệm và gần dân.

Tóm lại: Năng lực, bản lĩnh chính trị và phẩm chất cá nhân có ảnh hưởng trực tiếp, sâu sắc đến đạo đức công vụ của cán bộ, công chức cấp xã trong giai đoạn hiện nay. Đây là những yếu tố cốt lõi quyết định chất lượng thực thi công vụ, hiệu quả phục vụ Nhân dân và uy tín của chính quyền cơ sở. Trong bối cảnh đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và xây dựng chính quyền phục vụ, yêu cầu đặt ra đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ngày càng cao. Vì vậy, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, rèn luyện bản lĩnh chính trị và hoàn thiện phẩm chất đạo đức cho đội ngũ cán bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã có năng lực, bản lĩnh, phẩm chất tốt không chỉ góp phần nâng cao đạo đức công vụ mà còn là điều kiện quan trọng để xây dựng nền hành chính hiện đại, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới./.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

2. Bộ Chính trị (2021), *Kết luận số 01-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*.

3. Chính phủ (2023), *Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030*.

4. Quốc hội (2008, sửa đổi bổ sung năm 2019, 2025), *Luật Cán bộ, công chức*, Hà Nội.

5. Quốc hội (2022), *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở*, Hà Nội.

6. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

7. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CẤP ỦY CẤP XÃ TRONG MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP

ThS. NGUYỄN XUÂN BÉ
Trưởng Khoa Lý luận cơ sở

***Tóm tắt:** Mô hình chính quyền địa phương hai cấp và việc sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã là cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy, đưa quyền lực thực chất về gần dân hơn. Việc cắt bỏ cấp trung gian và phân quyền mạnh mẽ giúp cấp xã trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời là môi trường thực tiễn kiểm chứng hiệu quả các chủ trương của Đảng và Nhà nước. Trong cấu trúc mới này, Đảng ủy cấp xã được nâng tầm thành cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng, có thẩm quyền toàn diện và quyết định những vấn đề quan trọng ngay từ cơ sở. Theo đó, cần tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các giải pháp để phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy cấp xã, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của tổ chức đảng ở cơ sở trong giai đoạn hiện nay.*

Chủ trương tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị từ Trung ương tới địa phương nhằm hướng tới vận hành hệ thống một cách thông suốt, không bị gián đoạn bởi các khâu trung gian, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ được xem là cuộc cách mạng thực sự cần thiết. Điểm nhấn quan trọng nhất là tổ chức và vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp thay cho mô hình ba cấp trước đây, theo đó kết thúc hoạt động đơn vị hành chính cấp huyện. Việc tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính và tăng cường phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền cho cấp xã là một bước tiến mới về cấu trúc mô hình chính quyền địa phương hai cấp nhằm khẳng định rõ hơn bản chất nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Xét đến cùng, quyền lực nhà nước là của dân, bao nhiêu lợi ích đều là của dân, cán bộ nhà nước là công bộc là đầy tớ của dân. Chính vì vậy, mô hình chính quyền địa phương hai cấp, trong đó cấp xã phải thực sự là nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng của nhân dân, là chủ thể quyền lực có điều kiện thuận lợi nhất nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đến với mọi tầng lớp nhân dân một cách nhanh nhất và hiệu quả nhất.

1. Sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã, kết thúc hoạt động mô hình chính quyền cấp huyện - bước tiến khẳng định quyền lực nhân dân ngay từ cơ sở

Trước khi sáp nhập cấp xã, cả nước ta có 10.035 đơn vị hành chính cấp xã. Sau khi sáp nhập, cả nước giảm còn 3.321 đơn vị, trong đó gồm 2.621 xã, 687 phường và 13 đặc khu. Đặc điểm dễ nhận thấy ở hệ

thống cấp xã của nước ta tồn tại từ trước tới nay là quy mô nhỏ, diện tích không đủ để mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội trước yêu cầu tạo bước đột phá khi hội nhập quốc tế. Chính đặc điểm này dẫn đến nguồn lực đầu tư cho các xã không hiệu quả, gây ra tình trạng lãng phí trong đầu tư công. Mặt khác, thực trạng hoạt động của hệ thống chính trị cấp xã trong thời gian qua cho thấy, chất lượng và hiệu lực điều hành giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị chưa thật sự gắn kết, hiệu quả quản lý không cao; chất lượng phục vụ Nhân dân thông qua việc triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước chưa thật sự đáp ứng kỳ vọng.

Tiếp tục thực hiện chủ trương sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã trong bối cảnh chấm dứt hoạt động của chính quyền cấp huyện đã hình thành nên cơ chế thực thi quyền lực thực chất cho cấp xã. Đó là cơ chế tăng thẩm quyền và phân định quyền hạn rõ hơn, thực chất hơn để bộ máy hệ thống chính trị cấp xã nói chung và chính quyền cấp xã nói riêng thực sự là nơi đáng tin cậy nhất, gần dân, sâu sát nhân dân nhất. Cơ chế này cho phép cấp xã được trực tiếp tiếp nhận, giải quyết toàn trình nhiều thủ tục hành chính quan trọng liên quan đến nhu cầu, nguyện vọng của người dân mà lâu nay, nhiệm vụ này chủ yếu do cấp tỉnh, cấp huyện giải quyết. Phân quyền, phân định thẩm quyền cho cấp xã càng nhiều, càng rõ trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình giám sát, theo dõi đánh giá hiệu quả thực thi quyền lực nhà nước từ cấp trên. Mặt khác, có như vậy Nhân dân mới có điều kiện để giám sát, đánh giá hiệu quả, chất lượng hoạt động của bộ máy chính quyền cấp xã một cách thực chất hơn. Đồng thời, đây cũng chính là phương thức kiểm tra nội dung trao quyền của Nhân dân vào bộ máy và cán bộ nhà nước có thể hiện được giá trị trên thực tế hay không. Trao quyền nhiều hơn cho bộ máy chính quyền cấp xã không chỉ giúp nâng cao năng lực, tạo thế chủ động ngay từ cơ sở của đội ngũ cán bộ, công chức, mà hơn thế, các chủ trương chính sách nhanh chóng được triển khai kịp thời đến người dân, xem đây là môi trường thực tiễn sinh động để Đảng và Nhà nước kiểm chứng hiệu quả các chủ trương, chính sách có thực sự đáp ứng lợi ích thiết thực của Nhân dân hay không.

Việc chấm dứt hoạt động của mô hình chính quyền cấp huyện không chỉ là việc cắt bỏ bớt các tầng nấc trung gian, tiết kiệm kinh phí trong tổ chức vận hành bộ máy, mà hơn thế là tập trung xây dựng và thực thi các chính sách kinh tế - xã hội đảm bảo thiết thực, hiệu quả ngay từ cơ sở. Ngày 12/6/2025, Chính phủ ban hành 28 nghị định về phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Trong đó, nhiều nội dung thuộc thẩm quyền của cấp huyện trước đây được giao về cho cấp xã thực hiện, nhiều thủ tục hành chính rườm rà, phức tạp nhiều tầng nấc trung gian, qua nhiều khâu thực thi thì nay được phân quyền cho cấp xã trực tiếp tiếp nhận, xử lý và trả kết quả ngay tại cơ sở. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: "Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân"; "Nước lấy dân làm gốc; Gốc có vững, cây mới bền. Xây lầu

thắng lợi trên nền nhân dân". Cấp ủy, chính quyền cấp xã là cấp gần dân nhất, vì vậy có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Khi nhân dân thực sự được trao quyền và tham gia vào quá trình xây dựng, giám sát chính quyền, thì hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước sẽ được nâng cao, đồng thời tạo ra sự đồng thuận, đoàn kết trong hoạch định các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2. Nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục nâng cao vai trò của cấp ủy cấp xã trong cấu trúc mô hình chính quyền địa phương hai cấp, góp phần khẳng định bản chất nhà nước của dân, do dân, vì dân

Ngày 09/6/2025, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Quy định số 298-QĐ/TW về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, đặc khu. Theo đó, Đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở ở cấp xã là cấp ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương. Như vậy xét về vị trí, chức năng, Đảng ủy cấp xã không còn là cấp cơ sở như trước đây trực thuộc cấp ủy cấp huyện mà đây là một tổ chức đảng cấp trên cơ sở có nhiệm vụ, quyền hạn sâu sát cơ sở hơn, nội dung và thẩm quyền lãnh đạo, chỉ đạo rộng hơn, quyết định những vấn đề toàn diện, quan trọng hơn ngay từ cơ sở. Việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn của đảng ủy cấp xã thể hiện tư duy chính trị sâu sắc, kịp thời của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về vai trò của tổ chức đảng trong nhận diện, giải quyết có hiệu quả nhanh chóng, thiết thực những điểm nghẽn, nút thắt, những vấn đề cần kíp mà Nhân dân mong đợi ngay trên chính địa phương cơ sở. Xuất phát từ vai trò, vị trí, nhiệm vụ và quyền hạn đó, đảng ủy cấp xã cần đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo tập trung thực hiện tốt một số nội dung sau đây:

Thứ nhất, bám sát các chủ trương của trung ương, của tỉnh để ban hành các nghị quyết sát đúng với yêu cầu thực tiễn đang đặt ra của địa phương. Trong mô hình chính quyền địa phương ba cấp trước đây, cấp ủy cấp xã thường rất ít khi chủ động ban hành nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhất là các nghị quyết chuyên đề. Thay vào đó, phần lớn thời gian là dành cho quá trình lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nghị quyết của cấp ủy cấp trên mà trực tiếp là cấp ủy cấp huyện. Chính vì vậy, nhiều vấn đề cần phải được giải quyết kịp thời trong khuôn khổ thực tiễn của địa phương, nhằm đáp ứng lợi ích của Nhân dân địa phương thì gần như chưa được triển khai thực hiện. Trong giai đoạn mới, đứng trước yêu cầu, mục tiêu đặt ra cho cấp ủy cấp xã là thực hiện tốt phương châm dân chủ mà Đại hội Đảng lần thứ XIII đã đề ra "Dân biết, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng", đồng thời đổi mới phương thức lãnh đạo với phương châm "Lắng nghe, tiếp nhận, hành động". Để thực hiện tốt phương châm hành động, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định, cấp ủy đảng cấp xã cần đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng cụ thể, thiết thực. Lấy thực tiễn địa phương cơ sở, khảo sát đánh giá thực trạng tình hình kinh tế - xã hội, thường xuyên trưng cầu ý kiến Nhân dân trước khi thảo luận cho ý kiến ban hành các chủ trương, chính sách ở địa phương.

Thứ hai, nâng cao năng lực lãnh đạo và cầm quyền một cách dân chủ, khoa học, sáng tạo trên cơ sở nguyên tắc chung, phù hợp với quy định của Trung ương và Điều lệ Đảng. Xác định các nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá chiến lược phù hợp với khả năng thực hiện của địa phương. Trong xây dựng chương trình công tác của ban thường vụ, ban chấp hành cần xác định rõ nội dung, nhiệm vụ cụ thể theo từng nhóm, lĩnh vực về xây dựng đảng, phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh. Coi trọng và phát huy dân chủ, trí tuệ ngay trong đảng ủy để tạo sự đồng thuận, thống nhất cao khi ban hành các chủ trương, quyết sách phù hợp với nguyện vọng của nhân dân. Trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp, với tinh thần là địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm, do đó ban thường vụ, ban chấp hành cấp ủy cấp xã cần chủ động nghiên cứu thấu đáo những nội dung cần ưu tiên để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt đem lại hiệu quả cụ thể, thiết thực phù hợp với lợi ích của nhân dân.

Thứ ba, thường xuyên tổ chức khảo sát đánh giá toàn diện các mặt công tác của đảng ủy, nhất là những vấn đề khó khăn, vướng mắc, những vấn đề nổi cộm phát sinh hoặc kéo dài ngay từ cơ sở được Nhân dân quan tâm, phản ánh, kiến nghị qua nhiều nhiệm kỳ. Phân công trách nhiệm, phụ trách lĩnh vực và địa bàn cụ thể cho từng đồng chí trong thường vụ đảng ủy, ủy viên ban chấp hành đảng bộ, chủ động bám sát các thôn, xóm, tổ dân phố để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân làm cơ sở cho việc xây dựng và thực thi các chủ trương của đảng ủy. Tăng cường tổ chức các phiên tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn nhằm phát huy dân chủ, trí tuệ của cộng đồng nhân dân đóng góp quan trọng vào công tác xây dựng đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở.

Thứ tư, làm tốt công tác xây dựng đảng về tổ chức cán bộ, định hình và cơ cấu lại các chi bộ trực thuộc đảng ủy cấp xã một cách khoa học, tinh gọn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quyền hạn mới. Trong mô hình mới cùng với việc sáp nhập các xã, phường, số lượng các tổ chức đảng và đảng viên trực thuộc các đảng bộ xã, phường rất lớn. Để lãnh đạo, chỉ đạo điều hành các tổ chức đảng cấp dưới một cách có hiệu quả, đòi hỏi phải xây dựng và bố trí hợp lý đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có năng lực, kinh nghiệm, am hiểu địa phương cơ cấu tham gia giữ các chức vụ quan trọng trong bộ máy mới. Kịp thời tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý từ đảng ủy xã đến tận các thôn xóm, tổ dân phố, nhất là kiến thức, kỹ năng xử lý các tình huống chính trị từ cơ sở.

Chú thích:

(1). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 6, tr. 232.

PHÁT HUY TINH THẦN DÁM NGHĨ, DÁM LÀM, DÁM CHỊU TRÁCH NHIỆM CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT CÁC PHƯỜNG Ở HÀ TĨNH TRONG ĐIỀU KIỆN PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN MẠNH MẼ

❄ ThS. CHU THỊ THU HUYỀN
Phó Trưởng phòng QLĐT, BD & NCKH

***Tóm tắt:** Thực hiện chủ trương của Đảng về sắp xếp tổ chức chính quyền địa phương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tỉnh Hà Tĩnh đang đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa chính quyền cấp tỉnh và xã. Việc phân cấp, phân quyền mạnh mẽ mang lại tính chủ động, linh hoạt cao cho cơ sở, nhưng đồng thời cũng đặt lên vai đội ngũ cán bộ chủ chốt các phường áp lực rất lớn về trách nhiệm pháp lý và hiệu quả quản trị đô thị. Do đó, việc nghiên cứu, đề xuất hệ thống giải pháp nhằm phát huy tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung của cán bộ chủ chốt các phường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh hiện nay có ý nghĩa lý luận, thực tiễn và tính ứng dụng cấp thiết.*

Trong tiến trình đổi mới và hội nhập sâu rộng, việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật tại cấp cơ sở là đòi hỏi khách quan, cấp thiết. Theo đó, xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý tạo động lực bảo vệ cán bộ cấp cơ sở trong giai đoạn hiện nay. Khung pháp lý đóng vai trò then chốt, vừa là cơ sở thẩm quyền, vừa là "hành lang an toàn" để đội ngũ cán bộ chủ chốt xã, phường chủ động, sáng tạo trong thực thi công vụ. Thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng, nổi bật là Kết luận số 14-KL/TW của Bộ Chính trị và Nghị định số 73/2023/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Việc thể chế hóa các quy định này đã tạo động lực chính trị và pháp lý mạnh mẽ, giải tỏa phần nào tâm lý lo ngại rủi ro, co cụm, trì trệ ở cấp cơ sở. Đối với địa phương như Hà Tĩnh, các văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế đặc thù được ban hành thời gian qua đã tạo điều kiện thuận lợi để địa phương chủ động cụ thể hóa thẩm quyền, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết hiệu quả các bài toán thực tiễn phát sinh từ cơ sở.

Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng, hệ thống pháp luật hiện hành vẫn còn những khoảng trống và điểm nghẽn nhất định. Ranh giới giữa "sự đổi mới, sáng tạo vì lợi ích chung" và "vi phạm quy định do thiếu hướng dẫn" trong một số trường hợp còn mỏng mong và chưa thực sự rõ ràng. Một số quy định phân cấp, phân quyền chưa đồng bộ với cơ chế kiểm soát quyền lực và nguồn lực thực hiện, dẫn đến tình trạng cán bộ cấp cơ sở còn lúng túng hoặc chưa tự tin trong quyết định các vấn đề mới, việc khó, việc chưa có tiền lệ. Để giải quyết bài toán này, việc hoàn thiện khung pháp

lý trong thời gian tới cần tập trung vào ba định hướng trọng tâm. *Một là,* tiếp tục cụ thể hóa các tiêu chí xác định hành vi "vì lợi ích chung" và quy trình đánh giá rủi ro trong thi hành công vụ, tạo cơ chế bảo vệ pháp lý rõ ràng, minh bạch cho cán bộ ngay từ khâu đề xuất thí điểm. *Hai là,* đẩy mạnh phân cấp, phân quyền triệt để đi đôi với giao quyền tự chủ cao hơn cho cấp cơ sở, đồng thời chuẩn hóa quy trình tháo gỡ khó khăn khi gặp vướng mắc về cơ chế. *Ba là,* ban hành các hướng dẫn thi hành mang tính thực tiễn cao, sát với đặc thù quản lý địa phương, giúp đội ngũ cán bộ chủ chốt vững tâm đổi mới, quyết đoán trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả bộ máy hành chính nhà nước ở cơ sở.

Việc phân cấp, phân quyền có tác động hai mặt của đối với cán bộ chủ chốt các phường trong mô hình chính quyền mới. Phân cấp, phân quyền là xu thế quản trị tất yếu nhằm tinh gọn bộ máy, triệt tiêu tầng nấc trung gian và tối ưu hóa hiệu lực điều hành của chính quyền. Trong bối cảnh tỉnh Hà Tĩnh vận hành mô hình quản trị mới - chính quyền tỉnh quản lý trực tiếp 69 xã, phường và không còn cấp trung gian - việc giao quyền tự chủ trực tiếp về cho cấp cơ sở vừa tạo ra bước ngoặt lớn, vừa đặt ra yêu cầu rất cao đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt các phường.

Về mặt tích cực, việc phân cấp triệt để trao cho Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường thẩm quyền cùng không gian tự chủ rộng mở để chủ động quyết định các vấn đề phát sinh tức thì trên địa bàn. Việc loại bỏ cấp trung gian giúp rút ngắn tối đa thời gian xử lý thủ tục hành chính, giải quyết nhanh gọn các phản ánh của người dân và doanh nghiệp. Quan trọng hơn, cơ chế này giải phóng sức sáng tạo, khuyến khích người đứng đầu các phường chủ động áp dụng các mô hình quản trị hiện đại, phát huy tư duy đổi mới và tinh thần kiến tạo phát triển tại địa phương.

Ở chiều ngược lại, việc phân cấp trực tiếp từ tỉnh xuống phường đồng nghĩa với áp lực và trách nhiệm pháp lý dồn trực tiếp về cấp cơ sở. Thực tiễn quản lý đô thị tại các phường trọng điểm trên địa bàn tỉnh vốn mang tính chất phức tạp, mật độ dân cư cao, tiềm ẩn nhiều nguy cơ xung đột lợi ích liên quan đến đất đai, trật tự xây dựng và giải phóng mặt bằng. Khi không còn cấp trung gian làm "màng lọc" thẩm định hay chia sẻ trách nhiệm, rủi ro pháp lý sẽ đặt trực tiếp lên vai người đứng đầu các phường. Trong điều kiện thể chế đang trong quá trình hoàn thiện, ranh giới giữa "sự vận dụng linh hoạt, đột phá vì lợi ích chung" và "vi phạm quy định" trở nên vô cùng mong mỏng. Điều này dễ dẫn đến tâm lý co cụm, e ngại, ưu tiên "an toàn quy trình" hơn là hiệu quả công việc ở một bộ phận cán bộ cơ sở. Chính vì vậy, để việc phân cấp, phân quyền trong mô hình chính quyền mới thực sự phát huy hiệu quả, việc hoàn thiện hành lang pháp lý đồng bộ, ban hành hướng dẫn chuẩn hóa và thiết lập cơ chế bảo vệ cán bộ tại chỗ là điều kiện tiên quyết giúp cán bộ chủ chốt các phường vững tâm quyết đoán và sáng tạo trong thi hành công vụ.

Trong bối cảnh Hà Tĩnh vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp, tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ chủ chốt các phường càng trở thành yếu tố then chốt, quyết định hiệu lực, hiệu quả điều hành. Thời gian qua, dưới sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy và việc thể chế hóa các quy định của Trung ương phù hợp với đặc thù địa phương, đội ngũ cán bộ chủ chốt các phường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đã thể hiện sự trưởng thành vượt bậc về bản lĩnh chính trị và năng lực thực thi công vụ. Trước hết, trong công tác giải phóng mặt bằng và xử lý các điểm nóng dân sinh, nhiều đồng chí Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường

tại các địa bàn đô thị trọng điểm đã quyết đoán, linh hoạt trong vận dụng cơ chế. Bám sát phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng", người đứng đầu các phường đã trực tiếp đối thoại, thực hiện hiệu quả công tác dân vận chính quyền, đưa ra giải pháp vận động sát hợp với thực tiễn, giải quyết dứt điểm nhiều tồn đọng kéo dài tại các dự án phát triển hạ tầng và chỉnh trang đô thị. Bên cạnh đó, trong lĩnh vực chuyển đổi số và cải cách hành chính, cán bộ chủ chốt tại nhiều phường đã chủ động đăng ký các mô hình thí điểm đột phá như "Phường thông minh", "Ngày không viết, ngày không hẹn", đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Việc chủ động ứng dụng công nghệ thông tin và tinh gọn quy trình giải quyết thủ tục hành chính tại các phường đã rút ngắn thời gian xử lý công việc, nâng cao rõ rệt chỉ số hài lòng của người dân và doanh nghiệp, khẳng định vai trò kiến tạo của chính quyền cơ sở.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn thi hành công vụ tại các phường vẫn bộc lộ một số hạn chế, đòi hỏi phải nhận diện thẳng thắn và xử lý triệt để như: *Thứ nhất,* là tâm lý phòng thủ, "co cụm" ở một bộ phận cán bộ. Khi triển khai mô hình quản lý mới, một số cán bộ chủ chốt các phường còn e ngại, không dám quyết định các nội dung đã được phân cấp rõ ràng mà thường xuyên gửi văn bản "xin ý kiến" các sở, ngành cấp tỉnh nhằm đùn đẩy trách nhiệm. Nguyên nhân cốt lõi của tình trạng này bắt nguồn từ hệ thống thể chế, quy định pháp luật ở một số lĩnh vực phức tạp như đất đai, đầu tư, tài chính - ngân sách còn nhiều điểm chồng chéo, chưa tạo được "hành lang an toàn" thực sự rõ ràng để cán bộ yên tâm dấn thân. *Thứ hai,* là sự dè chừng trong xử lý các vi phạm trật tự đô thị. Một số nơi xuất hiện hiện tượng né tránh, đùn đẩy việc xử lý các sai phạm về trật tự xây dựng, lấn chiếm đất đai do sợ va chạm hoặc lo ảnh hưởng đến kết quả đánh giá tín nhiệm cá nhân. Nguyên nhân trực tiếp là do cơ chế bảo vệ cán bộ khi bị khiếu kiện, khiếu nại phức tạp chưa đủ mạnh mẽ, thiếu các quy định chi tiết để loại trừ rủi ro cho người làm đúng nhưng chịu áp lực từ dư luận tiêu cực. *Thứ ba,* là hiện tượng linh hoạt chệch hướng ở một vài trường hợp cá biệt. Một số ít cán bộ nhân danh "đổi mới, sáng tạo" nhưng thực chất lại vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, lách luật, thiếu công tâm và lồng ghép ý chí cá nhân. Nguyên nhân của tồn tại này là do công tác kiểm tra, giám sát và cơ chế kiểm soát quyền lực chưa theo kịp tốc độ phân cấp, phân quyền, thiếu các tiêu chí định lượng để phân biệt giữa "đột phá vì lợi ích chung" và "cố ý làm trái vì động cơ cá nhân".

Thực trạng hai mặt nêu trên cho thấy, để giải phóng hoàn toàn sức sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của cán bộ chủ chốt các phường tại Hà Tĩnh, việc tiếp tục cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo của Trung ương và Tỉnh ủy thành các quy trình bảo vệ, kiểm soát minh bạch, khả thi là nhiệm vụ mang tính chiến lược trong giai đoạn hiện nay. Theo đó, cần có một hệ thống giải pháp đột phá nâng cao bản lĩnh cán bộ chủ chốt các phường tại Hà Tĩnh, để cán bộ thực sự yên tâm "dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm" trong điều kiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ:

Một là, cụ thể hóa hành lang pháp lý và cơ chế bảo vệ cán bộ tại địa phương. Để giải quyết triệt để tâm lý e ngại, "co cụm" và tạo niềm tin vững chắc cho đội ngũ cán bộ chủ chốt các phường chủ động, quyết đoán trong mô hình quản trị mới, việc cụ thể hóa các quy định của Trung ương thành hành lang pháp lý minh bạch tại địa phương là giải pháp mang tính đột phá và cấp thiết. Trước hết, Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh cần nhanh chóng thể chế hóa Kết luận số 14-KL/TW của Bộ Chính trị và Nghị định số 73/2023/NĐ-CP

của Chính phủ thành bộ quy trình vận hành đồng bộ, rõ ràng trên địa bàn toàn tỉnh. Địa phương cần ban hành Hướng dẫn chi tiết quy định rõ thẩm quyền, trình tự từ khâu đề xuất, thẩm định đến phê duyệt và triển khai các ý tưởng đổi mới, sáng tạo của cán bộ cấp phường. Việc ban hành quy trình chuẩn hóa không chỉ rút ngắn thời gian phê duyệt các đề xuất thí điểm, mở đường cho các mô hình đột phá về cải cách hành chính, quản lý đô thị hay phát triển kinh tế - xã hội cơ sở, mà quan trọng hơn là xác lập ngay từ đầu "tính hợp pháp" và sự thừa nhận của cấp ủy, chính quyền cấp tỉnh đối với các nỗ lực dấn thân của cán bộ. Cùng với quy trình phê duyệt, giải pháp cốt lõi nằm ở việc phân định ranh giới pháp lý minh bạch giữa động cơ công tâm vì lợi ích chung và hành vi cố ý làm trái. Hệ thống quy định của tỉnh cần thể hiện rõ hai nguyên tắc xử lý nhất quán: Trường hợp cán bộ chủ chốt các phường chủ động đổi mới, vận dụng linh hoạt các giải pháp nhằm tháo gỡ điểm nghẽn địa phương, đã tuân thủ đúng quy trình báo cáo, xin ý kiến cấp ủy nhưng trong quá trình tổ chức thực hiện gặp rủi ro, thiệt hại ngoài dự kiến do hoàn cảnh khách quan hoặc khoảng trống pháp lý, cơ quan có thẩm quyền phải áp dụng cơ chế loại trừ, miễn hoặc giảm nhẹ trách nhiệm theo đúng tinh thần Nghị định 73/2023/NĐ-CP. Việc bảo vệ phải được thực hiện bằng các cam kết pháp lý cụ thể, bảo vệ cả về uy tín, vị trí công tác và sinh mệnh chính trị của cán bộ. Cần thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực chặt chẽ. Mọi trường hợp nhân danh "sáng tạo", "đột phá" nhưng thực chất là vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, lách luật vì lợi ích nhóm, tham nhũng, tiêu cực hay vụ lợi cá nhân đều phải bị phát hiện sớm và xử lý nghiêm minh theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Việc phân định rành mạch, công tâm giữa "rủi ro trong sáng tạo" và "cố ý vi phạm" chính là chìa khóa tháo gỡ điểm nghẽn thể chế, vừa tạo "hành lang an toàn" để cán bộ chủ chốt các phường yên tâm cống hiến, vừa duy trì kỷ cương, kỷ luật nghiêm minh trong bộ máy hành chính nhà nước ở cơ sở.

Hai là, hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền gắn với cá thể hóa trách nhiệm. Cùng với việc xây dựng hành lang pháp lý bảo vệ cán bộ, việc hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền gắn với cá thể hóa trách nhiệm là giải pháp then chốt nhằm phát huy tối đa tính chủ động, nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành của bộ máy chính quyền các phường tại Hà Tĩnh. Trước hết, cấp tỉnh cần tiến hành rà soát toàn bộ danh mục phân cấp, phân quyền cho chính quyền cơ sở theo nguyên tắc xuyên suốt: "Việc gì cơ sở làm tốt hơn, sát dân hơn thì giao triệt để cho cơ sở". Quá trình phân cấp phải được thể chế hóa rành mạch, làm rõ thẩm quyền và trách nhiệm của từng vị trí công tác, đặc biệt là người đứng đầu cấp ủy và chính quyền các phường, khắc phục triệt để tình trạng chồng chéo hoặc khoảng trống quản lý. Đáng chú ý, việc giao thẩm quyền phải luôn đi đôi với bảo đảm các điều kiện thực hiện. Cấp tỉnh cần đồng bộ giao nguồn lực tương ứng, bao gồm phân bổ ngân sách, tự chủ tài chính, bổ sung biên chế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hiện đại hóa hạ tầng số tại các phường. Việc bảo đảm đầy đủ nguồn lực không chỉ giúp chính quyền các phường chủ động thực thi nhiệm vụ được giao mà còn là cơ sở để cá thể hóa trách nhiệm, tránh tình trạng "giao việc nhưng không giao quyền và nguồn lực" khiến cơ sở lúng túng, thụ động.

Bên cạnh đó, giải pháp mang tính đột phá là xây dựng Bộ chỉ số đánh giá cán bộ chủ chốt các phường theo sản phẩm công việc cụ thể (KPIs), chuyển đổi mạnh mẽ công tác đánh giá cán bộ từ định tính sang định lượng. Hệ thống chỉ số này cần tập trung đo lường hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, mức độ hài lòng của người dân, kết quả xử lý các điểm nóng dân sinh và

năng lực quản trị địa bàn. Đặc biệt, Tỉnh ủy cần đưa chỉ số "Số lượng đề án, mô hình, ý tưởng đổi mới sáng tạo được thẩm định và áp dụng mang lại hiệu quả thực tiễn" thành một tiêu chí cứng trong cấu trúc đánh giá. Việc lấy kết quả thực hiện sản phẩm cụ thể và tinh thần dấn thân làm thước đo trực tiếp để xếp loại chất lượng, quy hoạch, đào tạo và bổ nhiệm sẽ tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh. Đây chính là động lực mạnh mẽ thúc đẩy đội ngũ cán bộ chủ chốt các phường từ bỏ tư duy an toàn, chủ động tìm tòi giải pháp mới, quyết đoán trong chỉ đạo để tạo ra những chuyển biến tích cực, rõ nét tại địa phương.

Thứ ba, đổi mới công tác kiểm tra, giám sát và thẩm định từ cấp trên. Cùng với việc tạo hành hành lang pháp lý và môi trường khuyến khích, việc đổi mới tư duy, phương thức kiểm tra, giám sát của cấp tỉnh có vai trò quyết định trong việc giải tỏa áp lực và bảo đảm an toàn cho cán bộ chủ chốt các phường khi thực thi các nhiệm vụ đổi mới, sáng tạo. Trước hết, cần thực hiện bước chuyển dịch căn bản từ tư duy "tiền kiểm" thụ động sang phương thức "hậu kiểm" có sự đồng hành, hướng dẫn sát sao từ cấp trên. Cơ quan kiểm tra, thanh tra chuyên ngành cấp tỉnh không chỉ đóng vai trò kiểm soát hay chờ đợi phát hiện vi phạm để xử lý, mà phải chuyển mạnh sang vai trò chủ động tham gia cố vấn, cảnh báo sớm các rủi ro pháp lý cho cán bộ cơ sở. Ngay từ giai đoạn xây dựng đề án hay triển khai các việc mới, việc khó, việc chưa có tiền lệ tại cấp phường, các cơ quan chức năng cấp tỉnh cần chủ động đồng hành, thẩm định kỹ lưỡng và đưa ra các khuyến nghị phòng ngừa rủi ro. Phương thức giám sát chủ động này giúp chính quyền cấp phường vừa phát huy tối đa tính năng động, quyết đoán trong quản trị địa bàn, vừa vận hành đúng quy định, triệt tiêu nguy cơ vi phạm do thiếu thông tin hay lúng túng về mặt thể chế.

Bên cạnh đó, quá trình thanh tra, kiểm tra cần triệt để tuân thủ nguyên tắc khách quan, công tâm, tuyệt đối tránh tư duy cứng nhắc, máy móc hoặc "hình sự hóa" các sai sót mang tính kỹ thuật, nghiệp vụ. Khi đánh giá các vướng mắc hay rủi ro phát sinh trong quá trình thực hiện giải pháp đổi mới tại các phường, cơ quan kiểm tra cần đặt việc xem xét trong một bối cảnh lịch sử cụ thể, phân tích toàn diện giữa động cơ công tác công tâm và kết quả tổng thể mang lại cho lợi ích chung. Việc rạch ròi giữa những thiếu sót vô tình về mặt quy trình, thủ tục với các hành vi cố ý làm trái hay vụ lợi cá nhân sẽ tạo ra điểm tựa niềm tin vững chắc, giúp cán bộ chủ chốt các phường an tâm cống hiến, giải tỏa triệt để tâm lý e ngại, an toàn co cụm trong thi hành công vụ.

Bốn là, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị đô thị và bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ chủ chốt các phường. Bên cạnh việc hoàn thiện thể chế và cơ chế phân cấp, nâng cao năng lực thực thi công vụ cho đội ngũ cán bộ chủ chốt các phường là giải pháp căn cơ, có tính chất quyết định để tinh thần dám nghĩ, dám làm trở thành năng lực thực tế. Để đáp ứng yêu cầu đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Chính trị Trần Phú cần được đổi mới toàn diện, sát với yêu cầu thực tiễn của cơ sở. Trước hết, Trường Chính trị Trần Phú cần chủ động phối hợp chặt chẽ với Ban Tổ chức Tỉnh ủy rà soát, đổi mới cấu trúc chương trình bồi dưỡng theo hướng "thực chiến", tập trung giải quyết trực tiếp các bài toán khó tại địa phương. Chương trình đào tạo cần bổ sung và nâng tầm các chuyên đề kỹ năng cốt lõi bao gồm: Kỹ năng nhận diện và quản trị rủi ro pháp lý trong điều kiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ; Kỹ năng xử lý khủng hoảng truyền thông và quản trị dư luận xã hội trong thời đại số; cùng Kỹ năng đối thoại, vận dụng cơ chế

giải quyết các điểm nóng về trật tự đô thị, quản lý đất đai và giải phóng mặt bằng. Việc trang bị hệ thống kỹ năng này giúp người đứng đầu cấp phường vững vàng về pháp lý, linh hoạt trong ứng xử và đủ bản lĩnh xử lý hiệu quả các tình huống phát sinh phức tạp tại cơ sở.

Song song với đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy cần có bước chuyển dịch mạnh mẽ từ truyền đạt lý luận đơn thuần sang tương tác, giải quyết bài tập tình huống thực tế. Theo đó, Trường Chính trị Trần Phú cần chủ động tổng hợp các "bài học kinh nghiệm" - bao gồm cả những mô hình đổi mới thành công và những thất bại, vướng mắc trong thực tiễn điều hành tại 69 xã, phường trên địa bàn toàn tỉnh Hà Tĩnh - để đưa vào bộ hồ sơ tình huống giảng dạy. Thông qua các buổi thảo luận nhóm, đóng vai xử lý tình huống và tranh luận phản biện, người học không chỉ được "mổ xẻ" bản chất vấn đề, nhận diện các ranh giới rủi ro pháp lý mà còn rèn luyện tư duy độc lập, tích lũy phản xạ quản trị. Đây chính là khâu đột phá nhằm chuẩn hóa năng lực, tiếp thêm tự tin và bản lĩnh để đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp phường sẵn sàng đón nhận thẩm quyền mới, quyết đoán hành động vì sự phát triển chung của địa phương.

Năm là, xây dựng môi trường văn hóa công vụ và tạo động lực thực thi cho cán bộ chủ chốt các phường. Bên cạnh các yếu tố về thể chế, năng lực thực thi và cơ chế phân cấp, việc xây dựng một môi trường văn hóa công vụ lành mạnh, tạo dựng tinh thần "tự do sáng tạo trong khuôn khổ kỷ cương" có ý nghĩa quyết định trong việc khơi dậy khát vọng cống hiến của đội ngũ cán bộ chủ chốt các phường. Trong mô hình quản trị mới tại Hà Tĩnh, khi áp lực công việc gia tăng và không còn các cấp trung gian chia sẻ, cấp ủy và lãnh đạo cấp tỉnh phải thực sự là điểm tựa tinh thần và pháp lý vững chắc, luôn sẵn sàng "gánh vác rủi ro cùng cơ sở" khi cán bộ chủ chốt dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung. Sự đồng hành, bảo vệ và thấu hiểu đúng lúc của cấp trên trước những vướng mắc khách quan chính là "lá chắn" tinh thần vững chắc, giúp người đứng đầu cấp phường vượt qua nỗi sợ trách nhiệm, mạnh dạn dấn thân giải quyết dứt điểm các điểm nghẽn, việc khó tại địa bàn. Song song với điểm tựa bảo vệ, công tác thi đua, khen thưởng cần phải được đổi mới thực chất, kịp thời và đúng người đúng việc. Tỉnh ủy và các cấp ủy trực thuộc cần duy trì cơ chế định kỳ tôn vinh, biểu dương những đồng chí Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường có tư duy đổi mới, sở hữu các mô hình, giải pháp sáng tạo mang lại giá trị thực tiễn cao cho sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Việc kịp thời ghi nhận, vinh danh những tấm gương điển hình không chỉ lan tỏa năng lượng tích cực trong toàn hệ thống chính trị mà còn tạo động lực to lớn, biến khát vọng đổi mới thành phong trào hành động sâu rộng, thiết thực trong toàn tỉnh.

Khuyến khích và bảo vệ tinh thần "dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm" của cán bộ chủ chốt các phường không phải là tạo đặc quyền hay dung túng cho việc làm ẩu, làm liều. Đó là giải pháp căn cơ nhằm giải phóng sức sản xuất của bộ máy hành chính, khơi dậy nguồn lực đổi mới sáng tạo từ cơ sở trong điều kiện đẩy mạnh phân cấp, phân quyền. Thực hiện đồng bộ các giải pháp trên không chỉ giúp đội ngũ cán bộ chủ chốt các phường ở Hà Tĩnh tự tin, bản lĩnh, phát huy tối đa năng lực quản trị đô thị, mà còn tạo động lực quan trọng để xây dựng chính quyền địa phương tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đóng góp trực tiếp vào mục tiêu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh Hà Tĩnh trong thời kỳ mới./.

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG Ở CẤP XÃ HIỆN NAY - YÊU CẦU KHÁCH QUAN VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP

❄ ThS. VÕ THANH CƯỜNG
Giảng viên phòng QLĐT, BD & NCKH

***Tóm tắt:** Chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay đang tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội và của hệ thống chính trị. Trong công tác xây dựng Đảng, chuyển đổi số không chỉ là việc ứng dụng công nghệ thông tin nhằm hiện đại hóa quy trình quản lý, điều hành mà còn là yêu cầu khách quan để đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của tổ chức đảng trong tình hình mới. Đặc biệt, sau khi thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức mô hình chính quyền địa phương hai cấp, quy mô quản lý ở cấp xã có nhiều thay đổi, đặt ra yêu cầu phải đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động của cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên.*

Sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ đang tạo ra những biến đổi sâu sắc trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Chuyển đổi số vì vậy không còn là xu hướng mang tính lựa chọn mà đã trở thành yêu cầu tất yếu đối với mọi tổ chức và mọi lĩnh vực hoạt động. Nhận thức rõ xu thế đó, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết và chương trình hành động quan trọng nhằm thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia. Đặc biệt, Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã khẳng định chuyển đổi số là một trong những động lực quan trọng của quá trình phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Chủ trương này không chỉ đặt ra yêu cầu đổi mới hoạt động quản lý nhà nước mà còn đòi hỏi đổi mới toàn diện phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng tổ chức đảng thích ứng với môi trường số, nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Trong bối cảnh thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, cấp xã trở thành cấp trực tiếp triển khai nhiều nhiệm vụ chính trị với phạm vi quản lý rộng hơn, số lượng đảng viên và tổ chức đảng tăng lên, yêu cầu phối hợp, điều hành và xử lý công việc ngày càng cao. Nếu vẫn duy trì phương thức quản lý truyền thống sẽ khó đáp ứng yêu cầu thực tiễn, ảnh hưởng đến chất lượng lãnh đạo và hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng. Vì vậy, chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng ở cấp xã là yêu cầu khách quan, cấp thiết nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo, tăng cường năng lực quản trị, xây dựng tổ chức cơ sở đảng

trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên số.

Trước hết, chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng xuất phát từ yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện phát triển mới của đất nước hiện nay. Muốn thực hiện được yêu cầu đó, không thể tiếp tục duy trì phương thức quản lý truyền thống chủ yếu dựa trên hồ sơ giấy, quy trình thủ công và trao đổi thông tin theo phương thức hành chính thông thường. Chuyển đổi số tạo điều kiện để các cấp ủy khai thác dữ liệu phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đưa ra quyết định trên cơ sở thông tin đầy đủ, kịp thời và có căn cứ khoa học hơn. Đây chính là bước chuyển từ phương thức quản lý hành chính sang quản trị hiện đại dựa trên dữ liệu, góp phần nâng cao chất lượng lãnh đạo của tổ chức đảng.

Các nghị quyết, kết luận của Trung ương và Bộ Chính trị đều nhấn mạnh yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực quan trọng để xây dựng nền hành chính hiện đại, phát triển kinh tế số, xã hội số và công dân số. Đặc biệt, Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã xác định chuyển đổi số phải được triển khai đồng bộ trong toàn hệ thống chính trị, trong đó tổ chức đảng các cấp giữ vai trò lãnh đạo, định hướng và tổ chức thực hiện. Điều đó cho thấy chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng không còn là nhiệm vụ mang tính khuyến khích mà đã trở thành yêu cầu tất yếu nhằm hiện thực hóa chủ trương của Đảng trong giai đoạn phát triển mới.

Đối với cấp xã, yêu cầu chuyển đổi số càng trở nên cấp thiết khi thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Sau sắp xếp, quy mô địa bàn quản lý rộng hơn, số lượng dân cư, tổ chức đảng và đảng viên tăng lên, khối lượng công việc của cấp ủy cơ sở ngày càng lớn và phức tạp. Nếu vẫn duy trì phương thức điều hành truyền thống, việc quản lý hồ sơ đảng viên, công tác tổ chức, kiểm tra, giám sát, dân vận và tổng hợp báo cáo sẽ mất nhiều thời gian, dễ phát sinh sai sót và khó đáp ứng yêu cầu chỉ đạo nhanh chóng, chính xác. Trong khi đó, việc ứng dụng các nền tảng số, cơ sở dữ liệu tập trung và hệ thống quản lý điện tử giúp cấp ủy xử lý công việc theo thời gian thực, giảm đáng kể thủ tục hành chính, đồng thời nâng cao tính công khai, minh bạch và khả năng kiểm soát trong toàn bộ quy trình công tác.

Thực tiễn triển khai chuyển đổi số ở nhiều địa phương thời gian qua cho thấy việc số hóa dữ liệu đảng viên, ứng dụng phần mềm quản lý văn bản, điều hành tác nghiệp điện tử, tổ chức hội nghị trực tuyến, sử dụng chữ ký số và xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác tổ chức đã góp phần nâng cao chất lượng lãnh đạo của cấp ủy, rút ngắn thời gian xử lý công việc và giảm đáng kể chi phí hành chính. Những kết quả đó khẳng định chuyển đổi số không chỉ là giải pháp kỹ thuật mà còn tạo ra sự thay đổi căn bản trong phương thức làm việc của tổ chức đảng, hướng tới nền quản trị hiện đại, hiệu quả và minh bạch hơn.

Ngoài ra, chuyển đổi số còn góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có tư duy đổi mới, tác phong làm việc hiện đại và năng lực thích ứng với môi trường số. Quá trình ứng dụng công nghệ số đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên cập nhật kiến thức, nâng cao kỹ năng số và

đổi mới phương pháp làm việc. Đây cũng là động lực quan trọng thúc đẩy cải cách hành chính trong Đảng, xây dựng phong cách lãnh đạo khoa học, gần dân, sát dân và phục vụ nhân dân hiệu quả hơn.

Có thể khẳng định rằng, chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng ở cấp xã là yêu cầu khách quan bắt nguồn từ sự phát triển của khoa học, công nghệ, từ yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và từ thực tiễn hoạt động của tổ chức cơ sở đảng trong giai đoạn hiện nay. Đây không chỉ là quá trình ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cấp ủy mà còn là sự đổi mới toàn diện về tư duy lãnh đạo, phương thức quản trị và cách thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị. Thực hiện hiệu quả chuyển đổi số sẽ góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở ngày càng tinh gọn, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Vai trò của chuyển đổi số đối với đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng cấp xã hiện nay. Trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển chính quyền số và xã hội số, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là yêu cầu khách quan nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Đối với tổ chức đảng cấp xã - cấp gần dân nhất, trực tiếp tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước - chuyển đổi số không chỉ là việc ứng dụng công nghệ trong xử lý công việc mà còn là động lực quan trọng thúc đẩy đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng khoa học, hiện đại, công khai và minh bạch, góp phần nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy thông qua việc hình thành phương thức điều hành dựa trên dữ liệu số.

Đối với cấp xã, nơi khối lượng công việc ngày càng tăng sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức mô hình chính quyền địa phương hai cấp, việc ứng dụng các hệ thống quản lý văn bản điện tử, chữ ký số, sổ tay đảng viên, lịch công tác điện tử và điều hành trực tuyến giúp rút ngắn đáng kể thời gian xử lý công việc, đồng thời tăng cường tính phối hợp giữa cấp ủy với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Chuyển đổi số cũng góp phần đổi mới phương thức tổ chức và quản lý công tác xây dựng Đảng. Trong nhiều năm, công tác quản lý hồ sơ đảng viên, cập nhật lý lịch, theo dõi quá trình sinh hoạt, đánh giá, phân loại tổ chức đảng và đảng viên chủ yếu thực hiện bằng hồ sơ giấy, dẫn đến việc tra cứu, tổng hợp và khai thác thông tin còn mất nhiều thời gian. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu số về đảng viên và tổ chức đảng không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý mà còn tạo điều kiện để cấp ủy theo dõi đầy đủ quá trình công tác, kết quả thực hiện nhiệm vụ và quá trình rèn luyện của từng đảng viên. Điều này góp phần nâng cao tính khách quan trong đánh giá cán bộ, đảng viên, đồng thời hỗ trợ công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ trên cơ sở dữ liệu thống nhất.

Một trong những vai trò nổi bật của chuyển đổi số là nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ và công tác kiểm tra, giám sát. Việc sử dụng các phần mềm quản lý công việc, kho tài liệu điện tử, hệ thống họp trực tuyến và chia sẻ dữ liệu giúp nội dung sinh hoạt được chuẩn bị kỹ lưỡng hơn, giảm thời gian dành cho các công việc hành chính, dành nhiều thời gian

hơn cho thảo luận các giải pháp thực hiện nhiệm vụ chính trị. Trong những trường hợp cần thiết, đặc biệt đối với các địa bàn rộng hoặc có điều kiện đặc thù, việc ứng dụng hình thức họp trực tuyến theo quy định cũng góp phần bảo đảm tính kịp thời trong lãnh đạo, chỉ đạo.

Đối với công tác kiểm tra, giám sát, chuyển đổi số tạo điều kiện để các cấp ủy theo dõi tiến độ thực hiện nghị quyết, chương trình công tác và nhiệm vụ của từng tổ chức, cá nhân thông qua hệ thống dữ liệu điện tử. Việc lưu trữ hồ sơ, báo cáo, kết quả kiểm tra trên nền tảng số giúp nâng cao tính minh bạch, tạo thuận lợi cho việc tra cứu, đối chiếu và đánh giá. Quan trọng hơn, dữ liệu số còn hỗ trợ phát hiện sớm những dấu hiệu bất thường, những lĩnh vực có nguy cơ phát sinh vi phạm để cấp ủy chủ động kiểm tra, giám sát, góp phần phòng ngừa sai phạm ngay từ cơ sở.

Chuyển đổi số còn mở ra phương thức mới để tổ chức đảng tăng cường mối quan hệ mật thiết với Nhân dân. Trong bối cảnh mạng xã hội và các nền tảng số ngày càng trở thành kênh thông tin phổ biến, việc nắm bắt dư luận xã hội không thể chỉ dựa vào các cuộc tiếp xúc trực tiếp hoặc báo cáo định kỳ. Thông qua các nền tảng số, cấp ủy có điều kiện tiếp nhận thông tin đa chiều, lắng nghe ý kiến của người dân, kịp thời phát hiện những vấn đề nổi lên ở cơ sở để chỉ đạo giải quyết. Đồng thời, việc chủ động cung cấp thông tin chính thống trên môi trường số cũng góp phần định hướng dư luận, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chính quyền.

Có thể khẳng định, chuyển đổi số đang từng bước làm thay đổi phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng cấp xã theo hướng hiện đại, khoa học và hiệu quả hơn. Đó không phải là sự thay đổi mục tiêu, nguyên tắc hay bản chất lãnh đạo của Đảng, mà là đổi mới cách thức tổ chức thực hiện nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và chất lượng phục vụ Nhân dân trong điều kiện phát triển mới của đất nước. Chính sự đổi mới này sẽ tạo nền tảng để các tổ chức đảng cấp xã đáp ứng tốt hơn yêu cầu xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong kỷ nguyên số.

Chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng ở cấp xã là yêu cầu khách quan của quá trình xây dựng Đảng trong điều kiện phát triển kinh tế số, xã hội số và chính quyền số. Đây không chỉ là sự thay đổi về công cụ, phương tiện quản lý mà còn là quá trình đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy, nâng cao chất lượng quản trị, năng lực điều hành và hiệu quả thực thi nhiệm vụ của hệ thống chính trị ở cơ sở. Tuy nhiên, từ chủ trương đến thực tiễn vẫn tồn tại khoảng cách nhất định, đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu và tháo gỡ.

Trước hết, (1) nhận thức về chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng ở một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa theo kịp yêu cầu của thực tiễn; (2) hạ tầng số và hệ sinh thái dữ liệu phục vụ công tác xây dựng Đảng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; (3) nguồn nhân lực số trong hệ thống chính trị cấp xã vẫn là *"điểm nghẽn"* của quá trình chuyển đổi số; (4), thể chế và cơ chế phối hợp trong triển khai chuyển đổi số vẫn cần tiếp tục hoàn thiện; (5), vấn đề bảo đảm an toàn, an ninh mạng đối với dữ liệu của Đảng ngày càng trở nên cấp thiết.

Có thể khẳng định rằng, những khó khăn nêu trên chỉ mang tính chất của giai đoạn chuyển đổi, không làm thay đổi xu thế tất yếu của chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng. Ngược lại, chính việc

nhận diện đầy đủ các thách thức sẽ là cơ sở để các cấp ủy xây dựng giải pháp phù hợp, bảo đảm chuyển đổi số thực sự trở thành động lực đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức đảng ở cơ sở và đáp ứng yêu cầu xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước. Nhằm hiện thực hóa mục tiêu xây dựng tổ chức đảng ở cơ sở tinh gọn, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, chuyển đổi số cần được triển khai đồng bộ trên cả ba phương diện: đổi mới tư duy lãnh đạo, hoàn thiện điều kiện bảo đảm và nâng cao năng lực tổ chức thực hiện. Trên cơ sở những kết quả đạt được và những hạn chế đã phân tích, tác giả đề xuất một số giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, cán bộ, đảng viên về chuyển đổi số. Nhận thức đúng là tiền đề để hành động đúng. Vì vậy, các cấp ủy đảng cần tiếp tục quán triệt sâu sắc các chủ trương của Đảng về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xác định chuyển đổi số không chỉ là nhiệm vụ về công nghệ mà là yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao chất lượng công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới. Việc tuyên truyền, phổ biến cần được thực hiện thường xuyên, gắn với sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề và công tác bồi dưỡng cán bộ, đảng viên nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động. Đồng thời, người đứng đầu cấp ủy phải phát huy vai trò nêu gương trong sử dụng các nền tảng số, chỉ đạo điều hành trên môi trường điện tử và trực tiếp kiểm tra, đánh giá kết quả chuyển đổi số tại địa phương, đơn vị.

Thứ hai, hoàn thiện cơ chế, chính sách và tăng cường đầu tư hạ tầng số, cơ sở dữ liệu. Các cấp có thẩm quyền cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý, khai thác và chia sẻ dữ liệu trong hệ thống chính trị; từng bước chuẩn hóa quy trình xử lý công việc trên môi trường số, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các cơ quan Đảng, chính quyền và các tổ chức trong hệ thống chính trị. Song song với đó, cần ưu tiên đầu tư hạ tầng số, đặc biệt tại cấp xã; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, kết nối liên thông giữa các lĩnh vực, bảo đảm dữ liệu được cập nhật kịp thời, chính xác và có khả năng khai thác phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Việc phát triển các nền tảng số phải hướng tới mục tiêu giảm thủ tục hành chính, giảm thời gian xử lý công việc và nâng cao chất lượng phục vụ cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Thứ ba, phát triển nguồn nhân lực số đáp ứng yêu cầu xây dựng Đảng trong giai đoạn mới. Con người là nhân tố quyết định thành công của chuyển đổi số. Do đó, cần xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã theo hướng thường xuyên, liên tục và sát với yêu cầu thực tiễn. Nội dung đào tạo không chỉ tập trung vào kỹ năng sử dụng phần mềm mà còn phải trang bị tư duy số, kỹ năng khai thác dữ liệu, kỹ năng làm việc trên môi trường số và kiến thức về bảo đảm an toàn thông tin. Bên cạnh đào tạo, cần xây dựng cơ chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ gắn với kết quả ứng dụng chuyển đổi số; coi đây là một trong những tiêu chí đánh giá cán bộ, đảng viên, đồng thời có chính sách khuyến khích, động viên những tập thể, cá nhân có sáng kiến, mô hình hiệu quả trong triển khai chuyển đổi số.

Thứ tư, tăng cường bảo đảm an toàn thông tin và phát huy vai trò của chuyển đổi số trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Trong quá trình chuyển đổi số, yêu cầu bảo đảm an toàn, an ninh mạng cần được đặt lên hàng đầu. Các cấp ủy cần thường xuyên rà soát, đánh giá mức độ an toàn của hệ thống thông tin; xây dựng quy chế quản lý, khai thác và bảo vệ dữ liệu; nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong sử dụng các nền tảng số và bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước. Quan trọng hơn, chuyển đổi số phải trở thành công cụ để đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy. Cần đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu số trong phân tích, dự báo tình hình, theo dõi việc thực hiện nghị quyết, giám sát tổ chức đảng và đảng viên; từng bước hình thành phương thức lãnh đạo dựa trên dữ liệu, bảo đảm các quyết định của cấp ủy được ban hành kịp thời, chính xác và phù hợp với thực tiễn. Đây cũng là điều kiện quan trọng để xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên số.

Chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng ở cấp xã là yêu cầu khách quan, đồng thời là động lực quan trọng để đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý của hệ thống chính trị ở cơ sở. Thực tiễn triển khai trong thời gian qua cho thấy, bên cạnh những kết quả bước đầu tích cực, quá trình chuyển đổi số vẫn còn không ít khó khăn về nhận thức, hạ tầng số, nguồn nhân lực, cơ sở dữ liệu và cơ chế tổ chức thực hiện. Để chuyển đổi số thực sự trở thành động lực nâng cao chất lượng công tác xây dựng Đảng, các cấp ủy cần triển khai đồng bộ các giải pháp về nâng cao nhận thức, hoàn thiện thể chế, đầu tư hạ tầng và dữ liệu số, phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm an toàn thông tin và đổi mới phương thức lãnh đạo trên nền tảng công nghệ số. Thực hiện tốt các giải pháp này sẽ góp phần xây dựng tổ chức cơ sở đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu xây dựng Đảng và phát triển đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới./.

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Tập I, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

3. Bộ Chính trị (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.

4. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh (2022), *Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22/10/2021 về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021–2025, định hướng đến năm 2030*.

5. Chính phủ (2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM CẤP XÃ TẠI HÀ TĨNH SAU SẮP XẾP, TINH GỌN BỘ MÁY

ThS. TRẦN THỊ THUÝ HƯỜNG
Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

***Tóm tắt:** Quá trình sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đã đặt ra những yêu cầu mới đối với tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã. Thực tiễn tại Hà Tĩnh cho thấy, mô hình mới bước đầu phát huy hiệu quả trong việc tập hợp các tầng lớp Nhân dân, phát huy dân chủ và tăng cường mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân. Tuy nhiên, địa bàn mở rộng, dân cư tăng lên cũng đã đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với công tác mặt trận ở cơ sở. Vì vậy, nghiên cứu để đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trong giai đoạn hiện nay là hết sức cần thiết.*

Xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của thời đại. Chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính các cấp không chỉ nhằm giảm đầu mối tổ chức, tiết kiệm nguồn lực mà còn hướng đến việc nâng cao hiệu quả hoạt động, mở rộng không gian phát triển và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân. Quá trình này tác động trực tiếp đến toàn bộ hệ thống chính trị ở cơ sở, trong đó có hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Với vị trí là cơ sở chính trị của chính quyền Nhân dân, đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giữ vai trò quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy dân chủ, thực hiện giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Trong điều kiện tổ chức bộ máy được đổi mới theo hướng tinh gọn, vai trò của Mặt trận Tổ quốc ngày càng được đặt ra với yêu cầu cao hơn cả về nội dung và phương thức hoạt động.

Thực hiện Quy định số 301-QĐ/TW ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và Đề án số 16-ĐA/TU ngày 11/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh về sắp xếp, tinh gọn tổ chức Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao

nhiệm vụ, hệ thống Mặt trận trong tỉnh đã được kiện toàn theo mô hình mới và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025.

Sau một năm triển khai, mô hình tổ chức mới đã bước đầu phát huy hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ được giao. Hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã ở Hà Tĩnh được kiện toàn theo hướng tinh gọn, thống nhất và hiệu quả hơn. Trước thời điểm 30/6/2025, toàn tỉnh có 216 đơn vị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; sau khi triển khai sắp xếp, hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã được tổ chức theo mô hình 69 xã, phường với 630 biên chế, gồm chủ tịch, các phó chủ tịch đồng thời là trưởng các tổ chức chính trị - xã hội và công chức chuyên trách [(1)]. Việc tổ chức cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam làm đầu mối chung của các tổ chức chính trị - xã hội đã góp phần tăng cường tính thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

Thực tiễn hoạt động cho thấy, việc ổn định và kiện toàn tổ chức bộ máy Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh là tiền đề quyết định để tối ưu hóa nguồn lực và đổi mới phương thức hoạt động tại cơ sở. Mô hình tổ chức mới đã giải quyết hiệu quả tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các tổ chức thành viên, tạo sự đồng bộ trong công tác tuyên truyền và các phong trào thi đua ở địa bàn dân cư. Vai trò hạt nhân của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng được phát huy rõ nét khi địa phương thực hiện sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính. Bằng các phương thức cụ thể như đối thoại, nắm bắt tâm tư và dư luận xã hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tại Hà Tĩnh đã kịp thời giải tỏa những băn khoăn, lo lắng của người dân, tạo sự đồng thuận cao đối với các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước.

Bên cạnh đó, việc khơi dậy nguồn lực xã hội thông qua Quỹ "Vì người nghèo" và các chương trình an sinh xã hội còn góp phần lan tỏa tinh thần tương thân tương ái trong cộng đồng. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tại Hà Tĩnh cũng chuyển biến tích cực thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng và chính quyền. Thông qua cơ chế đối thoại trực tiếp và các diễn đàn tiếp xúc cử tri, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã đã kịp thời phản ánh và phối hợp giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh ngay từ cơ sở, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Hoạt động này được triển khai đồng bộ với các nhiệm vụ chính trị trọng tâm như công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, cùng các hoạt động đối ngoại nhân dân, công tác dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam ở nước ngoài theo yêu cầu nhiệm vụ mới.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã ở Hà Tĩnh hiện nay cũng đang đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục quan tâm giải quyết nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương.

Việc sáp nhập, mở rộng quy mô đơn vị hành chính làm cho địa bàn xã rộng hơn, dân số đông hơn, phát sinh nhiều vụ

việc phức tạp liên quan đến đất đai, giải phóng mặt bằng, thủ tục hành chính, an sinh xã hội và trách nhiệm công vụ. Khi yêu cầu công việc đặt ra ngày càng cao, đòi hỏi cán bộ phải có kỹ năng tổng hợp, phân tích, đối thoại và xử lý tình huống thì số lượng cán bộ chuyên trách không tăng, đội ngũ cán bộ không chuyên trách lại giảm. Điều này gây áp lực lớn lên công tác nắm bắt tình hình Nhân dân, dễ dẫn đến nguy cơ hành chính hóa hoạt động và giảm thời gian bám sát cơ sở. Ở một số địa phương, cán bộ vẫn chủ yếu làm việc theo kinh nghiệm, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới phương thức hoạt động trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển nhanh chóng của xã hội.

Bên cạnh đó, mô hình tổ chức bộ máy hiện nay đang bộc lộ nhiều bất cập khi vận hành. Định hướng quy mô 8 - 10 biên chế (gồm 1 chủ tịch, 4 - 5 phó chủ tịch kiêm trưởng các tổ chức chính trị - xã hội) [(2)] gây khó khăn lớn trong triển khai nhiệm vụ khi cấp cơ sở vừa chịu sự lãnh đạo trực tiếp từ cấp tỉnh, vừa phải sát dân, gần dân. Mô hình «một người gánh hai vai», bố trí phó chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam kiêm trưởng tổ chức chính trị - xã hội tạo ra khối lượng công việc lớn, gây áp lực và chồng chéo. Tình trạng kiêm nhiệm diễn ra dàn trải: chủ tịch kiêm chủ tịch hội quần chúng; phó chủ tịch, chuyên viên và cán bộ bán chuyên trách vừa kiêm chức danh trưởng, phó các tổ chức chính trị - xã hội, vừa phải làm nhiệm vụ kế toán, thủ quỹ, hoặc cán bộ Hội chữ thập đỏ, làm ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công việc chung.

Khó khăn này càng lớn khi chính sách, phụ cấp cho cán bộ chưa tương xứng với nhiệm vụ và không có chế độ phụ cấp kiêm nhiệm; việc tinh giản biên chế gặp áp lực do số lượng người có nguyện vọng lớn nhưng thời gian thực hiện ngắn. Về cơ chế phối hợp, mối quan hệ công tác và phân cấp giữa các tổ chức còn chồng chéo, chưa rõ nhiệm vụ, thiếu hướng dẫn cụ thể về cơ chế chỉ đạo giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã. Quy định về một đầu mối giao cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chưa đồng bộ với các tổ chức khác, đồng thời nhiệm vụ của cơ quan hợp nhất chưa được luật hóa rõ ràng, gây thiếu cơ sở pháp lý khi triển khai hoạt động. Các hình thức hoạt động truyền thống như tuyên truyền trực tiếp, một chiều, hội họp tập trung hoặc phát động theo đợt đã bộc lộ hạn chế, khó đáp ứng yêu cầu tập hợp và tạo sự đồng thuận xã hội. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã còn lúng túng trong việc tiếp cận các nhóm đối tượng mới có nhu cầu thông tin và phương thức tham gia khác biệt như thanh niên, doanh nhân, trí thức, người lao động trong doanh nghiệp và người Hà Tĩnh xa quê. Đồng thời, chất lượng hoạt động giám sát, phản biện xã hội chưa đáp ứng kỳ vọng do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mới dừng lại ở việc tiếp nhận ý kiến, chưa chủ động theo dõi sâu sát việc giải quyết kiến nghị và kịp thời đề xuất giải pháp với cấp ủy, chính quyền để tháo gỡ khó khăn từ cơ sở, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với hệ thống chính trị.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong điều kiện tổ chức bộ máy mới, việc nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã ở Hà Tĩnh cần được triển khai đồng bộ trên nhiều phương diện như sau:

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động theo hướng lấy người dân làm trung tâm của mọi hoạt động vận động, tập hợp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Khi đời sống của người dân ngày càng được nâng lên, nhu cầu, tâm tư và phương thức tiếp nhận thông tin của các nhóm dân cư có nhiều thay đổi, công tác tuyên truyền, vận động không thể chỉ dựa vào các hình thức truyền thống mà cần được thực hiện linh hoạt, phù hợp với từng đối tượng cụ thể. Nội dung tuyên truyền cần gắn với những vấn đề thiết thực của đời sống, những nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và những lợi ích mà người dân trực tiếp quan tâm. Các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chủ trì cần hướng mạnh vào việc giải quyết những vấn đề từ thực tiễn cơ sở, tạo điều kiện để người dân thực sự tham gia, thực sự hưởng lợi và trở thành chủ thể của các phong trào.

Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo hướng tinh gọn, đồng bộ và phù hợp với yêu cầu hoạt động trong điều kiện chính quyền địa phương hai cấp. Việc sắp xếp tổ chức không chỉ nhằm giảm đầu mối mà quan trọng hơn là nâng cao hiệu quả phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã với các tổ chức thành viên, khắc phục tình trạng chồng chéo trong triển khai nhiệm vụ. Trong quá trình vận hành mô hình mới, cần thường xuyên rà soát chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, bảo đảm sự phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm. Một bộ máy tinh gọn nhưng hoạt động hiệu quả phải là bộ máy có khả năng hướng mạnh về cơ sở, dành nhiều thời gian cho công tác vận động quần chúng, nắm bắt tình hình nhân dân và giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn.

Thứ ba, nâng cao chất lượng hoạt động giám sát, phản biện xã hội gắn với phát huy dân chủ ở cơ sở. Đây là một trong những chức năng quan trọng thể hiện vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Hoạt động giám sát cần tập trung vào những lĩnh vực tác động trực tiếp đến đời sống người dân như quản lý đất đai, thực hiện chính sách an sinh xã hội, cải cách thủ tục hành chính, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và trách nhiệm thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức. Đồng thời, cần phát huy tốt hơn các hình thức đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân; mở rộng các kênh tiếp nhận ý kiến, kiến nghị từ cơ sở để những vấn đề người dân quan tâm được phản ánh đầy đủ, khách quan và được xem xét giải quyết kịp thời. Chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã không chỉ được đánh giá qua số lượng cuộc giám sát hay hội nghị đối thoại mà còn thể hiện ở khả năng chuyển tải tiếng nói của Nhân dân đến với cấp ủy, chính quyền và theo dõi việc giải quyết những kiến nghị chính đáng từ cơ sở.

Thứ tư, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và mở rộng khả năng kết nối với Nhân dân. Sự phát triển của công nghệ đang tạo ra những phương thức tương tác mới giữa chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và người dân. Vì vậy, Mặt trận Tổ quốc ở xã cần chủ động ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền, nắm

bắt dư luận xã hội, tiếp nhận phản ánh, kiến nghị và quản lý dữ liệu phục vụ hoạt động chuyên môn. Việc xây dựng các kênh thông tin trực tuyến, hệ thống tiếp nhận và xử lý ý kiến của người dân trên môi trường số không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả công việc mà còn tạo điều kiện để người dân tham gia nhiều hơn vào các hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã. Tuy nhiên, chuyển đổi số chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi được kết hợp hài hòa với phương thức vận động trực tiếp, bởi sự gần gũi, lắng nghe và đối thoại với Nhân dân vẫn là yếu tố cốt lõi làm nên bản chất và sức mạnh của công tác Mặt trận.

Thứ năm, xây dựng đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã *có bản lĩnh chính trị vững vàng, chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong* tình hình mới. Trong điều kiện địa bàn rộng hơn, nhiệm vụ ngày càng toàn diện hơn và yêu cầu của Nhân dân ngày càng cao hơn, chất lượng đội ngũ cán bộ trở thành yếu tố quyết định hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cần được thực hiện theo hướng toàn diện, chú trọng kỹ năng dân vận, kỹ năng đối thoại, nắm bắt dư luận xã hội, giám sát và phản biện xã hội. Đồng thời, cần xây dựng đội ngũ cán bộ thực sự gần dân, hiểu dân, có trách nhiệm với Nhân dân và có khả năng giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn cơ sở. Đây là điều kiện quan trọng để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp tục phát huy vai trò là cầu nối vững chắc giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân trong giai đoạn phát triển mới.

Như vậy, việc đổi mới tổ chức bộ máy và sắp xếp đơn vị hành chính không chỉ là sự thay đổi về mặt sơ đồ, tổ chức mà chính là cơ hội để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tại Hà Tĩnh tự hoàn thiện, đáp ứng tốt hơn yêu cầu đặt ra. Thực tiễn cho thấy, muốn bộ máy tinh gọn thì năng lực thực tế của đội ngũ cán bộ phải được nâng lên, cách thức vận hành phải khoa học, linh hoạt và bám sát với đời sống hơn. Ở cấp cơ sở, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là yếu tố quyết định để người dân thực sự phát huy quyền làm chủ của mình. Có thể khẳng định rằng, việc nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc cấp xã chính là cách để xây dựng nền móng vững chắc. Khi Mặt trận làm tốt vai trò đại diện, bảo vệ quyền lợi chính đáng của người dân, niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chính quyền sẽ ngày càng được củng cố. Đây chính là gốc rễ tạo nên sự đồng thuận, khơi dậy sức mạnh trong lòng dân để cùng đưa Hà Tĩnh phát triển ổn định và bền vững./.

Chú thích:

(1). Tỉnh ủy Hà Tĩnh, Báo cáo số 117-BC/TU ngày 19/5/2026 Kết quả thực hiện Quy định số 301-QĐ/TW của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã.

(2). UBMTTQ Việt Nam tỉnh Hà Tĩnh, Báo cáo số 110-BC/MTTQ-BTT ngày 29/5/2026 về Tổng hợp ý kiến Nhân dân về kết quả 01 năm vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp.

PHÁT HUY VAI TRÒ "CHỦ ĐẠO" VÀ "DẪN DẮT" CỦA KINH TẾ NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ThS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY
Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật

***Tóm tắt:** Trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến động và trong nước đang tiến hành cơ cấu lại nền kinh tế, việc nhận thức đúng vị trí, chức năng và vai trò của từng thành phần kinh tế là hết sức quan trọng. Vai trò của kinh tế nhà nước hiện nay không chỉ nhìn nhận theo tiêu chí quy mô hay tỷ trọng, mà phải được đánh giá thông qua vai trò "chủ đạo" trong điều tiết vĩ mô và "dẫn dắt" trong mở đường phát triển. Chính vì vậy cần thực hiện đồng bộ thống nhất các giải pháp để phát huy tối đa vai trò của kinh tế nhà nước góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.*

Trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế nhà nước luôn được xác định giữ vai trò quan trọng trong việc bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng phát triển và bảo vệ các lợi ích chiến lược của quốc gia. Tuy nhiên, trong bối cảnh mới của hội nhập quốc tế, chuyển đổi số và cạnh tranh toàn cầu ngày càng gay gắt, việc nhận thức và phát huy vai trò của kinh tế nhà nước cần có những điều chỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển mới. Nghị quyết 79-NQ/TW ngày 06/01/206 của Bộ chính trị phát triển kinh tế nhà nước đã nhấn mạnh hai vai trò cốt lõi "chủ đạo" và "dẫn dắt" của khu vực kinh tế này. Đây không chỉ là sự khẳng định về vị trí của kinh tế nhà nước mà còn là định hướng chiến lược nhằm nâng cao năng lực điều tiết và thúc đẩy phát triển kinh tế quốc gia.

Kinh tế nhà nước là thành phần đặc biệt quan trọng trong cấu trúc tổng thể nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nền tảng của kinh tế nhà nước bao gồm các nguồn lực do Nhà nước nắm giữ, quản lý và chi phối hoạt động nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ổn định vĩ mô và bảo đảm an ninh, quốc phòng, như: Đất đai, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, vùng biển, vùng trời, không gian ngầm, các công trình kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư xây dựng, ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức tín dụng nhà nước, vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống, đơn vị sự nghiệp công lập...

Trong mọi nền kinh tế, Nhà nước giữ vai trò quan trọng trong việc kiến tạo thể chế, quản lý và điều tiết vĩ mô nhằm bảo đảm sự vận hành ổn định của nền kinh tế. Đối với các quốc gia xây dựng chủ nghĩa xã hội, vai trò của Nhà nước càng có ý nghĩa đặc biệt, bởi Nhà nước không chỉ là công cụ quản lý mà còn là chủ thể tổ chức các nguồn lực kinh tế để hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và công bằng xã hội. Vai trò đó được thể hiện thông qua việc Nhà nước tham gia trực tiếp vào nền kinh tế bằng các nguồn lực vật chất quan trọng, đồng thời thiết lập khuôn khổ thể chế để định hướng sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế. Trong bối cảnh phát triển mới của nền kinh tế toàn cầu, vai trò của kinh tế

nhà nước không còn được hiểu đơn thuần ở góc độ chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế, mà quan trọng hơn là khả năng tạo ra những định hướng chiến lược và động lực phát triển cho toàn bộ hệ thống kinh tế. Chính vì vậy, vai trò "chủ đạo" và "dẫn dắt" được nhấn mạnh trong các định hướng phát triển kinh tế nhà nước của Việt Nam hiện nay.

Nhìn lại chặng đường hơn bốn thập kỷ đổi mới của nền kinh tế Việt Nam kể từ năm 1986, có thể khẳng định rằng khu vực kinh tế nhà nước đã đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành các nền tảng vật chất, kỹ thuật của nền kinh tế, bảo đảm ổn định vĩ mô và tạo động lực lan tỏa cho các thành phần kinh tế khác phát triển. Một trong những thành tựu nổi bật nhất của kinh tế nhà nước trong thời gian qua là việc đảm nhận vai trò chủ đạo trong việc bảo đảm các cân đối vĩ mô quan trọng của nền kinh tế. Trong quá trình chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Việt Nam đã đối mặt với nhiều biến động lớn về tài chính, tiền tệ, năng lượng và hạ tầng. Trong bối cảnh đó, khu vực kinh tế nhà nước đã đóng vai trò như một "bệ đỡ" cho sự ổn định của toàn bộ hệ thống kinh tế. Trong lĩnh vực năng lượng - lĩnh vực có ý nghĩa sống còn đối với phát triển kinh tế, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đã đóng vai trò chủ lực trong việc đầu tư và vận hành hệ thống cung cấp điện, khai thác dầu khí và bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Chẳng hạn, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã xây dựng và vận hành hệ thống điện quốc gia, phát triển hàng loạt công trình thủy điện, nhiệt điện và gần đây là các dự án năng lượng tái tạo quy mô lớn. Nhờ đó, từ một quốc gia thiếu điện nghiêm trọng vào cuối thập niên 1980, Việt Nam đã từng bước hình thành hệ thống điện tương đối đồng bộ, đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp và đời sống xã hội. Trong lĩnh vực dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã đóng góp quan trọng vào nguồn thu ngân sách nhà nước, đồng thời đảm bảo nguồn cung năng lượng và phát triển ngành công nghiệp dầu khí quốc gia. Hoạt động khai thác dầu khí ngoài khơi, xây dựng các nhà máy lọc hóa dầu và phát triển chuỗi giá trị năng lượng đã giúp Việt Nam từng bước chủ động hơn trong lĩnh vực năng lượng chiến lược. Ngoài ra, trong suốt nhiều thập kỷ, nhiều công trình giao thông trọng điểm như đường cao tốc, cảng biển, sân bay, hệ thống đường sắt, các công trình thủy lợi lớn… được đầu tư chủ yếu bằng nguồn lực nhà nước hoặc do doanh nghiệp nhà nước thực hiện. Những dự án này không chỉ tạo ra nền tảng cho phát triển kinh tế mà còn góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng miền, thúc đẩy quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Mặt khác, trong các giai đoạn khủng hoảng kinh tế khu vực và toàn cầu, khu vực kinh tế nhà nước phát huy rõ vai trò "chủ đạo" trong việc giữ vững các cân đối lớn của nền kinh tế và bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô. Thông qua việc nắm giữ và quản lý các nguồn lực vật chất quan trọng như ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, hệ thống kết cấu hạ tầng, các doanh nghiệp nhà nước, tổ chức tín dụng nhà nước cùng các nguồn lực công khác, khu vực kinh tế nhà nước bảo đảm duy trì hoạt động của các ngành, lĩnh vực thiết yếu, ổn định cung ứng các hàng hóa và dịch vụ công quan trọng, góp phần giảm thiểu tác động của các cú sốc từ bên ngoài. Chính vì vậy, khu vực kinh tế nhà nước không chỉ là nền tảng vật chất quan trọng của nền kinh tế mà còn là lực lượng giữ vai trò chủ đạo trong bảo đảm ổn định, tăng cường khả năng chống chịu và nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế quốc dân.

Bên cạnh vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước còn thể hiện rõ vai trò dẫn dắt đối với sự phát triển của nhiều ngành kinh tế quan trọng. Vai trò dẫn dắt ở đây được hiểu là khả năng tạo ra những động lực ban đầu, mở đường cho sự phát triển của các ngành, lĩnh vực mới, đồng thời tạo ra hiệu ứng lan tỏa để thu hút sự tham gia của khu vực tư nhân và các nhà đầu tư. Một minh chứng tiêu biểu

cho vai trò này là trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin. Các doanh nghiệp nhà nước như Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội và Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam đã đóng vai trò tiên phong trong việc xây dựng hạ tầng viễn thông quốc gia, phổ cập dịch vụ viễn thông và internet đến các vùng sâu, vùng xa. Nhờ sự đầu tư quy mô lớn và chiến lược phát triển dài hạn của các doanh nghiệp này, Việt Nam đã nhanh chóng hình thành một thị trường viễn thông cạnh tranh và năng động, tạo nền tảng cho sự phát triển của nền kinh tế số. Bên cạnh đó, trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, các ngân hàng thương mại nhà nước như Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam hay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam đã đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp tín dụng cho các dự án lớn, hỗ trợ doanh nghiệp trong nước và bảo đảm ổn định hệ thống tài chính. Các ngân hàng này không chỉ góp phần duy trì dòng vốn cho nền kinh tế mà còn tham gia tích cực vào quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, nâng cao mức độ an toàn tài chính quốc gia. Ngoài ra, các doanh nghiệp nhà nước còn đóng vai trò "khách hàng lớn" trong nhiều chuỗi giá trị sản xuất. Thông qua các dự án đầu tư quy mô lớn, các doanh nghiệp này tạo ra nhu cầu về vật liệu, dịch vụ kỹ thuật và các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, qua đó thúc đẩy sự hình thành và phát triển của hệ sinh thái doanh nghiệp tư nhân.

Bên cạnh những kết quả quan trọng đã đạt được, thực tiễn phát triển của khu vực kinh tế nhà nước trong thời gian qua cũng cho thấy nhiều khó khăn, hạn chế cần được nhìn nhận một cách khách quan và toàn diện.

Một là, thể chế và khung pháp lý vẫn còn thiếu đồng bộ. Mặc dù các chủ trương lớn của Đảng đã được xác định rõ trong các văn kiện, tuy nhiên quá trình chuyển hóa các định hướng chiến lược này thành hệ thống chính sách và công cụ pháp lý cụ thể vẫn đang trong quá trình hoàn thiện.

Hai là, năng lực quản trị doanh nghiệp nhà nước chưa đồng đều, vẫn còn sự chênh lệch khá lớn giữa các đơn vị. Ở nhiều doanh nghiệp nhà nước, cơ chế quản trị vẫn còn chịu ảnh hưởng của tư duy hành chính, dẫn đến việc phân định giữa chức năng quản lý nhà nước và chức năng quản trị doanh nghiệp chưa thật sự rõ ràng. Một vấn đề khác là áp lực cạnh tranh thị trường đối với một số doanh nghiệp nhà nước chưa đủ mạnh. Khi doanh nghiệp hoạt động trong môi trường ít cạnh tranh hoặc có sự bảo hộ nhất định, động lực đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất và tối ưu hóa chi phí có thể bị suy giảm. Điều này dẫn đến hiệu quả hoạt động chưa tương xứng với quy mô nguồn lực mà Nhà nước đã đầu tư. Ngoài ra, chất lượng nguồn nhân lực quản lý cấp cao trong một số doanh nghiệp nhà nước cũng là vấn đề cần được quan tâm. Việc tuyển chọn, bổ nhiệm và đánh giá đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp đôi khi vẫn chịu ảnh hưởng của các yếu tố hành chính hơn là dựa trên các tiêu chí quản trị hiện đại và hiệu quả kinh doanh.

Ba là, vấn đề tài chính và cơ chế phân bổ nguồn lực còn nhiều thách thức. Một trong những vấn đề phức tạp trong quá trình phát huy vai trò dẫn dắt của kinh tế nhà nước là việc cân đối giữa hai nhiệm vụ: nhiệm vụ công ích và nhiệm vụ kinh doanh. Trong nhiều lĩnh vực, doanh nghiệp nhà nước vừa phải thực hiện các mục tiêu xã hội do Nhà nước giao phó, vừa phải bảo đảm hiệu quả sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường. Sự kết hợp giữa hai mục tiêu này đôi khi tạo ra những mâu thuẫn trong quá trình quản trị và phân bổ nguồn lực. Ngoài ra, việc sử dụng vốn nhà nước sao cho hiệu quả và đồng thời thu hút được nguồn lực từ khu vực tư nhân cho các ngành kinh tế chiến lược vẫn là một bài toán phức tạp.

Bốn là, yêu cầu về minh bạch và trách nhiệm giải trình, xây dựng niềm tin xã hội. Trong bối cảnh kinh tế thị trường hiện đại, việc tăng cường nguồn lực và quyền hạn cho khu vực kinh tế nhà nước cần phải đi kèm

với các cơ chế kiểm soát chặt chẽ nhằm bảo đảm hiệu quả sử dụng nguồn lực công. Trong xã hội hiện nay, vẫn tồn tại những ý kiến băn khoăn về nguy cơ kém hiệu quả, lãng phí hoặc độc quyền nếu các doanh nghiệp nhà nước không được quản lý một cách minh bạch và hiệu quả.

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được và những hạn chế nêu trên, để kinh tế nhà nước thực sự phát huy tốt hơn vai trò "chủ đạo" và "dẫn dắt" trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cần một hệ thống giải pháp đồng bộ, toàn diện và có tính đột phá, cụ thể:

Thứ nhất, tiếp tục quán triệt sâu sắc và thống nhất nhận thức về vị trí, vai trò của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là giải pháp có ý nghĩa nền tảng nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Cần tiếp tục đổi mới tư duy trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế nhà nước theo hướng chuyển mạnh từ tư duy quản lý hành chính sang tư duy kiến tạo phát triển, quản trị hiện đại và điều hành linh hoạt. Việc phát huy vai trò "chủ đạo" và "dẫn dắt" của kinh tế nhà nước cần được hiểu không phải bằng sự mở rộng quy mô hay bao cấp, mà bằng năng lực định hướng, điều tiết vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, dẫn dắt đổi mới sáng tạo và tạo động lực phát triển cho các thành phần kinh tế khác.

Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện thể chế phát triển kinh tế nhà nước theo hướng đồng bộ, minh bạch và hiện đại. Cần rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn về thể chế, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và phù hợp với các cam kết quốc tế. Đồng thời, phân định rõ chức năng quản lý nhà nước với chức năng đại diện chủ sở hữu; tách bạch chức năng kinh doanh với chức năng thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ không vì mục tiêu lợi nhuận với chức năng kinh doanh. Đây là điều kiện quan trọng để nâng cao hiệu quả quản trị, tăng tính tự chủ và phát huy đầy đủ vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế.

Thứ ba, tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, minh bạch, phát huy hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước và tăng cường liên kết với các khu vực kinh tế khác. Nhà nước cần tiếp tục cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình; giảm thiểu sự can thiệp hành chính trực tiếp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm trên cơ sở áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro.

Thứ tư, cần nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng nguồn lực nhà nước, nhất là trong những lĩnh vực then chốt như hạ tầng, năng lượng, chuyển đổi số, công nghệ cao và các ngành kinh tế chiến lược. Vấn đề không chỉ là tăng nguồn lực, mà quan trọng hơn là sử dụng nguồn lực như thế nào để tạo ra hiệu quả lan tỏa cao nhất. Cần phát triển các mô hình hợp tác công - tư một cách thực chất, trên cơ sở chia sẻ rủi ro hợp lý, phân bổ lợi ích hài hòa và bảo đảm nguyên tắc thị trường. Đồng thời, Nhà nước cần có cơ chế lựa chọn lĩnh vực ưu tiên, tập trung vốn cho những ngành, những dự án có khả năng dẫn dắt, tạo đột phá và kéo theo sự tham gia của khu vực tư nhân. Cách làm này vừa giúp phát huy vai trò đầu tàu của kinh tế nhà nước, vừa khắc phục tình trạng dàn trải, đầu tư kém hiệu quả hoặc méo mó cạnh tranh. Đối với các dự án công ích, cần có cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ, bù đắp chi phí minh bạch để bảo đảm doanh nghiệp nhà nước thực hiện được mục tiêu xã hội mà vẫn duy trì được hiệu quả tài chính cần thiết.

Thứ năm, phải tăng cường minh bạch, kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình trong toàn bộ hoạt động của khu vực kinh tế nhà nước. Đây là điều kiện đặc biệt quan trọng để củng cố niềm tin của xã hội đối với vai trò của kinh tế nhà nước. Nhà nước phải thiết lập cơ chế kiểm soát hữu hiệu, công

khai thông tin và tăng cường giám sát từ nhiều phía. Cần đẩy mạnh kiểm toán, thanh tra, giám sát nội bộ và giám sát xã hội; xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn trong quản lý vốn và tài sản nhà nước; đồng thời xây dựng văn hóa liêm chính, trách nhiệm và thượng tôn pháp luật trong khu vực kinh tế nhà nước. Cùng với đó là đổi mới hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán theo hướng hiện đại, hiệu quả. Cần chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán chồng chéo, trùng lặp; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong công tác giám sát, kiểm tra và kiểm toán nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Đồng thời, xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng hoạt động thanh tra, kiểm tra để gây khó khăn cho các tổ chức, đơn vị; kiên quyết phòng, chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí; đẩy nhanh xử lý các dự án tồn đọng, kéo dài nhằm khơi thông nguồn lực, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản nhà nước, qua đó củng cố vai trò chủ đạo và dẫn dắt của kinh tế nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ sáu, cần xây dựng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ quản lý cấp cao và lực lượng chuyên gia trong khu vực kinh tế nhà nước. Trong thời đại chuyển đổi số và cạnh tranh toàn cầu, năng lực con người là yếu tố quyết định năng suất, chất lượng và khả năng thích ứng. Do đó, phải xây dựng cơ chế đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ nhân lực theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, thực tài. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá cán bộ không bằng cơ chế hành chính mà phải dựa trên năng lực điều hành, tư duy chiến lược, khả năng đổi mới sáng tạo và hiệu quả thực tiễn. Đồng thời, cần có chính sách thu hút nhân tài trong và ngoài khu vực nhà nước, khuyến khích cán bộ, người lao động đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Thứ bảy, cần thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và ứng dụng khoa học - công nghệ trong khu vực kinh tế nhà nước. Đây là con đường tất yếu để nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, mở rộng không gian phát triển và tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước trong bối cảnh mới. Kinh tế nhà nước không chỉ cần mạnh ở quy mô nguồn lực mà quan trọng hơn là phải mạnh ở năng lực kiến tạo, khả năng mở đường và dẫn dắt những lĩnh vực mới. Vì vậy, doanh nghiệp nhà nước phải đi đầu trong ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa và các mô hình quản trị hiện đại; đồng thời tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về các chủ thể và nguồn lực của kinh tế nhà nước theo hướng chuẩn hóa, đồng bộ, liên thông và cập nhật thường xuyên; bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu và chủ quyền quốc gia trên không gian mạng. Việc khai thác hiệu quả dữ liệu sẽ tạo cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách, phân bổ nguồn lực, giám sát hiệu quả quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước, góp phần nâng cao năng lực điều hành và phát huy vai trò dẫn dắt của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế số.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, những biến động khó lường của kinh tế thế giới và yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của đất nước trong giai đoạn mới, việc tiếp tục củng cố, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế nhà nước càng có ý nghĩa chiến lược. Một khu vực kinh tế nhà nước mạnh, hoạt động hiệu quả, minh bạch và hiện đại sẽ không chỉ là điểm tựa vững chắc cho nền kinh tế mà còn là công cụ quan trọng để Đảng và Nhà nước thực hiện các mục tiêu phát triển lâu dài của quốc gia. Vì vậy việc phát huy vai trò chủ đạo và dẫn dắt của kinh tế nhà nước chính là yêu cầu khách quan của quá trình phát triển đất nước, đồng thời là sự lựa chọn đúng đắn nhằm bảo đảm cho nền kinh tế Việt Nam phát triển độc lập, tự chủ, hội nhập sâu rộng, vững bước trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân và góp phần hiện thực hóa mục tiêu giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc./.

XÂY DỰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ - YẾU TỐ QUAN TRỌNG BẢO ĐẢM VẬN HÀNH HIỆU QUẢ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP Ở HÀ TĨNH

ThS. NGUYỄN TRỌNG VINH
Trưởng Phòng TC, HC, TT, TL

***Tóm tắt:** Trong quá trình đổi mới, sắp xếp và tinh gọn bộ máy và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, Đảng và Nhà nước ta đã triển khai chủ trương sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã chưa đủ tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và dân số. Đây là bước đi quan trọng nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tinh gọn bộ máy, tiết kiệm ngân sách và tạo tiền đề phát triển lâu dài. Tuy nhiên, sau hơn một năm thực hiện, nhiều xã mới hình thành đứng trước những thách thức không nhỏ trong định hướng phát triển. Trong bối cảnh đó, việc xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển cho các xã trở thành yêu cầu tất yếu, vừa bảo đảm phát triển bền vững, vừa giúp chính quyền địa phương hai cấp vận hành hiệu quả, thống nhất và khoa học.*

Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo chủ trương của Đảng và Nhà nước là bước đi quan trọng nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương, đồng thời tạo không gian và động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội. Đối với Hà Tĩnh, việc sáp nhập các xã không chỉ hướng tới tinh gọn tổ chức mà còn tạo điều kiện khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng địa phương, hình thành các đơn vị hành chính có quy mô và năng lực phát triển lớn hơn. Tuy nhiên, sau sáp nhập gần một năm, nhiều xã mới hình thành đứng trước những thách thức không nhỏ: chênh lệch về trình độ phát triển, cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, nhu cầu dân sinh đa dạng, tình trạng thiếu nhất quán trong định hướng phát triển. Trong bối cảnh đó, việc xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển cho các xã trở thành yêu cầu tất yếu, vừa bảo đảm phát triển bền vững, vừa giúp chính quyền địa phương hai cấp vận hành hiệu quả, thống nhất và khoa học. Quy hoạch tổng thể là sự sắp xếp, phân bổ không gian phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, môi trường và sử dụng đất một cách khoa học, phù hợp với tiềm năng, lợi thế, đồng thời gắn với chiến lược phát triển chung của địa phương và cả nước. Đây không chỉ là "bản đồ định hướng" mà còn là cơ sở để huy động nguồn lực, quản lý đầu tư và đảm bảo sự phát triển hài hòa, lâu dài. Tính cho đến thời điểm này sau gần một năm sáp nhập các xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, từ 209 đơn vị hành chính cấp xã xuống còn 69 xã, phường. Một bộ máy gọn nhẹ giảm bớt các khâu trung gian, đưa chính quyền

và cán bộ về gần dân, sát dân để phục vụ tốt nhân dân. Tuy nhiên, mục tiêu cuối cùng sau sáp nhập là tạo không gian phát triển mới cho các xã tạo dư địa phát triển kinh tế góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân thì việc lập quy hoạch tổng thể cho các xã sau sáp nhập được xem là khâu đột phá, tạo tiền đề, nền móng vững chắc cho đầu tư và phát triển. Vì vậy, việc sớm lập quy hoạch tổng thể cho các xã sau sáp nhập trên địa bàn Hà Tĩnh là yêu cầu và đòi hỏi có tính cấp thiết để các địa phương hình thành các ngành nghề, không gian phát triển góp phần nhằm hiện thực hóa các mục tiêu kinh tế - xã hội được đề ra trong Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh đảng bộ lần thứ XX nhiệm kỳ 2025 - 2030. Việc sáp nhập xã nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, tạo điều kiện để phát huy tiềm năng lợi thế của các địa phương đồng thời tạo liên kết vùng, thúc đẩy sản xuất kinh doanh nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều vấn đề:

Vấn đề thứ nhất là địa bàn xã rộng hơn, dân số đông hơn vì vậy đặt ra nhiều yêu cầu mới về quy hoạch hạ tầng, dịch vụ công, phân bổ nguồn lực. Sau sáp nhập, địa bàn xã rộng hơn, dân số đông hơn, đặt ra nhiều yêu cầu mới về quy hoạch hạ tầng, dịch vụ công và phân bổ nguồn lực. Nếu như trước đây mỗi xã chỉ quản lý một diện tích và dân số tương đối nhỏ, thì nay với quy mô lớn, chính quyền xã phải giải quyết đồng thời nhiều vấn đề phức tạp hơn. Thứ nhất, hạ tầng giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc cần được mở rộng, kết nối đồng bộ để đáp ứng nhu cầu đi lại, sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Thứ hai, dịch vụ công như y tế, giáo dục, văn hóa - thể thao cần được quy hoạch lại, tránh tình trạng nơi thừa, nơi thiếu, bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận thuận lợi. Thứ ba, việc phân bổ nguồn lực đầu tư phải công bằng, hợp lý giữa các vùng trong xã, tránh tình trạng chênh lệch hoặc tư tưởng "vùng cũ - vùng mới". Đây là thách thức nhưng cũng là cơ hội để xã sau sáp nhập xây dựng quy hoạch tổng thể, phát huy lợi thế từng khu vực, tạo động lực phát triển đồng đều, bền vững, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý của mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Vấn đề thứ hai là chênh lệch phát triển giữa các thôn, xóm cần có tầm nhìn tổng thể để điều hòa lợi ích. Một trong những vấn đề nổi bật sau sáp nhập xã và vận hành chính quyền địa phương hai cấp là sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các thôn, xóm, vùng cũ. Có nơi cơ sở hạ tầng được đầu tư bài bản, đời sống người dân khá giả, nhưng cũng có nơi còn khó khăn, thiếu thốn cả về kinh tế lẫn dịch vụ công. Nếu không được giải quyết thỏa đáng, sự chênh lệch này có thể tạo nên tư tưởng cục bộ "vùng được - vùng mất", ảnh hưởng đến sự đồng thuận xã hội. Vì vậy, chính quyền xã sau sáp nhập cần có tầm nhìn tổng thể, quy hoạch phát triển hài hòa, điều hòa lợi ích giữa các khu vực. Cần ưu tiên đầu tư cho những vùng còn khó khăn, đồng thời phát huy lợi thế của những nơi có điều kiện thuận lợi để tạo động lực lan tỏa. Việc này vừa bảo đảm công bằng, vừa khuyến khích các vùng cùng phát triển, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo trong nội bộ xã. Chỉ khi lợi ích được điều chỉnh hợp lý, người dân ở mọi thôn, xóm đều cảm thấy mình là chủ thể của quá trình phát triển, thì mô hình chính quyền địa phương hai cấp mới thực sự vận hành hiệu quả, bền vững.

Vấn đề thứ ba là tâm lý người dân, sau sáp nhập dễ nảy sinh tư tưởng "vùng cũ - vùng mới". Quy hoạch tổng thể sẽ giúp định hướng thống nhất, tạo sự đồng thuận. Sau sáp nhập xã để vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp, một trong những thách thức lớn là vấn đề tâm lý của người dân. Do khác biệt về điều kiện phát triển, hạ tầng, dịch vụ công giữa các vùng cũ, người dân dễ nảy sinh tâm lý so bì, tư

tưởng "vùng cũ - vùng mới". Nếu không được định hướng kịp thời, tình trạng này có thể dẫn đến sự chia rẽ ngầm, làm giảm niềm tin và sự đồng thuận xã hội, gây khó khăn cho công tác quản lý. Trong bối cảnh đó, việc lập và thực hiện quy hoạch tổng thể có vai trò đặc biệt quan trọng. Một quy hoạch khoa học, công khai, minh bạch sẽ chỉ ra định hướng phát triển chung của toàn xã, phân bổ nguồn lực hợp lý, tạo sự công bằng giữa các khu vực. Qua đó, người dân thấy rõ lợi ích lâu dài, yên tâm gắn bó, tích cực tham gia cùng chính quyền xây dựng quê hương. Đồng thời, quy hoạch tổng thể còn giúp định hình bản sắc chung của xã mới, khắc phục tư tưởng cục bộ, xây dựng tinh thần đoàn kết, thống nhất. Đây là yếu tố nền tảng để mô hình chính quyền địa phương hai cấp phát huy hiệu quả, đưa xã phát triển bền vững, hài hòa. Chính quyền địa phương hai cấp (tỉnh và xã) không còn cấp trung gian huyện. Điều này đòi hỏi xã phải phát huy vai trò "cấp trực tiếp với dân, gần dân nhất", chủ động nhiều hơn trong quản lý và phát triển. Muốn vậy, xã cần có quy hoạch bài bản để làm cơ sở vận hành, tránh tình trạng phát triển tự phát, thiếu định hướng.

Vấn đề thứ tư là sau sáp nhập, một xã mới thường bao gồm nhiều đơn vị hành chính cũ với đặc thù kinh tế - xã hội riêng biệt. Nếu không có quy hoạch tổng thể, việc đầu tư có nguy cơ manh mún, dàn trải, mạnh ai nấy làm. Quy hoạch tổng thể giúp xác định mục tiêu chung, tránh chồng chéo; phân bổ nguồn lực công bằng, hợp lý giữa các vùng; kết nối hạ tầng, dịch vụ công đồng bộ. Một xã sau sáp nhập có thể có lợi thế về nông nghiệp, nơi lại thuận lợi cho dịch vụ, thương mại, du lịch. Quy hoạch tổng thể cho phép nhận diện rõ lợi thế từng khu vực, từ đó xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, tận dụng tối đa nguồn lực địa phương.

Việc lập quy hoạch tổng thể cho các xã sau sáp nhập sẽ tạo cơ sở pháp lý và khoa học cho công tác quản lý. Quy hoạch là căn cứ để xây dựng kế hoạch sử dụng đất hằng năm; thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư; bảo vệ môi trường, quản lý dân cư, xây dựng nông thôn mới; qua đó, giúp chính quyền xã vận hành minh bạch, hiệu quả, tránh tình trạng tùy tiện. Việc lập quy hoạch tổng thể cho các xã sau sáp nhập còn góp phần củng cố niềm tin và sự đồng thuận của nhân dân. Quy hoạch tổng thể được lập khoa học, công khai, có sự tham gia của người dân giúp họ thấy rõ hướng phát triển của địa phương; tạo sự công bằng, tránh tư tưởng cục bộ; khuyến khích người dân chung tay thực hiện, giám sát, bảo vệ lợi ích cộng đồng.

Quy hoạch tổng thể nâng cao hiệu quả vận hành mô hình chính quyền hai cấp. Khi cấp xã có quy hoạch tổng thể rõ ràng, chính quyền cấp tỉnh dễ dàng quản lý, chỉ đạo trên cơ sở quy hoạch đã phê duyệt. Xã chủ động hơn trong thực hiện, không bị động chờ cấp trên. Mối quan hệ giữa tỉnh và xã trở nên trực tiếp, thuận lợi, giảm chi phí trung gian. Sau hơn một năm sáp nhập xã và vận hành mô hình chính quyền đại phương hai cấp 69 xã, phường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đã bước đầu quan tâm đến việc lập quy hoạch tổng thể và bước đầu đã có một số kết quả tích cực.

Tuy nhiên việc lập quy hoạch tổng thể cho các xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đang phải đối mặt với không ít khó khăn, trở ngại như; nguồn lực cho lập và thực hiện quy hoạch còn hạn chế; năng lực cán bộ xã về quản lý quy hoạch chưa đồng đều; tâm lý so bì giữa các vùng trong xã vẫn tồn tại; một số quy hoạch thiếu tính khả thi, chưa gắn kết với thực tế. Xuất phát từ vai trò của việc lập quy hoạch tổng thể cho các xã sau sáp nhập, từ thực những kết quả ban đầu và những khó khăn trở ngại đang đặt ra thiết nghĩ chúng ta trong thời gian tới cần tập trung thực hiện tốt các giải pháp sau:

Một là, cần nâng cao nhận thức, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền. Coi quy hoạch là nhiệm vụ chính trị quan trọng, gắn trách nhiệm người đứng đầu với chất lượng quy hoạch. Phải coi công tác lập quy hoạch tổng thể cho xã sau sáp nhập là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu, là bản thiết kế, là kim chỉ nam và là nền móng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của xã.

Hai là, cần phát huy vai trò của nhân dân, lấy ý kiến rộng rãi, công khai minh bạch, bảo đảm quy hoạch phản ánh nguyện vọng chính đáng của dân. Việc lấy ý kiến rộng rãi, công khai minh bạch sẽ giúp quy hoạch phản ánh đúng nguyện vọng, lợi ích chính đáng của dân, tạo sự đồng thuận và ủng hộ trong xã hội. Nhân dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là chủ thể tham gia, giám sát, góp ý để quy hoạch sát thực tế, khả thi hơn. Đây chính là yếu tố quyết định để quy hoạch thành công, bền vững.

Ba là, cần đầu tư nguồn lực cho lập quy hoạch, huy động ngân sách nhà nước, kết hợp vốn xã hội hóa, hợp tác công - tư trong quy hoạch và thực hiện. việc lập quy hoạch tổng thể đòi hỏi phải có nguồn lực đủ mạnh. Nếu chỉ dựa vào ngân sách nhà nước thì khó đáp ứng yêu cầu thực tiễn, do đó cần chủ động huy động thêm các nguồn lực xã hội, nhất là thông qua cơ chế xã hội hóa và hợp tác công - tư. Cách làm này vừa giảm gánh nặng cho ngân sách, vừa thu hút được trí tuệ, tiềm lực của doanh nghiệp và cộng đồng. Chỉ khi có nguồn lực dồi dào, quy hoạch mới khả thi, đồng bộ và thúc đẩy phát triển bền vững.

Thứ tư là, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xã, nâng cao năng lực quản lý quy hoạch, sử dụng thành thạo công cụ kỹ thuật, có tầm nhìn chiến lược. Đội ngũ cán bộ xã giữ vai trò then chốt trong việc triển khai và quản lý quy hoạch. Do đó, cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực quản lý, khả năng phân tích, dự báo và sử dụng thành thạo các công cụ kỹ thuật hiện đại. Đồng thời, cán bộ phải có tầm nhìn chiến lược, gắn quy hoạch với định hướng phát triển lâu dài của địa phương. Khi đội ngũ cán bộ xã vững chuyên môn, chắc kỹ năng, quy hoạch mới đảm bảo tính khoa học, khả thi và phát huy hiệu quả.

Năm là, cần gắn quy hoạch xã với quy hoạch tỉnh, vùng và quốc gia Đảm bảo sự thống nhất, không chồng chéo, phát huy tính liên kết vùng. Việc lập quy hoạch tổng thể phải gắn kết chặt chẽ với quy hoạch của tỉnh, vùng và quốc gia. Đây là cơ sở để bảo đảm sự thống nhất, tránh chồng chéo, manh mún, đồng thời phát huy lợi thế so sánh và tính liên kết vùng. Khi quy hoạch xã nằm trong tổng thể chung, các nguồn lực sẽ được phân bổ hợp lý, hạ tầng kết nối đồng bộ, tạo động lực phát triển hài hòa. Qua đó, xã mới không chỉ phát triển riêng lẻ mà còn góp phần thúc đẩy tăng trưởng chung của địa phương và cả nước.

Việc lập quy hoạch tổng thể cho các xã sau sáp nhập trong bối cảnh vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp không chỉ là yêu cầu kỹ thuật, mà còn mang ý nghĩa chính trị, kinh tế, xã hội sâu sắc. Đây là công cụ để thống nhất ý chí, khắc phục chênh lệch, khai thác lợi thế, bảo đảm sự phát triển bền vững và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Một quy hoạch tốt sẽ là "kim chỉ nam" giúp chính quyền xã vận hành hiệu quả trong mô hình hai cấp, đồng thời củng cố niềm tin và sự đồng thuận của nhân dân. Quy hoạch tổng thể, vì thế, cần được coi trọng, đầu tư đúng mức, gắn với chiến lược phát triển của tỉnh và quốc gia. Chỉ khi đó, việc sáp nhập xã và chính quyền hai cấp mới thực sự phát huy ưu thế, góp phần xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, hiện đại, văn minh, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới./.

ĐỒNG KIẾN TẠO TRI THỨC, GIÁ TRỊ MỚI TRONG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

TS. HỒ THANH
Phó Trưởng Khoa Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt:** Trong bối cảnh chuyển đổi số, phát triển trí tuệ nhân tạo và yêu cầu đổi mới căn bản công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, việc chuyển từ mô hình truyền thụ kiến thức một chiều sang mô hình giảng viên - học viên đồng kiến tạo tri thức mới, giá trị mới là xu hướng tất yếu. Bài viết làm rõ ý nghĩa của mô hình đồng kiến tạo tri thức, giá trị mới trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đồng thời vận dụng, đề xuất một số giải pháp tại Trường Chính trị Trần Phú nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng, góp phần hiện thực hóa mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ theo tinh thần nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX.

Đồng kiến tạo tri thức mới - yêu cầu khách quan xây dựng đội ngũ cán bộ cho kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX xác định công tác cán bộ là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, năng lực và uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới. Để thực hiện mục tiêu đó, đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là yêu cầu cấp thiết. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số và sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo, tri thức không còn được tiếp nhận theo phương thức truyền đạt một chiều từ người dạy sang người học. Hoạt động đào tạo hiện đại hướng tới phát huy vai trò chủ thể của người học, coi quá trình học tập là quá trình tương tác, chia sẻ kinh nghiệm, phản biện và cùng sáng tạo tri thức. Đồng kiến tạo tri thức là quá trình giảng viên và học viên cùng tham gia hình thành, phát triển và hoàn thiện tri thức thông qua đối thoại, thảo luận, phản biện và giải quyết các vấn đề thực tiễn. Trong mô hình giảng viên giữ vai trò tổ chức, định hướng và dẫn dắt; học viên là chủ thể tích cực tham gia vào quá trình kiến tạo tri thức. Bên cạnh đó, trong điều kiện triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và chuyển đổi số, đội ngũ cán bộ cần được trang bị tư duy quản trị hiện đại, năng lực xử lý các vấn đề mới, khó và phức tạp. Vì vậy, đào tạo theo hướng đồng kiến tạo tri thức không chỉ là yêu cầu của giáo dục hiện đại mà còn là đòi hỏi khách quan của công tác xây dựng đội ngũ cán bộ hiện nay.

Đối với hệ thống trường chính trị, đồng kiến tạo tri thức, giá trị mới có ý nghĩa đặc biệt bởi phần lớn học viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý đang trực tiếp công tác tại cơ sở, có vốn kinh nghiệm thực tiễn phong phú.

Khi kinh nghiệm thực tiễn được đặt trong khung lý luận khoa học sẽ tạo ra những nhận thức mới, cách làm mới phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, quản lý. Mô hình đồng kiến tạo tri thức, giá trị mới góp phần khắc phục những hạn chế của phương thức đào tạo truyền thống như nặng về truyền thụ lý thuyết, thiếu tương tác, chưa khai thác hiệu quả vốn kinh nghiệm của học viên. Đồng thời, tạo điều kiện phát triển tư duy phản biện, năng lực giải quyết vấn đề và khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn. Đây chính là quá trình thống nhất giữa lý luận và thực tiễn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Thực hành sinh ra hiểu biết. Hiểu biết tiến lên lý luận. Lý luận lãnh đạo thực hành".

Là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh Hà Tĩnh, Trường Chính trị Trần Phú có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho hệ thống chính trị. Trong những năm qua, Nhà trường thực hiện đào tạo Trung cấp lý luận chính trị, bồi dưỡng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính và các chương trình bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Chất lượng đào tạo của Nhà trường có ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực thực thi công vụ, khả năng cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng ở cơ sở. Không chỉ thực hiện chức năng đào tạo, Trường Chính trị Trần Phú còn là trung tâm nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, góp phần quan trọng vào quá trình phát triển lý luận gắn với thực tiễn địa phương. Thông qua các đề tài nghiên cứu về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng, đổi mới tổ chức bộ máy, phát triển văn hóa, nâng cao năng lực lãnh đạo ở cơ sở…như: đề tài nghiên cứu ảnh hưởng của việc khai thác mỏ sắt Thạch Khê với cộng đồng dân cư ven biển, xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực; hội thảo khoa học: Những vấn đề lý luận về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Hội thảo khoa học: phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng bền vững; xây dựng và phát triển Hà Tĩnh dưới ánh sáng Đề cương về văn hóa Việt Nam; năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của đảng bộ cấp xã; Bác Hồ với Hà Tĩnh và Hà Tĩnh làm theo lời Bác; nghiên cứu vận dụng nội dung tác phẩm "Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam" của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong giáo dục lý luận chính trị giai đoạn hiện nay… Nhà trường từng bước hình thành môi trường học thuật mở, nơi diễn ra sự trao đổi, đối thoại và chia sẻ kinh nghiệm giữa giảng viên, học viên và các nhà quản lý thực tiễn. Đây chính là nền tảng quan trọng để vận dụng phương pháp đồng kiến tạo tri thức vào hoạt động đào tạo, bồi dưỡng. Đồng thời kiểm chứng và bổ sung lý luận từ thực tiễn cơ sở, qua đó, nâng cao tính ứng dụng, tính thực tiễn của chương trình đào tạo, bồi dưỡng. Những kết quả nghiên cứu vừa bổ sung, cập nhật vào bài giảng vừa tạo nguồn tư liệu thực tiễn phong phú để giảng viên và học viên cùng tham gia kiến tạo tri thức mới.

Trong bối cảnh hiện nay, nhà trường tiên phong trong đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học, giảng viên giữ vai trò tổ chức, định hướng, dẫn dắt; còn học viên là chủ thể tích cực tham gia xây dựng nội dung học tập. Đồng kiến tạo tri thức không chỉ là một phương pháp sư phạm hiện đại mà còn là cách thức phù hợp để nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ. Với đặc thù học viên của Trường phần lớn là cán bộ đang công tác thực tiễn ở cơ sở, mỗi lớp học trở thành một không gian hội tụ tri thức đa chiều, nơi kinh nghiệm thực tiễn và tri thức lý luận gặp gỡ, bổ sung và làm phong phú lẫn nhau. Do đó, việc thiết kế nội dung giảng dạy theo hướng mở, gắn chặt với những vấn đề thực tiễn của Hà Tĩnh như xây dựng nông thôn mới nâng cao, chuyển đổi số, cải cách hành chính,

phát triển kinh tế biển, thu hút đầu tư, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở. Cùng với đó, cần phát huy kinh nghiệm thực tiễn của học viên. Kinh nghiệm công tác của học viên là nguồn tri thức quý giá cần được khai thác hiệu quả thông qua các hoạt động thảo luận nhóm, tọa đàm, diễn đàn trao đổi kinh nghiệm, nghiên cứu tình huống và xử lý các vấn đề thực tiễn. Thông qua quá trình đối thoại và phản biện, học viên không chỉ tiếp thu tri thức mà còn tham gia đề xuất các giải pháp mới phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý ở địa phương, đơn vị. Trong mô hình này, giảng viên không chỉ chỉ truyền đạt tri thức có sẵn mà còn tạo điều kiện để học viên tham gia phản biện, chia sẻ kinh nghiệm, phân tích tình huống và đề xuất giải pháp từ chính thực tiễn công tác.

Để nâng cao hiệu quả đồng kiến tạo tri thức trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục lý luận chính trị và thực tiễn phát triển của tỉnh Hà Tĩnh, Trường Chính trị Trần Phú cần tập trung triển khai, thực hiện tốt một số giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức và năng lực của đội ngũ giảng viên. Đây là điều kiện tiên quyết để triển khai hiệu quả mô hình đồng kiến tạo tri thức. Đội ngũ giảng viên cần chuyển từ tư duy "truyền đạt kiến thức" sang tư duy "tổ chức, định hướng và dẫn dắt quá trình học tập". Trong mô hình này, giảng viên không còn là trung tâm độc quyền về tri thức mà giữ vai trò khơi gợi, kết nối và phát huy tri thức, kinh nghiệm thực tiễn của học viên. Cùng với đó giảng viên phải thường xuyên cập nhật tri thức mới, đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao năng lực nghiên cứu thực tiễn và ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo vào ~~trong~~ hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

Thứ hai, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm. Cần đẩy mạnh áp dụng phương pháp dạy học tích cực như nghiên cứu tình huống, thảo luận nhóm, phản biện, mô phỏng chính sách và giải quyết vấn đề thực tiễn. Xây dựng, hoàn thiện các tình huống, thảo luận nhóm, phản biện và mô phỏng xử lý chính sách trong quá trình học tập như: xử lý khủng hoảng truyền thông, mâu thuẫn giữa lợi ích công cộng và quyền lợi cá nhân, tính bền vững của tiêu chí nông thôn mới, hạn chế đơn thư vượt cấp… Quá trình học tập cần đặt học viên vào vị trí trung tâm để chủ động phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp đối với các tình huống phát sinh từ thực tiễn công tác.

Thứ ba, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Nhà trường cần xây dựng nền tảng học tập số, hệ thống học liệu mở và các công cụ hỗ trợ học tập thông minh nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và khả năng tự học của học viên. Khuyến khích áp dụng áp dụng linh hoạt mô hình lớp học đảo ngược (Flipped Classroom) - người học chủ động tự học trước ở nhà thông qua các bài giảng video, bài đọc, tài liệu trực tuyến,… trên lớp người học tham gia vào các hoạt động tương tác cao như thảo luận, giải quyết vấn đề, thực hành dự án,… dưới sự hướng dẫn của giảng viên, kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến để nâng cao hiệu quả đào tạo.

Thứ tư, xây dựng hệ sinh thái học tập số và ngân hàng tình huống thực tiễn của tỉnh Hà Tĩnh. Cần tập trung số hóa học liệu, bài giảng và các mô hình thực tiễn tiêu biểu của địa phương; xây dựng cơ sở dữ liệu các tình huống quản lý, điều hành gắn với những lĩnh vực trọng tâm như công nghiệp, năng lượng, logistics, xây dựng nông thôn mới, văn minh đô thị, chuyển đổi số và cải cách hành chính… là nguồn tư liệu "sống" có giá trị, quan trọng giúp giảng viên, học viên cùng nghiên cứu, khai thác, phân tích và đồng kiến tạo tri thức, góp phần nâng cao tính thực tiễn và chiều sâu của hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội

ngũ cán bộ có tư duy chiến lược, năng lực số và khả năng hoạch định chính sách trong bối cảnh mới.

Thứ năm, tăng cường gắn kết giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn. Nhà trường cần đẩy mạnh khảo sát thực tế, tổng kết các mô hình hay, cách làm sáng tạo trong xây dựng Đảng, phát triển kinh tế - xã hội và quản trị địa phương. Những kết quả nghiên cứu này cần được đưa vào giảng dạy như những "tư liệu sống", giúp làm phong phú nội dung đào tạo và nâng cao tính thực tiễn của chương trình học. Tăng cường hội thảo, tọa đàm khoa học để chia sẻ kết quả nghiên cứu và kinh nghiệm thực tiễn với các đơn vị thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, cơ quan Trung ương, trường đại học, nhất là các Trường chính trị. Xây dựng cơ chế liên thông giữa đào tạo và nghiên cứu, bảo đảm tính thống nhất và bổ trợ lẫn nhau nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có tư duy lý luận vững vàng, năng lực thực tiễn sâu sắc, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, góp phần hiện thực hóa các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX.

Thứ sáu, đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá theo hướng đánh giá năng lực. Cần chuyển từ đánh giá khả năng ghi nhớ kiến thức sang đánh giá năng lực thực thi, vận dụng giá trị lý luận vào giải quyết những vấn đề thực tiễn hiệu lực, hiệu quả. Nội dung đánh giá phải gắn với những vấn đề mới, khó, phức tạp, tính thực chiến cao trong công tác lãnh đạo, quản lý địa phương. Khuyến khích học viên vận dụng sáng tạo lý luận, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước vào thực tiễn công tác. Đa dạng hóa hình thức đánh giá như bài tập tình huống, khóa luận xử lý vấn đề, dự án nhóm và mô phỏng chính sách. Coi trọng đánh giá quá trình, đánh giá phản tư và đánh giá đa chiều từ giảng viên, học viên và đồng nghiệp, bảo đảm tính khách quan, thực chất trong đánh giá năng lực người học nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu phát triển ở cơ sở.

Thứ bảy, xây dựng văn hóa học tập suốt đời trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Cần khuyến khích tinh thần tự học, tự nghiên cứu, thường xuyên cập nhật tri thức và kỹ năng mới, hình thành thói quen học tập liên tục trong đội ngũ cán bộ. Xây dựng môi trường học tập mở, linh hoạt, kết hợp giữa học trực tiếp, trực tuyến và học từ thực tiễn, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: "Học ở trường, học trong sách vở, học lẫn nhau và học Nhân dân, không học Nhân dân là một thiếu sót rất lớn". Lấy kết quả học tập với công tác đánh giá, quy hoạch, bố trí và sử dụng cán bộ nhằm tạo động lực học tập và đổi mới sáng tạo trong toàn hệ thống chính trị. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX.

Đồng kiến tạo tri thức, giá trị mới mới là xu hướng phát triển tất yếu của giáo dục hiện đại và là yêu cầu khách quan trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hiện nay. Việc chuyển từ mô hình truyền thụ kiến thức sang mô hình giảng viên - học viên cùng tham gia kiến tạo tri thức không chỉ nâng cao chất lượng đào tạo mà còn tạo ra những giá trị mới phục vụ thực tiễn lãnh đạo, quản lý ở địa phương. Đối với Trường Chính trị Trần Phú, vận dụng hiệu quả mô hình đồng kiến tạo tri thức sẽ góp phần đổi mới căn bản hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo hướng hiện đại, thực tiễn và hiệu quả; qua đó góp phần quan trọng xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy đổi mới, năng lực quản trị và khả năng thích ứng với yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của tỉnh Hà Tĩnh trong giai đoạn mới, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX./.

PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG HÀ TĨNH - SỨC MẠNH NỘI SINH TRONG KỶ NGUYÊN SỐ VÀ HỘI NHẬP

ThS. NGUYỄN THỊ LAM
Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

***Tóm tắt:** Văn hóa truyền thống Hà Tĩnh là nguồn lực nội sinh quý giá với những giá trị nổi bật như truyền thống hiếu học, tinh thần yêu nước, ý chí cách mạng, lòng nhân ái, nghĩa tình cộng đồng và đức tính cần cù, sáng tạo. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số, các giá trị văn hóa có điều kiện được bảo tồn, quảng bá rộng rãi, góp phần phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa và kinh tế sáng tạo. Tuy nhiên, Hà Tĩnh cũng đối mặt với nguy cơ mai một di sản, ảnh hưởng của văn hóa ngoại lai, tác động tiêu cực từ không gian mạng. Vì vậy, cần đẩy mạnh số hóa di sản, phát triển nguồn nhân lực và phát huy vai trò cộng đồng để văn hóa trở thành động lực phát triển bền vững.*

Trong tiến trình phát triển của mỗi quốc gia và địa phương, văn hóa luôn giữ vai trò nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. Với Hà Tĩnh - vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa và cách mạng, văn hóa không chỉ là chiều sâu bản sắc mà còn là nguồn lực nội sinh quan trọng tạo nên bản lĩnh, ý chí và nhân cách con người. Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 22/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về "xây dựng, phát triển văn hóa và

con người Hà Tĩnh trong giai đoạn mới" đã khẳng định rõ quan điểm: "Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, mục tiêu, động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốcphòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh... Xây dựng, phát triển văn hóa và con người Hà Tĩnh trên cơ sở bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, chọn lọc, tiếp thu tinh hoa văn hóa dân tộc và thời đại. Phát triển văn hóa phải đặt trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội bền vững; xây dựng con người Hà Tĩnh là trung tâm của chiến lược phát triển".

Văn hóa truyền thống Hà Tĩnh được hun đúc qua hàng nghìn năm lịch sử, tạo nên nét đặc trưng độc đáo và không thể pha lẫn thông qua các trụ cột cốt lõi: Trước hết, đó là truyền thống hiếu học và khoa bảng vang danh của một vùng đất "địa linh nhân kiệt", nơi con người luôn coi việc học là con đường lập thân cao quý bất chấp điều kiện tự nhiên khắc nghiệt; là quê hương của Đại thi hào Nguyễn Du, danh nhân Nguyễn Công Trứ cùng nhiều chí sĩ, nhà khoa học tiêu biểu. Song hành cùng tri

thức là tinh thần yêu nước và kiên cường cách mạng, được chứng minh qua dòng chảy lịch sử từ phong trào Cần Vương đến cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh 1930 - 1931, với những người con ưu tú như: Tổng Bí thư Trần Phú, Tổng Bí thư Hà Huy Tập. Không chỉ vậy, sự khắc nghiệt của thiên tai, bão lũ đã tôi luyện nên tinh thần nhân ái, nghĩa tình cộng đồng sâu sắc, "lá lành đùm lá rách" trở thành bản năng gắn kết, đầy ắp tính nhân văn. Chính trên mảnh đất "chảo lửa túi mưa" ấy, đức tính cần cù, chịu khó và sáng tạo của người Hà Tĩnh, được hun đúc theo thời gian, trở thành những di sản văn hóa của người Hà Tĩnh, như: làn điệu dân ca ví dặm, ca trù… lặng đọng trong tâm hồn mỗi người con xứ nghệ, hàng trang của mỗi người khi phải xa quê, là "động lực" thôi thúc khát vọng vươn lên của người Hà Tĩnh.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế tạo điều kiện thuận lợi để Hà Tĩnh đưa các giá trị văn hóa đặc sắc của địa phương ra khỏi phạm vi không gian địa lý truyền thống, tiếp cận rộng rãi hơn với công chúng trong nước và quốc tế. Những di sản như: Dân ca, Ví, Giặm Nghệ Tĩnh, nghệ thuật Ca trù; các địa chỉ văn hóa - lịch sử như: Khu lưu niệm Nguyễn Du, chùa Hương Tích... có cơ hội được quảng bá mạnh mẽ thông qua các kênh truyền thông quốc tế, các sự kiện giao lưu văn hóa, lễ hội, hội thảo, diễn đàn khu vực và toàn cầu. Đồng thời, chuyển đổi số mở ra phương thức "bảo tồn số" - lưu trữ di sản bền vững trước thời gian, tạo lập một "hệ sinh thái văn hóa số" giúp di sản "sống" lại trong không gian mạng và mang lại giá trị kinh tế.

Thông qua hợp tác quốc tế, các đoàn nghệ thuật, nghệ nhân, nhà nghiên cứu văn hóa Hà Tĩnh có điều kiện tham gia biểu diễn, trưng bày, giới thiệu di sản tại nhiều quốc gia. Điều này không chỉ góp phần khẳng định bản sắc văn hóa địa phương mà còn nâng cao vị thế của tỉnh trong bản đồ văn hóa Việt Nam và khu vực. Hội nhập không chỉ là quá trình "mở cửa" mà còn là cơ hội tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại. Sự giao lưu văn hóa giúp Hà Tĩnh học hỏi kinh nghiệm bảo tồn, phát huy di sản, phát triển du lịch văn hóa, xây dựng thương hiệu địa phương. Việc tham khảo các mô hình bảo tàng thông minh, làng văn hóa du lịch cộng đồng, công viên di sản hay lễ hội sáng tạo của các quốc gia phát triển sẽ góp phần làm phong phú phương thức tổ chức hoạt động văn hóa tại địa phương. Trong bối cảnh đó, bản sắc văn hóa Hà Tĩnh không bị hòa tan mà được củng cố thông qua quá trình giao lưu và tiếp nhận từ các nền văn hóa khác trên thế giới.

Chuyển đổi số mở ra một phương thức bảo tồn hoàn toàn mới: bảo tồn số. Thay vì chỉ lưu giữ hiện vật trong kho hay trưng bày trực tiếp, các di sản có thể được số hóa dưới dạng hình ảnh 3D, video 360 độ; lưu trữ trong cơ sở dữ liệu điện tử; tích hợp trên nền tảng bảo tàng ảo, thư viện số; ứng dụng công nghệ thực tế ảo, thực tế tăng cường trong giới thiệu di tích. Đối với Hà Tĩnh, việc số hóa hệ thống di tích lịch sử, làng nghề truyền thống, các làn điệu dân ca, sắc phong, thư tịch cổ... sẽ giúp bảo tồn lâu dài, hạn chế nguy cơ mai một do thời gian và điều kiện tự nhiên khắc nghiệt. Đồng thời, dữ liệu số còn tạo điều kiện cho nghiên cứu khoa học, giáo dục và quảng bá trực tuyến.

Trong kỷ nguyên số, không gian mạng trở thành môi trường quan trọng để định hình nhận thức xã hội. Thông qua các nền tảng số, giá trị văn hóa truyền thống Hà Tĩnh có thể tiếp cận cộng đồng người Việt

ở nước ngoài và bạn bè quốc tế một cách nhanh chóng thông qua các chương trình biểu diễn trực tuyến, tour tham quan di tích qua quét mã QR hoặc qua hình ảnh 3D , phim tài liệu ngắn giới thiệu danh nhân, lễ hội, về văn hóa địa phương... Điều này góp phần hình thành "hệ sinh thái văn hóa số", nơi di sản không còn bó hẹp trong không gian thực mà tồn tại song song trong môi trường số.

Chuyển đổi số tạo tiền đề hình thành các sản phẩm văn hóa - sáng tạo dựa trên chất liệu truyền thống như: Thiết kế đồ họa, thời trang, mỹ thuật ứng dụng lấy cảm hứng từ hoa văn, họa tiết dân gian; làm video truyền thông khai thác yếu tố lịch sử - văn hóa địa phương; phát triển quà tặng lưu niệm, sản phẩm OCOP gắn với câu chuyện di sản. Khi được kết hợp với thương mại điện tử và marketing số, các sản phẩm này không chỉ góp phần bảo tồn giá trị truyền thống mà còn tạo nguồn thu, việc làm cho người dân, đặc biệt là thanh niên và nghệ nhân. Văn hóa từ chỗ "giá trị tinh thần" thuần túy trở thành nguồn lực phát triển kinh tế- xã hội của địa phương Hà Tĩnh.

Bên cạnh những cơ hội do hội nhập và chuyển đổi số mang lại, văn hóa truyền thống Hà Tĩnh cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức đáng lo ngại: Quá trình toàn cầu hóa và bùng nổ internet khiến các sản phẩm văn hóa nước ngoài lan tỏa nhanh chóng, tác động trực tiếp đến thị hiếu và lối sống, đặc biệt trong giới trẻ. Một bộ phận thanh thiếu niên dễ chạy theo xu hướng nhất thời, xem nhẹ các giá trị truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp, chuẩn mực đạo đức gia đình, cộng đồng. Nhiều loại hình văn hóa dân gian đang thiếu lớp nghệ nhân trẻ kế thừa. Cơ chế đãi ngộ, môi trường thực hành và truyền dạy chưa thật sự hấp dẫn. Một số lễ hội truyền thống có biểu hiện chạy theo lợi ích kinh tế, tổ chức tràn lan, thiếu chọn lọc, làm phai nhạt ý nghĩa tâm linh và giá trị nhân văn vốn có. Không gian mạng vừa là cơ hội quảng bá văn hóa, vừa là môi trường tiềm ẩn nhiều rủi ro. Tin giả, nội dung phản văn hóa, lối sống lệch chuẩn, kích động cực đoan... có thể tác động trực tiếp đến nhận thức, đặc biệt là giới trẻ. Để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, Hà Tĩnh cần triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa. Số hóa di sản là nhiệm vụ nền tảng trong chiến lược chuyển đổi số lĩnh vực văn hóa. Việc ứng dụng công nghệ số để ghi chép, lưu trữ và bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể giúp hạn chế nguy cơ mai một, thất truyền; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác nghiên cứu, quản lý và quảng bá. Để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, Hà Tĩnh cần số hóa một cách đồng bộ các di tích lịch sử, lễ hội truyền thống và Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh. Trọng tâm là việc xây dựng hệ thống dữ liệu số tích hợp cho Ví, Giặm: từ âm thanh, hình ảnh, bản ký âm đến các tư liệu nghiên cứu và chân dung nhân chứng văn hóa. Đây sẽ là nền tảng vững chắc để lưu trữ lâu dài và đưa di sản tiếp cận sâu rộng hơn với công chúng. Song song với đó, việc xây dựng cơ sở dữ liệu văn hóa thống nhất toàn tỉnh, kết nối với hệ thống dữ liệu quốc gia sẽ giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tránh trùng lặp, phân tán thông tin, tạo nền tảng cho hoạch định chính sách phát triển văn hóa trong giai đoạn mới.

Thứ hai, phát triển bảo tàng số, thư viện số. Phát triển bảo tàng số và thư viện số là xu hướng tất yếu trong bối cảnh công

nghệ phát triển mạnh mẽ. Không gian trưng bày ảo, ứng dụng thực tế ảo, thực tế tăng cường, cho phép người dân và du khách có thể tiếp cận di sản mọi lúc, mọi nơi. Đối với hệ thống bảo tàng địa phương, có thể xây dựng mô hình tham quan trực tuyến 3D, số hóa hiện vật, tạo tour, tuyến tham quan ảo kết hợp thuyết minh tự động đa ngôn ngữ. Điều này không chỉ nâng cao trải nghiệm mà còn góp phần quảng bá hình ảnh địa phương tới bạn bè trong nước và quốc tế. Thư viện số cũng cần được đầu tư phát triển, nhất là số hóa tài liệu Hán Nôm, gia phả, sắc phong, tư liệu lịch sử địa phương... Việc xây dựng kho học liệu mở phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và học tập sẽ tạo môi trường học tập suốt đời, thúc đẩy truyền thống hiếu học của người Hà Tĩnh trong thời đại số.

Thứ ba, ứng dụng công nghệ trong quản lý di tích, lễ hội. Công nghệ số giúp nâng cao hiệu quả quản lý di tích và tổ chức lễ hội theo hướng minh bạch, văn minh, hiện đại. Có thể ứng dụng phần mềm quản lý di tích để theo dõi hiện trạng, kế hoạch tu bổ, hồ sơ pháp lý, nguồn kinh phí... từ đó hạn chế thất thoát, nâng cao trách nhiệm của các chủ thể quản lý. Trong tổ chức lễ hội, việc ứng dụng vé điện tử, đăng ký tham gia trực tuyến, giám sát bằng camera thông minh, công khai thông tin trên nền tảng số sẽ góp phần giảm thiểu tình trạng quá tải, mê tín dị đoan, thương mại hóa và các hành vi phản cảm. Đồng thời, truyền thông số về lễ hội cần được định hướng nội dung tích cực, tôn vinh giá trị truyền thống, tránh việc lan truyền thông tin sai lệch, hình ảnh phản cảm làm ảnh hưởng đến uy tín và hình ảnh văn hóa địa phương.

Thứ tư, khuyến khích thanh niên sáng tạo nội dung văn hóa trên nền tảng số. Thanh niên là lực lượng năng động, am hiểu công nghệ và có khả năng lan tỏa mạnh mẽ trên không gian mạng. Việc khuyến khích thanh niên tham gia sáng tạo nội dung về văn hóa truyền thống sẽ góp phần "làm mới" cách tiếp cận di sản, đưa văn hóa đến gần hơn với công chúng trẻ. Các cuộc thi sáng tạo video, thiết kế đồ họa, kể chuyện lịch sử bằng hình thức hiện đại... cần được tổ chức thường xuyên. Bên cạnh đó, cần định hướng nội dung đúng đắn, bảo đảm tính chuẩn mực, khoa học và phù hợp với bản sắc văn hóa địa phương. Khi thanh niên trở thành chủ thể sáng tạo và truyền thông văn hóa, di sản không còn là những giá trị "đóng khung" trong quá khứ mà trở thành nguồn cảm hứng cho sáng tạo đương đại.

Thứ năm, đào tạo nguồn nhân lực văn hóa - công nghệ. Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa chỉ có thể thành công khi có đội ngũ nhân lực đủ năng lực chuyên môn và kỹ năng công nghệ. Vì vậy, cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý văn hóa về kỹ năng số, quản trị dữ liệu, truyền thông đa phương tiện. Đồng thời, cần xây dựng các chương trình liên kết giữa ngành văn hóa với công nghệ thông tin, truyền thông, thiết kế sáng tạo... nhằm hình thành đội ngũ nhân lực liên ngành vừa am hiểu văn hóa truyền thống, vừa thành thạo công nghệ hiện đại. Việc đầu tư cho nguồn nhân lực không chỉ đáp ứng yêu cầu trước mắt mà còn tạo nền tảng lâu dài để văn hóa Hà Tĩnh phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.

Thứ sáu, gắn bảo tồn với phát triển du lịch bền vững. Thực hiện tốt giải pháp này vừa giữ gìn giá trị văn hóa truyền thống, vừa tạo động lực phát triển kinh tế địa phương. Trước hết, cần khai thác hiệu quả hệ thống di tích lịch sử - văn hóa và các

danh nhân tiêu biểu để xây dựng các tour, tuyến tham quan chuyên đề gắn với trải nghiệm thực tế. Phát huy giá trị Dân ca, Ví, Giặm Nghệ Tĩnh thông qua biểu diễn định kỳ phục vụ du khách, kết hợp không gian sinh hoạt cộng đồng nhằm giữ đúng bản sắc. Song song với đó, cần xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng như tour "về miền di sản", du lịch làng nghề, du lịch tâm linh gắn với trải nghiệm văn hóa bản địa. Việc tổ chức lễ hội, festival văn hóa theo hướng chuyên nghiệp, quy mô nhưng tránh thương mại hóa sẽ tạo điểm nhấn thu hút du khách. Ứng dụng công nghệ trình chiếu 3D, thực tế ảo, sa hình... trong giới thiệu di tích giúp tăng tính hấp dẫn. Đồng thời, đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên am hiểu lịch sử - văn hóa địa phương để nâng cao chất lượng phục vụ. Quan tâm phát triển du lịch theo hướng xanh, có trách nhiệm với cộng đồng và môi trường.

Thứ bảy, phát huy vai trò của hệ thống chính trị và cộng đồng dân cư. Đây là yếu tố quyết định trong xây dựng và phát triển văn hóa bền vững. Trước hết, cấp ủy, chính quyền các cấp cần quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về văn hóa, coi phát triển văn hóa ngang tầm với phát triển kinh tế, chính trị, xã hội; đưa mục tiêu, chỉ tiêu văn hóa vào nghị quyết, chương trình, kế hoạch hằng năm và bố trí nguồn lực phù hợp để triển khai hiệu quả. Cùng với đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cần tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; phát huy phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", gắn với xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh. Đặc biệt, cộng đồng dân cư phải được xác định là chủ thể sáng tạo và thụ hưởng các giá trị văn hóa. Người dân không chỉ tham gia bảo tồn di sản, giữ gìn phong tục, tập quán tốt đẹp mà còn trực tiếp sáng tạo các sản phẩm văn hóa mới phù hợp với thời đại. Khi hệ thống chính trị vào cuộc đồng bộ, cộng đồng đồng thuận và chủ động tham gia, văn hóa sẽ thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc và động lực nội sinh cho sự phát triển địa phương.

Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống Hà Tĩnh trong kỷ nguyên số là một cuộc hành trình dài hạn, đòi hỏi sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của cộng đồng dân cư. Quán triệt tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TU, việc đặt văn hóa vào vị trí trung tâm của sự phát triển và xây dựng con người Hà Tĩnh thích ứng tốt với thời đại số sẽ mang lại những bước đi vững chắc. Khi văn hóa truyền thống được tiếp sức bởi công nghệ hiện đại, di sản của cha ông sẽ không bị "đóng khung" trong quá khứ mà trở thành nguồn lực nội sinh mạnh mẽ, thúc đẩy Hà Tĩnh phát triển nhanh, bền vững và tự tin hội nhập cùng thế giới./.

Tài liệu tham khảo:

Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về *"xây dựng, phát triển văn hóa và con người Hà Tĩnh trong giai đoạn mới"*.

ĐƯA CHUYỂN ĐỔI SỐ THỰC SỰ TRỞ THÀNH ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH HÀ TĨNH

ThS. DƯƠNG THỊ VÂN LINH
Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

***Tóm tắt:** Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ, chuyển đổi số đã trở thành yêu cầu tất yếu đối với sự phát triển của mỗi địa phương. Nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng của chuyển đổi số, đặc biệt với sự ra đời của Nghị quyết 57- NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, tỉnh Hà Tĩnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp đồng bộ nhằm thúc đẩy xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số. Qua quá trình thực hiện, Hà Tĩnh đã đạt được nhiều kết quả bước đầu đáng ghi nhận.*

Xác định chuyển đổi số không chỉ là xu thế mà là yêu cầu phát triển bền vững địa phương, Hà Tĩnh đang có những bước đi bài bản, vững chắc, coi chuyển đổi số là mũi đột phá trong giai đoạn phát triển mới. Chuyển đổi số không chỉ là một nhiệm vụ trọng tâm mà đã trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Hà Tĩnh. Thời gian qua, dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Trung ương, Tỉnh ủy, Uỷ ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh, cùng sự vào cuộc đồng bộ của các sở, ngành, địa phương và nỗ lực, quyết tâm của các cán bộ ngành khoa học công nghệ, thông tin truyền thông, công tác chuyển đổi số ở Hà Tĩnh đã đạt nhiều kết quả tích cực. Đặc biệt, sau khi triển khai Chương trình chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, các cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng chính quyền số hướng tới người dân, doanh nghiệp đã được ban hành và từng bước phát huy hiệu quả.

Một trong những kết quả nổi bật nhất là công tác xây dựng chính quyền số. Các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và giải quyết công việc. Môi trường làm việc điện tử ngày càng được hoàn thiện, tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử đạt mức cao, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính. Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và triển khai cơ chế một cửa điện tử đã giúp người dân, doanh nghiệp giảm thời gian, chi phí thực hiện các thủ tục hành chính, đồng thời nâng cao tính công khai, minh bạch trong hoạt động công vụ.

Công tác cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số đã mang lại nhiều kết quả tích cực. Hàng nghìn thủ tục hành chính được cung cấp trên môi trường điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp thực hiện các giao dịch với

cơ quan nhà nước mọi lúc, mọi nơi. Việc số hóa hồ sơ, sử dụng chữ ký số, thanh toán trực tuyến và khai thác dữ liệu điện tử ngày càng trở nên phổ biến, góp phần xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch, lấy người dân làm trung tâm phục vụ.

Không chỉ dừng lại ở lĩnh vực hành chính công, nhiệm vụ chuyển đổi số được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu cần được tập trung chú trọng triển khai, thông qua quá trình chỉ đạo đã có nhiều cách làm hay mang lại sức lan tỏa và hiệu quả trong công tác chuyển đổi số của tỉnh như: Tổ chức làm việc với các chuyên gia trung ương định hướng 10 nhóm nhiệm vụ chuyển đổi số thời gian tới cho tỉnh ; làm việc với Sở Khoa học và Công nghệ Thành Phố Huế triển khai học tập tư vấn xây dựng chuyển đổi tỉnh Hà Tĩnh theo mô hình Hue-S; triển khai thành công Cuộc thi trực tuyến Tìm hiểu Nghị quyết số 57; phong trào Bình dân học vụ số gắn với "Học tập số" đã tạo được sức lan tỏa, cùng với việc Tổ chức khóa đào tạo nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức phụ trách chuyển đổi số cấp xã theo hình thức cầm tay chỉ việc...đã góp phần đưa các mục tiêu của 57-NQ/TW vào cuộc sống một cách thực chất, hiệu quả. Tỉnh đạt trạng thái XANH toàn diện trong triển khai Giai đoạn 1 Kế hoạch 02-KH/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, thuộc nhóm tỉnh, thành phố hoàn thành tiến độ trước ngày 01/11/2025; cấp xã đạt 100% Xanh theo tiến độ đề ra. Tỉnh làm việc tham vấn các nội dung, cách làm chuyển đổi số của Thành phố Huế, hợp tác triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số giữa 2 tỉnh về kho dữ liệu, trung tâm giám sát điều hành thông minh IOC, đào tạo nhân lực, an toàn bảo mật.

Đã tổ chức 08 hội nghị trực tuyến và trực tiếp, phổ biến, tuyên truyền các văn bản pháp luật mới, quy định quan trọng cho hơn 400 lượt cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; 115 lớp đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; triển khai các khóa học trực tuyến trên nền tảng MOOCs theo nội dung phát động phong trào "Bình dân học vụ số" gắn với "Học tập số" thu hút gần 40 nghìn lượt người tham gia; Tổ chức cuộc thi trực tuyến "Tìm hiểu Nghị quyết số 57" trên địa bàn toàn tỉnh với số lượt truy cập hệ thống đạt gần 940 nghìn lượt và có 996 cơ quan, đơn vị, 69/69 địa phương tham gia - góp phần lan tỏa chủ trương, chính sách của Đảng về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đặc biệt là thực hiện chỉ đạo của Ban Chỉ đạo tỉnh, Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ đã tiến hành khảo sát, xây dựng giáo án kỹ năng số cơ bản và tổ chức 01 khóa đào tạo kéo dài 04 ngày cho 143 cán bộ, công chức phụ trách chuyển đổi số cấp xã theo hướng vừa học, vừa thực hành, cán bộ sở chia làm 12 nhóm để phục vụ "cầm tay chỉ việc" cho cán bộ xã, học đến đâu thực hành thành thạo đến đó[1].

Hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin tại các Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã được đầu tư cơ bản. Triển khai Hệ thống họp trực tuyến đảm bảo kết nối 71 điểm cầu (69 điểm cầu cấp xã, 02 điểm cầu UBND tỉnh) theo hình thức thuê nền tảng và đầu tư thiết bị chuyên dùng 2 chiều, đảm bảo thống nhất về tiêu chuẩn, chủng loại và khả năng tương thích của thiết bị hội nghị truyền hình trực tuyến tại cấp xã với hệ thống hội nghị truyền hình chung của tỉnh.

Triển khai và ra mắt Trung tâm Điều hành an ninh mạng tỉnh Hà Tĩnh (SOC) của

tỉnh, thực hiện giám sát tập trung thực hiện việc thu thập, phân tích và xử lý các sự kiện an toàn thông tin; các ngành đã chủ động phối hợp triển khai một cách đồng bộ trong chuyển đổi số như: xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai, giải quyết thủ tục hành chính toàn trình, đóng nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Chiến dịch 90 ngày xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai. Đến nay, tổng số thửa đất/tài sản gắn liền với đất đã rà soát, xác thực, đối khớp qua cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là 1.333.172 thửa đất/tài sản. Trong đó, đã xác thực, đối khớp với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đạt 69,2%; tỷ lệ thửa đất đã đồng bộ lên cơ sở dữ liệu quốc gia đạt 98%; tỷ lệ thửa đất trong cơ sở dữ liệu đất đai đã "đúng - đủ - sạch - sống" đạt 82%. Xây dựng mã định danh thửa đất cho 2.785.051 thửa đất[2]. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến trên cổng dịch vụ công tỉnh, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt 100%. Hai nhóm dịch vụ công liên thông thiết yếu: tỷ lệ liên thông đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi đạt 99,7%; tỷ lệ liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, chi trả mai táng phí, trợ cấp mai táng đạt 94%. Toàn tỉnh đã có 1.172.909/1.173.178 người đang tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được xác thực đúng với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (tương ứng tỷ lệ hơn 99,96%, đang duy trì xếp thứ nhất toàn quốc về tỷ lệ đồng bộ).

Cùng với đó, 100% DN, tổ chức sử dụng hóa đơn điện tử; 100% hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ nông dân sản xuất sản phẩm theo tiêu chuẩn VietGap, Global G.A.P, OCOP... có ứng dụng điện thoại thông minh, Internet băng rộng, sàn thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt; 7.112 đơn vị đăng ký sử dụng hoá đơn điện tử; hệ thống khai báo, thông quan điện tử; 100% tờ khai đối với hàng hóa xuất nhập khẩu được khai báo trên hệ thống thông quan tự động; 100% phí, lệ phí được thực hiện theo phương thức điện tử.

Việc triển khai ứng dụng Công dân số Hà Tĩnh (i-HaTinh) tích hợp nền tảng phản ánh hiện trường đánh dấu bước tiến quan trọng trong xây dựng chính quyền số, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, minh bạch hóa hoạt động công vụ và tăng cường sự tham gia của người dân, doanh nghiệp. Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) Hà Tĩnh đạt 89,72%, xếp thứ 15 toàn quốc, tăng 3 bậc so với năm trước liền kề và xếp thứ 2 khu vực Bắc Trung Bộ; chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) đạt 85,17%, xếp thứ 16 toàn quốc và xếp thứ 3 khu vực Bắc Trung Bộ; chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), đạt 45,55/80 điểm, xếp thứ 6 toàn quốc, tăng 1 bậc so với năm trước liền kề và xếp thứ 1 khu vực Bắc Trung Bộ.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình chuyển đổi số ở Hà Tĩnh vẫn còn một số khó khăn như hạ tầng số ở một số vùng nông thôn chưa thật sự đồng bộ, nguồn nhân lực công nghệ thông tin còn hạn chế, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh chưa đầy đủ; còn chạy trên nhiều hệ thống phần mềm khác nhau và chưa có tính tích hợp cao; điều này ảnh hưởng đến khả năng kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu trong toàn hệ thống. Một điểm nghẽn khác là năng lực số của đội ngũ cán bộ và người dân. Dù tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử cao, nhưng mức độ am hiểu, kỹ năng sử dụng công nghệ vẫn hạn chế; mặt khác vẫn còn tâm lý "ngại ứng dụng số", "nhờ làm hộ" nhất là tại các trung tâm phục vụ hành chính công.

Để thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết

Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh, đưa chuyển đổi số thực sự trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong thời gian tới cần triển khai đồng bộ các giải pháp trên cả ba trụ cột: chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

Thứ nhất, nâng cao vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền và trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện chuyển đổi số. Chuyển đổi số phải được xác định là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, là một trong những tiêu chí đánh giá năng lực lãnh đạo, điều hành của người đứng đầu các sở, ngành, địa phương. Cần xây dựng cơ chế giao chỉ tiêu, kiểm tra, giám sát và đánh giá định kỳ kết quả thực hiện các mục tiêu chuyển đổi số; lấy kết quả cải thiện Chỉ số chuyển đổi số (DTI), tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị. Đồng thời, phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 trong điều phối, tháo gỡ các điểm nghẽn, bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất từ tỉnh đến cơ sở.

Thứ hai, tập trung hoàn thiện hạ tầng số và phát triển dữ liệu số theo quan điểm "dữ liệu là tài nguyên mới". Trên cơ sở định hướng của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Hà Tĩnh cần ưu tiên đầu tư đồng bộ hạ tầng số, mở rộng vùng phủ mạng băng rộng và 5G, nhất là tại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa; đẩy nhanh xây dựng nền tảng dữ liệu dùng chung của tỉnh và kết nối đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia. Tiếp tục thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu, hình thành kho dữ liệu số của các sở, ngành, địa phương, tạo nền tảng để chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ ba, đẩy mạnh thực hiện Đề án 06 gắn với cải cách hành chính và phát triển chính quyền số. Đây là giải pháp mang tính đột phá nhằm đổi mới phương thức quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân. Cần tiếp tục khai thác hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh và xác thực điện tử; mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, nâng cao tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận và giải quyết trực tuyến, giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính và hạn chế việc người dân phải cung cấp lại thông tin đã có trong hệ thống. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo và phân tích dữ liệu trong hoạt động quản lý, điều hành, góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại, công khai, minh bạch và phục vụ.

Thứ tư, triển khai sâu rộng phong trào "Bình dân học vụ số", phát triển nguồn nhân lực số và phổ cập kỹ năng số cho toàn dân. Với đặc điểm Hà Tĩnh có tỷ lệ dân số nông thôn cao, trình độ tiếp cận công nghệ giữa các vùng còn chênh lệch, việc nâng cao kỹ năng số cho người dân cần được xác định là nhiệm vụ trọng tâm. Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, đoàn viên thanh niên, hội phụ nữ, hội nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tài khoản định danh điện tử VNeID, học tập trực tuyến và các nền tảng số phục vụ sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có năng lực số, từng bước đáp ứng yêu cầu quản trị trong môi trường số.

Thứ năm, phát triển kinh tế số trên cơ sở khai thác lợi thế của Hà Tĩnh. Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất ứng dụng công nghệ số trong quản trị, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; ưu tiên chuyển đổi số trong các lĩnh vực có thế mạnh như nông nghiệp công nghệ cao, sản phẩm OCOP, nhung hươu Hương Sơn,

Xem tiếp trang 112

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC TẠI HÀ TĨNH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ThS. NGUYỄN ANH TẤN

Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật

***Tóm tắt:** Tham nhũng, lãng phí và tiêu cực là những rào cản lớn đối với sự phát triển bền vững của quốc gia, gây ảnh hưởng tiêu cực đến niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng cảnh báo tham nhũng, lãng phí là "kẻ thù giấu mặt" nằm ngay trong tổ chức để phá hoại chúng ta. Vì vậy, chống tham nhũng không chỉ là xử lý vi phạm pháp luật, mà là nhiệm vụ cốt lõi để bảo vệ bộ máy và giữ vững sự ổn định đất nước. Bài viết đề xuất một số giải pháp đấu trnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tại Hà Tĩnh trong giai đoạn hiện nay.*

Nhận thức được tính chất đặc biệt nguy hại của tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định công tác phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ trọng tâm, vừa cấp bách, vừa lâu dài; vừa là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, vừa là trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân. Trong những năm qua, đặc biệt từ khi thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực do Tổng Bí thư trực tiếp làm Trưởng ban, cuộc đấu tranh này đã có bước tiến quan trọng, toàn diện, đạt nhiều kết quả nổi bật, tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ, củng cố niềm tin trong nhân dân và được cộng đồng quốc tế ghi nhận. Tuy nhiên, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn là một thách thức lớn, diễn biến ngày càng tinh vi, phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực nhạy cảm. Đây vẫn là "cuộc chiến" cam go, lâu dài, đòi hỏi quyết tâm chính trị rất cao, sự kiên trì và đồng bộ về giải pháp.

Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 01/4/2026 Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn mới với mục tiêu: kiên quyết, kiên trì phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước và chế độ; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ mục tiêu tăng trưởng kinh tế "2 con số" liên tục trong những năm tới; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2045, Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao, quản trị quốc gia liêm chính, minh bạch, hiện đại.

Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực (PCTN, LP, TC) đòi hỏi một hệ thống giải pháp đồng bộ: hoàn thiện thể chế pháp luật, đẩy mạnh xử lý nghiêm

minh không có vùng cấm, phát huy vai trò giám sát của nhân dân, đồng thời cải cách tiền lương để cán bộ *"không cần, không dám và không muốn"* tham nhũng. Thường trực Ban Bí thư Trần Cẩm Tú yêu cầu cần kịp thời phát hiện, xử lý đồng bộ, nghiêm minh các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, "không có vùng cấm, không có ngoại lệ", không để các sai phạm cũ tái diễn, không để hình thành "nhóm lợi ích". Tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được xác định là "quốc nạn", "giặc nội xâm", đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ.

Để phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, Trung ương đề ra 7 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm. Trong đó, nâng cao vai trò, trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu, thực hành văn hóa liêm chính của cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu và cán bộ, đảng viên trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; xây dựng, kiên trì thực hành văn hóa liêm chính; quyết tâm xây dựng quốc gia liêm chính, xã hội liêm chính với ba trụ cột trọng tâm: Thể chế liêm chính-nền công vụ liêm chính-đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức liêm chính.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ Trung ương giao cho, tỉnh Hà Tĩnh thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh Hà Tĩnh do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban; ban hành Chương trình công tác, kế hoạch kiểm tra năm 2025 của Ban Chỉ đạo tỉnh. Dưới sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Chỉ đạo tỉnh, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trên địa bàn Hà Tĩnh đã đạt được những kết quả tích cực:

Thứ nhất, Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Năm 2025, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tiếp tục được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện và đạt được kết quả khá tích cực trên cả hai mặt phòng và chống, kịp thời ban hành chương trình công tác, kế hoạch kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực năm 2025. UBND tỉnh xác định nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực là trọng tâm xuyên suốt, bảo đảm không bị gián đoạn, lơi lỏng; duy trì sự thống nhất, đồng bộ và hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành. Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của Trung ương về công PCTN, LP, TC; đồng thời thực hiện tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ PCTN nhiệm kỳ 2020 - 2025, xây dựng báo cáo chính trị phục vụ đại hội Đảng các cấp. Trong đó, Tỉnh đã tăng cường công tác phòng, chống lãng phí trong bối cảnh cả nước sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, thực hiện sáp nhập xã, phường, thực hiện chính quyền hai cấp; rà soát các công trình, dự án có dấu hiệu lãng phí lớn trên các lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường, quản lý tài chính, tài sản công. Trên cơ sở các quy định, hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương; Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã triển khai thực hiện và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, xây dựng chương trình, kế hoạch để tổ chức thực hiện như: (1) văn bản số 643/UBND-NC ngày 06/02/2025 về việc triển khai công tác trọng tâm về nội chính, cải cách tư pháp và PCTN, LP, TC; (2) Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 06/3/2025 về công tác PCTN, LP, TC năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; (3) Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 18/3/2025 về việc triển khai Chương trình số 32-CTr/TU ngày 23/01/2025 của BTV Tỉnh ủy về

công tác trọng tâm về nội chính, cải cách tư pháp và PCTN, LP, TC năm 2025; (4) Văn bản số 1762/UBND-TH3 ngày 27/3/2025 của về việc rà soát các công trình, dự án có nguy cơ lãng phí theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, LP, TC; (4) văn bản số 1763/UBND-NC3 ngày 27/3/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện các văn bản về kiểm soát quyền lực, PCTN, TC, LP...

Thanh tra tỉnh tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong công tác tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện hiệu quả chức năng quản lý nhà nước về PCTN, TC; tham mưu xây dựng và triển khai kế hoạch PCTN theo chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương; chủ động hướng dẫn, đôn đốc các sở, ngành, địa phương thực hiện đầy đủ các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý; kiểm soát tài sản, thu nhập; thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng.

Chỉ đạo người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương các cấp xây dựng chương trình, kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực để triển khai thực hiện hiệu lực, hiệu quả tại các địa bàn, lĩnh vực mình quản lý, phụ trách. Chỉ đạo cơ quan chức năng triển khai việc thực hiện kết luận của Đoàn Kiểm tra số 6 Ban Chỉ đạo Trung ương; tập trung xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực, nhất là các vụ việc thuộc diện Ban Nội chính Trung ương và Ban Chỉ đạo tỉnh theo dõi, chỉ đạo.

Thứ hai, về công tác phổ biến, quán triệt các quy định mới. Ban Chỉ đạo đã phổ biến, quán triệt, triển khai kịp thời, nghiêm túc các quy định của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ; trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán. Nhiều quy định mới về xây dựng Đảng, quản lý kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được ban hành, cụ thể hóa. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN, LP, TC được các sở, ban, ngành, địa phương quan tâm, xem là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, liên tục góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong phòng ngừa, đấu tranh với các hành vi tham nhũng, LP, TC. Về nội dung tuyên truyền, được xây dựng sát thực tế, hình thức đa dạng, linh hoạt, kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến. Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Chính trị Trần Phú, Trường Đại học Hà Tĩnh, các Trường cao đẳng trên địa bàn tiếp tục thực hiện đưa nội dung PCTN, TC vào chương trình giảng dạy theo quy định; các sở, ban, ngành, địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch lồng ghép đưa các nội dung PCTN, TC vào các hội nghị tuyên truyền, tập huấn pháp luật và các buổi sinh hoạt cơ quan; các cơ quan báo chí, phát thanh - truyền hình tích cực phổ biến pháp luật về PCTN, LP, TC thông qua các chuyên đề, chuyên mục phổ biến pháp luật; đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội (Zalo, Facebook), khai thác hiệu quả hệ thống loa truyền thanh cơ sở để tuyên truyền tới tận xã, phường, thôn, tổ dân phố và Nhân dân. Trong năm, toàn tỉnh đã tổ chức 110 lớp tuyên truyền, với 7.526 lượt người tham gia. Các đơn vị đã chủ động thông tin, công khai kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử lý các vụ việc, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng, kinh tế, những vấn đề nhạy cảm, dư luận xã hội quan tâm, giúp định hướng để người dân hiểu rõ về những kết quả đạt được trong công tác PCTN, LP, TC, qua đó khẳng định quyết tâm của Đảng và Nhà nước trong công cuộc đấu tranh PCTN, LP, TC.

Thứ ba, tăng cường phòng ngừa từ sớm, từ xa và xử lý các sai phạm. Ban Chỉ đạo đã chỉ đạo thực hiện tốt công tác thẩm định, tham gia ý kiến về công tác cán bộ bảo đảm nghiêm túc, trách nhiệm, khách quan, đúng quy định, nhất là nhân sự, cấp ủy, chính quyền địa phương khi thực hiện sáp nhập, hợp nhất. Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác tiếp nhận, xử lý đơn thư, tiếp công dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của Nhân dân. Tăng cường công tác phòng, chống lãng phí trong bối cảnh cả nước sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, thực hiện sáp nhập xã, phường, thực hiện chính quyền hai cấp. Rà soát các công trình, dự án có dấu hiệu lãng phí lớn trên các lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường, quản lý tài chính, tài sản công. Theo báo cáo số 653/BC-UBND ngày 29/11/2025 của UBND tỉnh, kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng: tổng số vụ án, bị can đang thụ lý, điều tra: 06 vụ/07 bị can, phát hiện, điều tra trong kỳ: khởi tố 06 vụ/07 bị can. Tổng tài sản thu hồi, thu giữ từ các vụ án là 778.424.590 đồng.

Thứ tư, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát được đẩy mạnh. Tập trung vào các lĩnh vực nhạy cảm như: đấu thầu, đầu tư xây dựng, quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản. Ban Chỉ đạo tỉnh đã hoàn thành 3/4 cuộc kiểm tra tại các cấp ủy, đơn vị; chỉ đạo các cơ quan chức năng đẩy nhanh tiến độ giải quyết các vụ việc, vụ án. Tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTN: 14 cuộc; số đơn vị được thanh tra: 22 đơn vị; số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTN đã ban hành kết luận: 14 cuộc. Nội dung các cuộc thanh tra tập trung đánh giá việc xây dựng và thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, việc công khai, minh bạch trong hoạt động, kê khai và kiểm soát tài sản, thu nhập, chuyển đổi vị trí công tác và trách nhiệm của người đứng đầu trong PCTN. Qua thanh tra, Thanh tra tỉnh đã kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế; kiến nghị biện pháp khắc phục và nâng cao hiệu quả công tác PCTN, LP, TC góp phần củng cố kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan, đơn vị.

Thứ năm, phát huy vai trò của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, cơ quan báo chí và Nhân dân trong giám sát, phản biện xã hội. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả giám sát, phản biện của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm giải trình của chính quyền các cấp. Công tác thông tin, công khai kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng, kinh tế được đẩy mạnh, gắn với tuyên truyền, nhân rộng gương người tốt, việc tốt, bảo vệ và khuyến khích những người dũng cảm đấu tranh với hành vi tham nhũng. Nhờ làm tốt công tác này, đã góp phần quan trọng vào ổn định tình hình và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh...

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trên địa bàn Hà Tĩnh còn có những khó khăn, hạn chế nhất định:

Thứ nhất, hạn chế trong công tác tuyên truyền, giáo dục và kiểm soát quyền lực nội bộ. Việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo chưa được tiến hành thường xuyên, sâu rộng, hiệu quả thực tế chưa cao; công tác kiểm tra, giám sát nội bộ tại các đơn vị vẫn là khâu yếu; việc triển khai phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (PCTN, TC) khu vực ngoài nhà nước chưa được thường xuyên, quyết liệt; cơ chế kiểm soát quyền lực áp dụng trong hoạt động thanh tra, kiểm tra còn nhiều bất cập, chưa chặt chẽ.

Thứ hai, bất cập trong phối hợp, phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng, tiêu cực. Việc phát hiện tham nhũng qua thanh tra còn gặp nhiều khó khăn; dù đã xử lý về mặt kinh tế đối với các sai phạm nhưng tỷ lệ phát hiện, đề xuất xử lý hành vi tham nhũng thực tế còn hạn chế; công tác phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng, tiêu cực tại một số lĩnh vực, địa phương còn chậm trễ, chưa giải quyết triệt để tận gốc; sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng, tiêu cực có lúc, có nơi còn thiếu nhịp nhàng, đồng bộ.

Thứ ba, tình trạng lãng phí và quản lý, sử dụng nguồn lực công chưa hiệu quả. Tình trạng lãng phí vẫn xảy ra ở một số nơi, đặc biệt là lãng phí về mặt thời gian và công sức lao động; việc quản lý, khai thác nguồn lực đất đai, tài nguyên thiên nhiên và tài sản công tại một số địa phương còn lỏng lẻo, dẫn đến lãng phí và chưa tối ưu hóa được giá trị.

Những khó khăn, hạn chế nêu trên có nguyên nhân trước hết từ nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực chưa đầy đủ; trách nhiệm người đứng đầu có nơi, có lúc chưa được phát huy; công tác kiểm tra, giám sát có lúc còn hình thức; việc tổ chức tuyên truyền pháp luật về Luật PCTN đã được triển khai nhưng chưa đạt kết quả cao, nhất là tuyên truyền trong các tầng lớp Nhân dân; trách nhiệm của người đứng đầu ở một số cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác PCTN, tiêu cực chưa cao. Công tác PCTN, tiêu cực trong các doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước đã được triển khai, hướng dẫn; tuy vậy, nhận thức và hiệu quả thực hiện còn hạn chế. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật còn một số kẽ hở, bất cập; cơ chế, chính sách chưa thực sự đồng bộ; năng lực của một bộ phận cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra còn hạn chế. Các quy định cụ thể về PCTN, lãng phí chưa được điều chỉnh, bổ sung đầy đủ, vẫn còn thiếu các quy định và biện pháp cần thiết cho công tác đấu tranh chống tội phạm tham nhũng, tiêu cực; cơ chế, chính sách để kiểm soát tài sản, thu nhập, nguồn gốc tài sản, thu nhập và giải pháp răn đe để người có điều kiện tham nhũng không dám tham nhũng chưa đủ mạnh và hiệu quả chưa cao; chưa có các biện pháp hữu hiệu để người tố cáo, tố giác hành vi tham nhũng và người thân của họ được bảo vệ an toàn tuyệt đối, đồng thời được vinh danh, khen thưởng xứng đáng.

Để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, trong thời gian tới cần quan tâm thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, nhóm giải pháp về công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Tiếp tục quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Đặc biệt là Nghị quyết Đại hội XIV, Quy định số 131-QĐ/TW, Quy định số 231-QĐ/TW của Bộ Chính trị, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ tỉnh. Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Người đứng đầu phải thực sự gương mẫu, nói đi đôi với làm, chịu trách nhiệm trước cấp ủy, chính quyền cấp trên và nhân dân nếu để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong phạm vi quản lý. Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chức năng triển khai thực hiện kết luận của Đoàn Kiểm tra số 6 Ban Chỉ đạo Trung ương; tập trung xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực, nhất là các vụ việc thuộc diện Ban Nội chính Trung ương và Ban Chỉ đạo tỉnh theo dõi, chỉ đạo.

Thứ hai, nhóm giải pháp về phòng ngừa - xây dựng cơ chế "không thể tham nhũng". Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra,

giám sát trên các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tham nhũng, lãng phí: đầu tư xây dựng, quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản, quản lý tài chính, tài sản công, đấu thầu, mua sắm công. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy trình nghiệp vụ nhằm bảo đảm kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động thanh tra, kiểm tra. Khắc phục những sơ hở, bất cập trong quản lý kinh tế - xã hội để "không thể tham nhũng". Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, đơn vị. Thực hiện nghiêm việc chuyển đổi vị trí công tác đối với người được giao theo dõi, thanh tra, kiểm tra tại một địa bàn, lĩnh vực theo thời gian quy định hoặc khi thấy cần thiết. Thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống lãng phí theo văn bản chỉ đạo của Trung ương và Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Rà soát, xử lý dứt điểm tình trạng lãng phí đất đai, tài nguyên, tài sản công, mua sắm công; giải quyết các dự án tồn đọng, kéo dài.

Thứ ba, nhóm giải pháp về phát hiện, xử lý - tạo cơ chế "không dám tham nhũng". N*âng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử.* Xử lý nghiêm minh, kịp thời, công khai các vụ án tham nhũng, tiêu cực, bảo đảm «đúng người, đúng tội, đúng pháp luật»; kiên quyết thu hồi tài sản tham nhũng. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực. Chỉ đạo các cơ quan tiến hành tố tụng đẩy nhanh tiến độ xử lý, giải quyết các vụ việc, vụ án tiêu cực, tham nhũng; chỉ đạo tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong công tác giám định, định giá tài sản trong các vụ án, vụ việc. Coi trọng công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra khi có dấu hiệu vi phạm; chú trọng kiểm tra, giám sát thường xuyên, đột xuất tại các lĩnh vực, địa bàn trọng điểm, dễ phát sinh tiêu cực.

Thứ tư, nhóm giải pháp về xây dựng văn hóa liêm chính - tạo cơ chế "không muốn tham nhũng". Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự tự giác, thống nhất cao về ý chí và hành động trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Làm cho mọi người thấy rõ việc xử lý nghiêm khắc cán bộ sai phạm không làm "chậm lại" sự phát triển, mà ngược lại, làm trong sạch bộ máy, củng cố niềm tin của nhân dân. Gắn công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức trong sáng, lối sống lành mạnh, liêm khiết, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng. Phát huy vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, báo chí và nhân dân. Xây dựng cơ chế bảo vệ người tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tạo điều kiện để nhân dân tham gia giám sát việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Đưa nội dung công tác phòng, chống lãng phí, tiêu cực vào báo cáo chính trị trình đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030, coi đây là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền các cấp.

Thứ năm, nhóm giải pháp về kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ. Ban Chỉ đạo tỉnh tiếp tục chỉ đạo thành lập các đoàn kiểm tra theo kế hoạch. Nghiên cứu, tham mưu văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các xã, phường (sau sáp nhập) đưa nội dung công tác phòng, chống lãng phí, tiêu cực vào báo cáo chính trị. Nâng cao năng lực, bản lĩnh, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, điều tra, truy tố, xét

xử. Thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật các quy định mới của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tăng cường và làm tốt công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực sẽ góp phần quan trọng vào ổn định tình hình và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Hà Tĩnh./.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2026), Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 01/4/2026 Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn mới.

3. Bộ Chính trị (2023), Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán.

4. Bộ Chính trị (2025) Quy định số 231-QĐ/TW, ngày 17/01/2025 của Bộ Chính trị về bảo vệ người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

5. Bộ Chính trị, Chỉ thị số 27-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

6. Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh Hà Tĩnh (2024), Báo cáo kết quả hoạt động 9 tháng năm 2024.

7. Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh Hà Tĩnh (2025), Chương trình công tác, kế hoạch kiểm tra năm 2025.

8. Báo cáo số 653/BC-UBND ngày 29/11/2025 của UBND tỉnh về Kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư KNTC và PCTN, LP, TC năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026 (Báo cáo tại Kỳ họp cuối năm 2025, HĐND tỉnh khóa XVIII).

ĐƯA CHUYỂN ĐỔI SỐ...

(Tiếp theo trang 105)

bưởi Phúc Trạch, cam Khe Mây, logistics cảng biển, công nghiệp tại Khu kinh tế Vũng Áng và du lịch. Khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn và thương mại điện tử nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Thứ sáu, xây dựng xã hội số toàn diện, lấy người dân làm trung tâm của quá trình chuyển đổi số. Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục, y tế, an sinh xã hội và thương mại; mở rộng bệnh án điện tử, học bạ số, hồ sơ sức khỏe điện tử; phát triển các nền tảng số phục vụ giáo dục, y tế, văn hóa và du lịch thông minh. Quan tâm hỗ trợ người cao tuổi, người yếu thế, người dân vùng sâu, vùng xa tiếp cận các dịch vụ số, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau trong tiến trình chuyển đổi số.

Chuyển đổi số là nhiệm vụ mang tính chiến lược, có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển nhanh và bền vững của Hà Tĩnh trong giai đoạn hiện nay. Với quyết tâm chính trị cao, sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và toàn thể nhân dân, Hà Tĩnh hoàn toàn có cơ sở để tạo ra những bước đột phá mạnh mẽ trong xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và hình thành xã hội số, qua đó nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh của địa phương trong thời kỳ hội nhập và phát triển./.

Chú thích

(1). Báo cáo tổng kết hoạt động khoa học, công nghệ năm 2025; phương hướng; nhiệm vụ năm 2026, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Tĩnh.

(2). Báo cáo về chiến dịch 90 ngày xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai năm 2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh.



Trường Chính trị Trần Phú nhận giấy khen tập thể có thành tích xuất sắc và 6 cá nhân nhận giải (1 giải C, 5 giải khuyến khích) tại Lễ tổng kết và trao giải cuộc thi chính luận cấp tỉnh về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng năm 2026



Lễ Bế giảng, trao bằng tốt nghiệp Lớp trung cấp chính trị tập trung Khóa 207 và Khóa 208 - Công an tỉnh



Đảng ủy, Ban Giám hiệu và tập thể cán bộ, giảng viên tổ chức hoạt động tri ân nhân dịp Ngày Thương binh - Liệt sĩ 27/7/2026



Hội đồng đánh giá, nghiệm thu Tập bài giảng "Thực tiễn kinh nghiệm xây dựng, phát triển tỉnh Hà Tĩnh"

SÁCH KHÔNG BÁN